

TRẦN LÊ VĂN

Thung mơ
Thung mơ
Hương Tích



TRẦN LÊ VĂN

THUNG MƠ HƯƠNG TÍCH

, (In lần thứ hai)

**NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
HÀ NỘI - 2003**

LỜI NÓI ĐẦU

Hương Sơn là một cảnh đẹp thiên nhiên nổi tiếng của nước ta. Ở đây, cảnh đẹp thiên nhiên lại được tay người tô điểm thêm từ lâu đời bằng những công trình văn hóa, nghệ thuật. Ngoài ra, Hương Sơn còn là một nơi có nhiều di tích lịch sử: lịch sử hoạt động của nghĩa quân chống Pháp, lịch sử Cách mạng và Kháng chiến; một địa điểm khảo cổ học; một vùng quê hương có truyền thống cần cù, dũng cảm; một vùng rừng núi - giữa đồng bằng - có nhiều đặc sản quý...

"Thung mơ Hương Tích" là một tập bút ký giới thiệu các mặt đó của cảnh Hương Sơn. Trên cơ sở những tư liệu sưu tầm một cách công phu qua nhiều nguồn: nguồn chuyện kể của người địa phương, nguồn văn bia, thiền phả, nguồn sách vở tư liệu khác... và bằng một lối văn vui, sinh động, tác giả cố gắng đáp ứng những yêu cầu của khách vào thăm Hương Sơn muốn hiểu về Hương Sơn.

Tuy đây mới chỉ là bước đầu giới thiệu thắng cảnh Hương Sơn một cách tương đối toàn diện, có thể còn nhiều thiếu sót, nhưng cũng phần nào giúp ích cho bạn đọc và khách thăm cảnh.

Hương Sơn là một nơi du lịch thường xuyên, việc thăm cảnh Hương Sơn sẽ tùy theo hoàn cảnh thì giờ của từng tập thể, từng người và không nhất thiết tập trung quá đông vào dịp hội hè như cũ. Khách du lịch tham quan sẽ càng có điều kiện tìm hiểu kỹ về cảnh đẹp Hương Sơn.

"Thung mơ Hương Tích", ở mức độ nào đó, có thể coi như một tài liệu hướng dẫn du lịch. Về các mặt học thuật mà tác giả đề cập tới trong sách này, chắc chắn các nhà chuyên môn sẽ có dịp đi sâu thêm, nghiên cứu về từng chuyên đề của vùng thắng cảnh này.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

RỪNG NÚI HƯƠNG SƠN CÒN NHỚ MÃI

*...Ngẩng đầu: mặt trời đỏ
Bên suối, một nhành mai⁽¹⁾*

Trên đây là hai câu trong bài thơ "*Lên núi*", Bác Hồ viết năm 1942.

Hai câu thơ vừa hào hùng vừa tươi mát của Bác, nếu ngâm đọc khi "lên núi" Hương Sơn - nơi có nhiều "nhành mai bên suối" - cũng rất hợp. Thơ Bác, cũng như tấm lòng của Bác, chứa chan tình yêu nước thương dân và bát ngát tình cảm với sông dài, trời rộng.

Cùng với bài thơ "*Lên núi*", có nhiều bài khác, câu khác của Bác, nếu đem đề tặng Hương Sơn cũng giống như tranh vẽ chính cảnh Hương Sơn:

⁽¹⁾ Nhà thơ Tố Hữu dịch từ nguyên văn chữ Hán.

Sông núi muôn trùng trải gấm phơi⁽¹⁾

và

*Núi ấp ôm mây, mây ấp núi
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ⁽²⁾*

Mùa thu năm 1949, Bác làm thơ khi "Đi thuyền trên sông Đáy", con sông chảy qua xã Hương Sơn và huyện Mỹ Đức:

*Dòng sông lặng ngắt như tờ
Sao đưa thuyền chạy, thuyền chờ trăng theo
Bốn bề phong cảnh vắng teo
Chỉ nghe cót két tiếng chèo thuyền nan
Lòng riêng, riêng những bàn hoàn
Lo sao khỏi phục giang san Tiếng Rừng
Thuyền về, trời đã rạng đông
Bao la nhuộm một màu hồng đẹp tươi.*

Trong cảnh đẹp thiên nhiên, Bác không quên lo việc nước. Lo việc nước, Bác không quên đón nhận rất tinh tế từng nét đẹp của quê hương yêu dấu. Một con thuyền, một dòng sông, những ngôi sao và một vầng trăng quện quện với nhau trong một chuyến đi tới rạng đông.

⁽¹⁾, ⁽²⁾ Bản dịch từ chữ Hán của Viện Văn học.

Ngày 19-5-1958 - đúng ngày kỷ niệm sinh nhật Bác - Bác vào thăm cảnh Hương Sơn và Bác đọc thơ. Hồi ký ghi rằng:

"...Ở khu vực này, có nhiều ngọn núi rất cao. Có chỗ có bậc đá dựng đứng lên, tên địa phương gọi là Cật Thung Lim. Bác vượt qua những bậc đá rất khó bước lên, rồi Bác dừng lại nói chuyện:

- Hôm nay đi núi, các chú có chuyện vui cứ nói cho vui!

Bác nói chuyện thời kỳ Bác hoạt động cách mạng ở nước ngoài rồi Bác đọc cho mọi người nghe những bài thơ về phong cảnh..."⁽¹⁾.

Đọc hồi ký đến đoạn "Bác vào thăm động Hương Tích": "Những nhũ đá được nắng rọi vào, rục rờ, long lanh. Những con chim riu rít gọi nhau trên cành. Bác dừng lại, nhìn toàn bộ phong cảnh"⁽²⁾ chúng tôi lại nhớ đến hang Pác Bó cũng có nhũ đá to, đẹp. Bác đã tạc tượng Các Mác trên một nhũ đá. Bác đã trồng cây ổi rừng để ngày ngày lấy lá nấu nước uống thay chè. Và năm 1961, về thăm lại Pác Bó, Bác đã trồng một khóm trúc. Khóm trúc đã lan thành một vạt rất đẹp. Chắc là những

^{(1), (2)} Trích bài "Bác về thăm cảnh đẹp Hương Sơn" hồi ký của đồng chí Trần Thế Uông. Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hà Tây, Quách Vinh ghi (Tập san Văn hóa Hà Tây, tháng 5-1973).

khóm trúc Pác Bó cũng giống những khóm trúc ở núi Thiên Trù (Hương Sơn).

"...Xem động Hương Tích xong, Bác và mọi người cùng ngồi nghỉ trên chiếc bệ đá ra ở ngoài cửa động. Bác hỏi:

- Các chú đã đói chưa?

Đồng chí phục vụ đem cơm nắm ra mời Bác và cả đoàn cùng ăn. Ăn cơm xong, đồng chí Nguyễn Lương Bằng đề nghị với Bác bắt đầu trở về. Khi về đến đền Trấn Song, đồng chí K. là người bảo vệ Bác, báo cáo với Bác:

- Thưa Bác, đã mười hai giờ trưa. Chỗ này mát mẻ, cảnh lại đẹp, mời Bác nghỉ trưa một lúc.

Bác nhận lời.

...Sức khỏe của Bác trong thời gian này rất tốt. Khi trèo núi Bác đi rất nhanh. Lúc nằm nghỉ trưa, Bác vừa mới nằm, tôi thấy Bác đã ngủ rất ngon. Những giọt mồ hôi thấm qua tấm áo màu gụ của Bác..."⁽¹⁾.

Đoạn cuối của cuốn hồi ký ghi một nét về không khí ấm áp từng bừng của Hương Sơn trên đường Bác đi ra:

⁽¹⁾ Trích bài "Bác về thăm cảnh đẹp Hương Sơn" hồi ký của đồng chí Trần Thế Uông. Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hà Tây, Quách Vinh ghi (Tập san Văn hóa Hà Tây, tháng 5-1973).

"...Nắng đã ngả về chiều. Đồng chí Nguyễn Lương Bằng mời Bác xuống dò.

Buổi sáng đi dò, suối có vẻ đẹp riêng. Buổi chiều đi dò, suối cũng có một vẻ đẹp riêng.

Nắng chiều rơi vào vách núi, in xuống dòng suối, vên len như gấm ở dưới đáy nước.

...Bác nhìn phong cảnh và khen:

- Cảnh đẹp thật! Suối đi quanh co rất đẹp.

...Việc chuẩn bị đưa Bác đi chùa Hương, chỉ có tôi và đồng chí Sửu biết, ngoài ra không có ai biết cả... Khi con dò đưa Bác trở ra đến đầu suối Yến thì thấy nhân dân xã Hương Sơn đã đứng chờ ở trên bên rất đông. Tiếng hô "Hồ Chủ tịch muôn năm" vang đến cả khu đền Trình"...⁽¹⁾

*

* *

Câu chuyện Bác Hồ thăm cảnh Hương Sơn, bà con vùng này còn truyền tụng mãi. Đây là một sự tích rất hiện thực và rất đẹp của một vùng non nước thần tiên. Rừng núi Hương Sơn còn nhớ mãi,

⁽¹⁾ Trích bài "Bác về thăm cảnh đẹp Hương Sơn" hồi ký của đồng chí Trần Thế Uông. Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hà Tây, Quách Vinh ghi (Tập san Văn hóa Hà Tây, tháng 5-1973).

vang vọng mãi tiếng nói và lời thơ của Bác. Cán bộ và nhân dân đã thực hiện và đang tiếp tục thực hiện lời Bác khuyên nhủ: "Phải biết quý cảnh đẹp thiên nhiên", "Phải có sự vun trồng của con người". Thung mơ đã được trồng thêm nhiều mơ, thung dâu đã được trồng thêm nhiều dâu, nơi khác đã được trồng thêm nhiều sắn, mít...

*
* *

Cán bộ và nhân dân cũng đã thực hiện và đang tiếp tục thực hiện lời Thủ tướng Phạm Văn Đồng căn dặn, khi Thủ tướng vào thăm cảnh Hương Sơn ngày xuân năm 1961:

- Cơ quan văn hóa và chính quyền địa phương cần trông nom, xây dựng lại cảnh đẹp.

Cảnh Hương Sơn nghìn xưa vốn đẹp. Bom đạn của kẻ xâm lược đã gây nên những đổ nát, hoang tàn. Chúng ta ra sức xây dựng lại cho cảnh đẹp càng thêm đẹp.

MỘT BỨC TRANH TÌNH

Trước con mắt của Tản Đà, một nhà thơ cận đại có nhiều gắn bó với Hương Sơn, thì cảnh chùa Hương là "một bức tranh tình". "Tình" đây, hiểu theo một cái nghĩa cao, rộng, không phải là chuyện "thường tình".

Thơ tám câu của Tản Đà viết về cảnh này, đâu không thể coi là toàn bích, cũng có bốn câu thật hay:

*Chùa Hương trời điểm lại trời tô
Một bức tranh tình trải mấy thu
Xuân lại, xuân đi, không dấu vết
Ai về, ai nhớ, vẫn thơm tho...*

Bao nhiêu năm tháng đến và đi, "bức tranh" ấy không có dấu vết gì của tuổi tác. Sau những ngày làm việc chăm chỉ, và bằng lòng với công việc của mình, gặp ngày thư thả, ta hưởng chút giờ phút giải lao, vào xem "bức tranh", vào hẩn "bức tranh" rồi từ trong "tranh" đi ra, mang theo một

mùi hương thanh nhẹ góp với hương vị đậm đà của cuộc sống hàng ngày. Ta tự thấy mình giàu có thêm, yêu đời thêm. Cảnh giúp cho tình. Cảnh cũng là tình. Câu thơ "tình" của Tản Đà tả cảnh vẫn có ý nghĩa đối với chúng ta ngày nay.

Gần đây, các trường học của ta và công đoàn các cơ quan, nhà máy ta thường tổ chức, vào dịp hè, những cuộc đi chơi thăm cảnh cho học sinh, cán bộ và công nhân. Ai cũng thích thú. Người có tuổi mà được đi cũng náo nức như trẻ thơ. Náo nức ngay từ lúc chuẩn bị một gói lương khô, một bình toong nước... Những cuộc đi ấy có hiệu lực biết bao trong việc bồi bổ sức khỏe, bồi bổ trí tuệ và bồi bổ cái "tình" đối với "sơn kỳ thủy tú" nước ta.

Dù chưa có thì giờ đi xa lắm thì - sau những cuộc đi ngắn hạn thôi - ta cũng "gặt hái" được khá nhiều. Ra bãi cát Sầm Sơn, ta có thể hút vào phổi cái bao la của biển. Trèo lên dốc Hoàng Liên, ta có thể thu vào mắt cái thế chạm trời của núi. Hoặc đi về phía bắc tỉnh Hà Tây, ít ra ta cũng gặp gỡ vẻ đẹp xưa của chiếc lầu múa rối nước chùa Thầy, vẻ đẹp mới của nông trường dâu tằm núi Tản...

Dù không phải là người viết văn, làm thơ thì - sau những cuộc đi như thế - bạn cũng kể lại được nhiều chuyện hay, ghi lại được những dòng nhật ký hay. Nếu bạn là người viết văn, làm thơ, đã

thấm nhuần sâu sắc thực tế sản xuất, chiến đấu, lại có nhiều rung động về cảnh đẹp thiên nhiên thì trang viết của bạn hẳn càng tăng thêm khí sắc. Ở đây, tôi xin phép dẫn ra một đoạn văn nói về tác động của thiên nhiên đối với cảm xúc của người nghệ sĩ. Nghệ sĩ được nói tới trong này là Tư Mã Thiên, một cây bút lớn về văn, về sử của Trung Quốc đời Hán:

"Tử Trường (tức Tư Mã Thiên)... không dừng chân ở nhà mấy khi, không phải là đắm mê chơi rong đâu, nghĩa là xem cho trải hết cảnh lạ lùng thiên hạ, để giúp cho cái khí văn chương, rồi mới nhả ra mà làm sách. Nay xem trong sách của ông thì tựa như trông thấy cảnh tượng lúc đi chơi.

Ông ta, phía nam vượt sông Tràn Hoài, ngược dòng Đại Giang, trông thấy ngọn sóng cuộn cuộn, tiếng gió âm ào, vật ngang tạt ngựa, cho nên văn chương trôi chảy man mác, mạnh mẽ vô cùng.

Chơi xem trên hồ Vân Mộng, hồ Động Đình và hồ Bành Lãi, thấy nước rộng mênh mông, rập rờn sóng biếc, hàng muôn ngọn sóng dồn vào cũng không đầy, cho nên văn chương tràn chứa mà sâu thăm thẳm.

Trông thấy núi Cửu Nghi quanh co, núi Vu Sơn chót vót, đám mây buổi sớm đỉnh Dương

Đài, lớp khói buổi chiều núi Sương Ngô, lan man nghi ngút, màu vẽ biến đổi vô thường, lúc thì đượm đà như dáng mùa xuân, lúc lại phai nhạt như cảnh mùa thu, cho nên văn chương tươi đẹp mà rườm rà..."⁽¹⁾.

Tất nhiên Tư Mã Thiên viết văn hay là do ông thâm nhập thực tế xã hội thời ấy, nhưng cũng do ông thâm nhập những "bức tranh tình" trên đường muôn dặm.

*
* *

Con người ta tuổi sống thì có hạn mà mơ ước thì không cùng. Nhiều cái do chính con người làm ra lại vượt rất xa sức lực và tuổi sống của bản thân mình. Một cuộc cách mạng đánh đuổi kẻ xâm lược, đánh đổ giai cấp bóc lột để xây dựng một đất nước mới, một thế giới mới. Những chuyến bay vào vũ trụ... Tất cả đều bắt đầu bằng mơ ước. Tựa như có quyển sách ước của thần núi Tản Viên.

Cái thích thú được ngắm trời cao đất rộng có lẽ cũng là một trạng thái mơ ước của mỗi người

⁽¹⁾ "Mã Tồn nói về cái hay của văn Tư Mã Thiên" - Phan Kế Bình dịch (Việt Hán văn khảo).



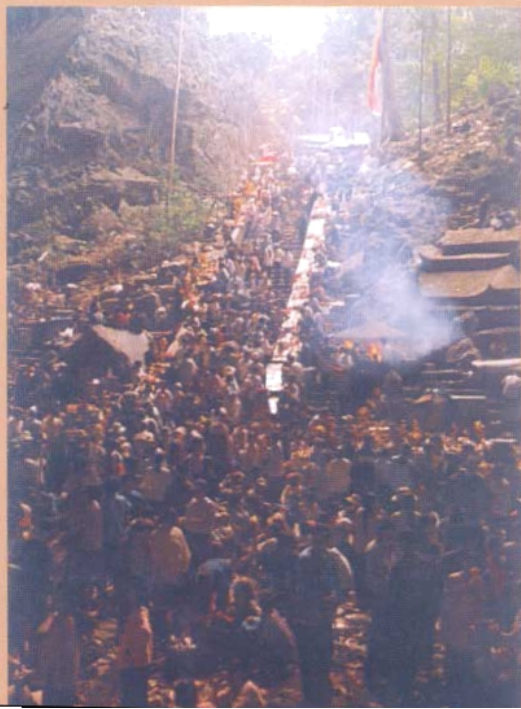
CẦU HỘI



BẾN ĐỤC



TRÊN ĐỈNH LONG VÂN



HÀNH HƯƠNG

được làm "cánh hồng bay bổng tuyệt vời". Cháu bé tí tẹo ngồi hóng mát với mẹ ở ngoài sân, một tối mùa hè, cũng đã thích giơ ngón tay lên trời mà đếm sao: "Một ông sao sáng, hai ông sao sáng...".

Nói về mặt khác, tình yêu của con người đối với thiên nhiên là một tình yêu cố hữu. Có lẽ vì cái "nôi" của mình từ thuở hoang sơ vốn là ở đó; cái đẹp hồn nhiên như "tạo hóa khéo ra tay xếp đặt" cũng ở đó; cái hình ảnh của sự ước mơ "lên cao, bay xa" cũng ở đó. Con người tốt đẹp là một "nốt" nhạc trong bản đàn thiên nhiên.

Người ta yêu thiên nhiên đến mức bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu cũng muốn có bên mình một chút thiên nhiên. Chỗ ngồi chơi trong nhà, nơi phòng giấy làm việc, cần mấy nhành hoa hoặc một cây "vạn niên thanh" trên bàn, một bức vẽ sơn thủy (dù là vẽ vụng) trên tường. Nếu lại có tiếng chim gáy ngoài hiên, mùi hoa lý trên giàn thính thoảng đưa vào thì càng "tuyệt"! Tôi không nói đến những người mê "chơi cảnh" đến nỗi lơ là công tác, trễ nải việc làm ăn. Tôi ưa những người biết cách bồi dưỡng sức khỏe tinh thần để tăng cường sức khỏe thể chất, thêm lợi ích cho đời và cho mình. Chẳng phải chỉ có người già mới yêu thiên nhiên. Bạn trẻ cũng yêu thiên nhiên theo kiểu của mình. Chả có thể mà trong đám cưới, người ta tặng hoa cho

nhau. Hoa là do người trồng nhưng thiên nhiên cũng góp phần đáng kể.

Công viên cũng vậy. Thành phố, thị xã có công viên. Nông thôn - những nơi làm ăn khấm khá - cũng có công viên. Những lúc nghỉ ngơi, có lẽ bạn trẻ thích đến công viên hơn cả người già. Nghe hòa nhạc, nói chuyện tâm sự, có khi ôn lại một tiết mục sắp trình diễn trong buổi liên hoan.

*

* *

Cảnh đẹp Hương Sơn - cũng như bất cứ cảnh đẹp nổi tiếng nào khác - là một công viên lớn. Vườn nhà Phật gọi là "Kỳ viên". Đây là "Kỳ viên" của "chúng sinh", của mọi người.

Ngày xưa, thắng cảnh (cảnh đẹp hơn nơi khác) thường đi đôi với "danh lam" (chùa nổi tiếng). Trong thắng cảnh thường có danh lam. Ngoài ý nghĩa thờ cúng, danh lam là những công trình nghệ thuật điểm tô cho thắng cảnh. Những ngọn tháp, những pho tượng, những bức phù điêu... thuộc về nghệ thuật đời Lý, nghệ thuật đời Trần... còn để lại đến nay, chứng tỏ tài năng của dân tộc ta, một dân tộc đánh giặc cũng giỏi, làm nghệ thuật cũng tài.

Trong xã hội cũ, kiếp người trăm luân chưa tìm ra lối thoát, đành chỉ biết cầu Trời, khẩn Phật.

Chùa chiền là nơi người ta đến lễ bái, cầu phúc. Chùa Hương, nơi nổi tiếng danh lam, càng được coi là có nhiều "linh ứng". Trong số khách hành hương, phần đông là các bà, các cô. Nhưng ngầm cho cùng, ngay cái thời mà mẫu mực của vẻ đẹp phụ nữ còn là:

....Năm thương cổ yếm đeo bùa

Sáu thương nón thượng quai tua dịu dàng...

ngay cái thời mà mê tín còn làm say người như một chất rượu mạnh, người ta vào chùa Hương cũng không phải chỉ đơn thuần vì việc lễ bái. Thiện nam tín nữ "dốc lòng muốn dời chân tới cảnh"⁽¹⁾ ngoài cái vui hành hương còn có cái vui bầu bạn, cái vui vào cảnh đẹp.

Ngày nay, tín ngưỡng không hề bị vi phạm nhưng mê tín dị đoan không có lý do tồn tại. Một số người có tuổi vẫn lễ bái nhưng tâm trạng không còn đau khổ như xưa. Nơi danh lam vẫn được sửa sang để điểm tô cho thắng cảnh. Chúng ta vào Hương Sơn với tấm lòng ngưỡng mộ đối với một kỳ quan của thiên nhiên nước ta. Một "bức tranh tình"...

⁽¹⁾ Trích "Hương Sơn ca khúc" (không rõ tác giả).

TIẾNG NÓI CHÂN TÌNH CỦA KHÁCH MUỐI PHƯƠNG

Những ai vào thăm cảnh danh lam, dù ở gần hay ở xa, dù là người trong nước hay người nước ngoài, đều được gọi là "khách muối phương". Khách muối phương đã tới đây đều muốn để lại ở đây một chút gì. Ít ra là để lại một vài dòng chữ trong sổ lưu niệm. Chỉ lần giở những quyển sổ dài, rộng, bìa sơn mài, xếp từng chồng trong phòng khách cũng đã thấy dào dạt thanh âm của một bản hợp xướng. Chữ viết khác nhau của nhiều dân tộc. Ngoài chữ Quốc ngữ Việt Nam, có chữ Liên Xô, chữ Trung Quốc, chữ Tiệp Khắc, chữ Ru-ma-ni, chữ Pháp, chữ Anh... kể sao cho xiết. Nhưng các thứ chữ khác nhau đều nói chung một tiếng nói. Ấy là cái tình của riêng mỗi người, mà chung cho cả "muối phương" đối với một cái đẹp tiêu biểu của thiên nhiên Việt Nam.

Nếu chép lại tất cả các cảm tưởng lưu niệm, thì một nghìn trang giấy cũng chưa đủ. Chỉ xin giới thiệu một vài cảm tưởng của "khách muối

phương". Người trong nước lưu niệm cho Hương Sơn nhiều ý hay, tứ mới. Có khi là suy nghĩ về triển vọng thắng cảnh của một cán bộ có trách nhiệm cao, có khi là xúc động của một chiến sĩ trong Quân đội giải phóng miền Nam ra thăm miền Bắc, có khi là hào hứng của một nhà thơ...

Mời các bạn giở sổ vàng, cùng đọc:

"...Tôi tin tưởng rằng, với sự phát triển dưới chế độ ta, Hương Tích còn có thể trở thành trung tâm nghiên cứu nhiều mặt của các cơ quan Văn hóa và Khoa học của Nhà nước ta. Tôi mong rằng lúc đó, các tổ chức Đảng và chính quyền địa phương sẽ bảo đảm được những yêu cầu mới đó..."

Ngày 8-4-1973

Hoàng Quốc Việt

"...Đã từ lâu, chùa Hương vẫn là cái gì hấp dẫn, thôi thúc trong lòng chúng tôi. Hôm nay đến đây chúng tôi thấy cảnh thực, người thực ở đây đẹp như thơ ca, đẹp hơn thơ ca".

Ngày 24-3-1967

Thuận Yến

(trong Quân đội Giải phóng miền Nam)

"... Bảy vạn tấn bom đạn Mỹ mỗi tháng không phá vỡ nổi một đêm trăng sáng ở đây... Hòa thượng Thanh Chân đã từng gửi các chú tiểu đi đánh Pháp, ngày nay lại gửi một chú tiểu đầu quân đánh Mỹ... Chùa không xa đời, ngoài đời, mà lại ở trong đời. Và như thế là đúng với truyền thống của dân tộc từ các đời Trần, Lý..."

Ngày 18-10-1967

Chế Lan Viên

*"... Càng xem, lòng lại càng say
Yêu sao đất nước nghìn tay diệu kỳ!
Quân hàng giục bước ta đi
Trên đường đánh Mỹ, đang kỳ rực hoa..."*

Ngày 24-3-1967

Hải Hà

Bộ đội hành quân qua thăm Hương Sơn

"...Núi về thăm núi, rừng đến thăm rừng. Song phong cảnh rừng núi ở đây có một vẻ đẹp uy nghiêm làm say đắm lòng người..."

Ngày 18-3-1972

Đoàn Lai Châu, Tây Bắc

*"Đường vào Hương Tích quanh co
Gọi là bến Đục, nhưng mà xuôi trong
Lòng người càng thấy mênh mông
Chưa quen mà rất dễ thân lạ kỳ..."*

Ngày 1-4-1972

Thanh Sơn

Cán bộ ngành Công an

Người nước ngoài đến Hương Sơn, không ai không ca ngợi cái đẹp Hương Sơn. Du khách, bất cứ ở phương nào đến đây, đều là người mến cảnh

Trên trái đất chẳng thiếu gì cảnh đẹp, cảnh lạ. Nước nào cũng có thắng cảnh, danh lam của nước ấy. Thế mà du khách từ các nước phương Đông, phương Tây đến Hương Sơn, không tiếc lời cảm đề. Lại mời các bạn tiếp tục giở sổ vàng cùng đọc: "...Trước tiên cảnh nơi đây, chỉ có thể ham mê. Có lẽ đây là một chuyện cổ tích, một chuyện thần thoại, một giấc mơ. Cảnh này, người ta chỉ có thể nhớ, không có thể quên. Nếu có dịp trở lại thì hay".

1972

Một đồng chí Liên Xô

(ký tên không rõ)

*"...Người say cảnh sắc sớm nay
Sớm mai cảnh sắc càng say lòng người..."*

1962

Một đồng chí Trung Quốc
(ký tên không rõ).

"...Chúng tôi thật hạnh phúc được tham quan thắng cảnh này của Việt Nam. Chúng tôi rất khâm phục tài nghệ Việt Nam và bàng hoàng trước thiên nhiên đẹp đẽ của chùa Hương".

Tháng 3 - 1971

Đoàn chuyên gia Bun-ga-ri

"Động Hương Tích là một thí dụ độc đáo về cái đẹp làm phần thưởng cho sự gắng sức. Đường đi có vất vả nhưng dẫn tới một cảnh huy hoàng. Một phần trái tim tôi gửi lại đó, trong cái mát mẻ của vòm đá, trong cái đồ sộ của những nhũ đá. Nhờ các đồng chí Việt Nam, nhờ sự kiên nhẫn của các đồng chí mà sự gắng sức của tôi đã được phần thưởng..."

Cảm ơn mãi mãi".

Tháng 11-1969

AA (Nhà văn Ru-ma-ni)

"Tôi lấy làm sung sướng được cầm cây gậy hành hương để thấy nước Việt Nam thần thoại trong lòng núi. Cảnh ấy xứng đáng với sự mệt nhọc. Vừa cảm động vừa ngạc nhiên...".

Tháng 4 - 1972

J.P.L

(một du khách người Pháp)

"Chưa bao giờ như bây giờ, tôi lấy làm tiếc rằng tôi không phải là nhà thơ để khi kết thúc cuộc đi chơi thú vị tới chùa Hương, tôi có thể nói với các bạn Việt Nam sự vui thích của chúng tôi, bằng cách nói phù hợp.

Trong cảnh thần tiên này, trong hang động này - hang động phối hợp những vẻ đẹp lớn của thiên nhiên với một sự cảm thông kỳ diệu về đạo lý cao xa - chúng tôi, bè bạn tôi và bản thân tôi cảm nhận được tâm hồn và phong tục Việt Nam. Đây là một ngày vui và đẹp, nhưng cũng là một ngày làm giàu thêm về mặt tinh thần, mặt văn hóa. Cảm ơn những người đã tổ chức ra những ngày như hôm nay...".

Tháng 4 - 1972

Năm du khách người Pháp

(cùng ký tên không rõ)

“Chùa Hương thật là một cảnh có một không hai. Tôi hy vọng rằng càng ngày càng có nhiều người nước Anh - đồng bào của tôi - được hưởng cái may mắn như tôi (là thăm cảnh chùa Hương)”.

Tháng 5 - 1971

Ba du khách người Anh

(ký tên không rõ)

Ở MỘT VÙNG SÔNG ĐÁY

Dãy Hương Sơn ở vào địa phận xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, một huyện ở phía tây nam tỉnh Hà Tây. Xã Hương Sơn có năm thôn là Đục Khê, Yên Vĩ, Hội Xá, Phú Yên, Tiên Mai. Phần lớn các thôn ấy trước kia thuộc tông Phù Lưu thượng, huyện Mỹ Đức, trước nữa là huyện Hoài An, thuộc Phủ Ứng Thiên. Phan Huy Chú viết trong *Lịch triều hiến chương loại chí*: “Phủ Ứng Thiên ở phía tây trấn Sơn Nam. Huyện Thanh Oai ở gần ngay quăng giữa phủ. Từ huyện Chương Đức trở xuống, địa giới giáp liền ven núi. Huyện Sơn Minh, huyện Hoài An, một dải rừng trùng điệp, giáp giới với miền thượng du trấn Thanh Hoa... huyện Hoài An có nhiều ruộng sâu cấy chiêm, dân chất phác...” Ngô Thì Sĩ (1726 – 1780) – cha của Ngô Thì Nhậm – có thơ về huyện Hoài An. Xin tạm dịch mấy câu:

*Qua huyện Hoài An, chuông sớm buông
Lần theo mạch đất, hiểu dân thôn
Ruộng liền muôn khoảnh ngoài sông nước
Xóm giữa nghìn trùng biếc núi non
Dấu đẹp chùa Hương truyền lại mãi
Công ghi Vườn chuối vẫn chưa mòn...*

Huyện Hoài An xưa, huyện Mỹ Đức nay, như vậy là có cả sông và núi. Phía trước sông dài, phía sau núi dài, Sông đây là sông Đáy, một phân lưu của sông Hồng, chảy từ bắc đến nam Hà Tây rồi qua Nam Hà, Ninh Bình, ra biển. Ở quãng ngoặt từ sông Hồng vào, sông Đáy mang tên “sông Hát”. Gần cửa sông Hát, xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, hiện nay còn một di tích lịch sử rất đáng quý là đền thờ Hai Bà Trưng. Phan Đại Doãn, nhà nghiên cứu sử, có kể rằng: “Vào một ngày đầu tháng giêng (năm 40) nghĩa quân (của hai Bà) khắp nơi tiến về sông Hát, sông Đáy kéo tới, cờ quạt phấp phới trên khắp cửa sông. Các đoàn kỵ binh, bộ binh và tượng binh tụ hợp nhanh chóng. Cửa sông từng bùng nhận nhịp một ngày hội ra quân... Đại hội quân trên bãi cát rộng dài bên cửa sông mà ngày nay dân gian vẫn gọi là *trường sa châu*. Đầu xuân gió đông bắc thổi lạnh, nhưng hàng quân thì bùng, bùng khí thế

chiến đấu. Trên đàn thê, giữa ba quân sôi động, Bà Trưng Trắc nghiêm trang đọc lời thê... Lời thê sông Hát, lời thê lịch sử vang vọng núi sông..."⁽¹⁾.

Ở huyện Mỹ Đức và nhiều nơi khác – giữa sông Đáy và các dãy núi – còn dấu tích cuộc khởi nghĩa của hai Bà, dấu tích thành trì của các tướng lĩnh chiến đấu dưới ngọn cờ của hai Bà.

Cũng theo Phan Đại Doãn... “Gần chợ Bến, nơi tiếp giáp Lương Sơn (Hoà Bình) và Mỹ Đức (Hà Tây), có dãy núi Vua Bà, tương truyền là trận địa quan trọng giữa ta và giặc. Chiến trận đã xảy ra quyết liệt ở đây...”. Nhiều cụ già hiện nay ở xã Trần Phú (Chương Mỹ), ở xã Tuy Lai (Mỹ Đức) vẫn kể rằng: “Khi khởi nghĩa đánh Tô Định, Hai Bà Trưng thấy nơi này hiểm trở, muốn lấy làm căn cứ lâu dài, đã phái nhiều quân tướng về đây trấn giữ. Các bà Chu Tước, Vĩnh Hoa và ông Cao Sơn theo lệnh ấy về xây thành lũy. Khi Mã Viện kéo sang, quân ta đã chống cự quyết liệt ở Miếu Môn, ở Tuy Lai, Đông Bình

⁽¹⁾ Trích bài “Dấu tích cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng trên đất Hà Tây” của Phan Đại Doãn trong “Danh nhân quê hương” tập II (Ty Văn hóa Thông tin Hà Tây xuất bản, 1974).

(Mỹ Đức)...”⁽¹⁾. Cần chú ý là Miếu Môn, Tuy Lai, Đông Bình đều không xa Hương Sơn mấy tí.

*

* *

Huyện Mỹ Đức *ruộng liền muôn khoảnh*, hiện nay là một vựa lúa của tỉnh. Có những hợp tác xã nông nghiệp lớn như Phù Lưu Tế. Phù Lưu Tế cũng là quê của Anh hùng ngành dâu tằm: Nguyễn Thị Chén, làm vẻ vang cho nghề trồng dâu, nuôi tằm ven sông Đáy. Giữa lúc máy bay Mỹ đánh phá ác liệt nhất, con tằm ven sông Đáy vẫn *quay tổ* làm kén, và “kén vàng một ít, kén bạc rất nhiều, thò bằng xe đạp khuênh khoảng tay ngại, tải bằng xe ngựa chạy nước kiệu thật êm, chở bằng thuyền thoi sông Đáy - vượt qua mũi phản lực Mỹ - đến nhà máy ươm...”⁽²⁾. Và “ven sông Đáy Hà Tây, nương dâu mở rộng, nhà tằm đang óng bạc một màu *hoa kén*, nhà máy ươm kiểu mới sắp mọc lên. Dâu sông Đáy cũng đã leo lên đến núi Ba Vì, kết bạn với những cây dâu cổ thụ đã vừa người ôm...”⁽³⁾.

⁽¹⁾ Trích bài “Dấu tích cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng trên đất Hà Tây” của Phan Đại Doãn trong “Danh nhân quê hương” tập II (Ty Văn hóa Thông tin Hà Tây xuất bản, 1974).

⁽²⁾, ⁽³⁾ Trích “Hoa kén bạc” của Trần Lê Văn (Nhà xuất bản Văn học - 1968).

Trong Hương Sơn, bên cạnh những thung mơ, cũng có rất nhiều thung dâu để chăn tằm.

*
* *

Ca dao xưa có một câu *chơi chữ* mà nghe rất băng khuâng:

Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi... non?

Băng khuâng ở cái dấu hỏi về tuổi núi trong cái vô cùng vô tận của thời gian từ lúc *tạo thiên lập địa*.

Nhà địa chất học giải đáp rằng⁽¹⁾:

Dãy núi đá vôi Hương Sơn được hình thành vào kỷ La-đi-ni thuộc kỷ Tơ-ri-át khởi đầu cách đây 270 triệu năm. Kỷ La-đi-ni thì cách đây 220 triệu năm. Vậy núi Hương Sơn đã 220 triệu tuổi.

Trải qua nhiều cuộc biến dâu, nơi đây giờ là núi, đã từng có lúc là biển. Do quá trình kiến tạo, mặt đất đã có lúc nâng lên, có lúc hạ xuống. Đầu kỷ Tơ-ri-át, mặt đất nâng lên cho nên biển rộng, trầm tích lục nguyên (ở lục địa xuống) lắng

⁽¹⁾ Theo Đào Trọng Năng, cán bộ Phòng Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

động thành dãy núi sa diệp thạch (cát và đất sét). Nhưng đến kỷ La-đi-ni thì mặt đất hạ xuống thành biển sâu, trầm tích lục nguyên không tới, xác sinh vật và sò hến lắng đọng lại thành trầm tích các-bô-nát (vôi).

Trầm tích đá vôi có tính chất giòn. Vì thế, vận động kiến tạo uốn nếp dễ tạo nên những khe nứt. Núi đá vôi bị ảnh hưởng của phong hoá lục địa: nhiệt và mưa. Nhiệt làm vỡ đá, mưa huỷ đá, tạo nên một lớp vỏ phong hoá là tầng đất mà cỏ cây, rừng rú có thể mọc được.

Đó là nói về núi. Còn hang động, khe suối, thung, quền thì được hình thành như sau:

Qua những khe nứt rộng, nước luồn vào, chỗ nào thấp thì nước dồn vào. Chất a-xít các-bô-níc làm cho nước có khả năng hòa tan *tường đá*. Thật đúng là *nước chảy đá mòn*. Nước hòa tan *tường* đá, mở rộng thành hang. Rồi mở rộng nữa, tạo thành thung. Xung quang thung thường có quền (còn gọi là đèo). Quền là chỗ núi bị *hòa tan*, hạ thấp xuống làm cho hai thung nối liền với nhau. Thung và quền đều nằm trên hệ thống khe nứt cũ. Trong núi có mạch nước ngầm thoát ra, lẻ tẻ tập trung vào dòng lớn thành con sông, con suối *trên mặt*. Những vùng đá vôi già mới có dòng nước chảy *trên mặt* như suối Yến, Hương

Sơn. Những vùng đá vôi trẻ thì không có dòng chảy trên mặt, chỉ có dòng ngầm.

Còn nhũ đá. Ở phía sâu trong hang không có hoặc có ít nhũ, càng gần phía cửa hang, nhũ càng nhiều. Là vì phía sâu trong hang, nhiệt độ thấp. Nhiệt độ càng thấp nước càng có thể chứa nhiều a-xít các-bô-níc và càng có khả năng hòa tan. Gần cửa hang, nhiệt độ cao hơn, nước ít khả năng chứa a-xít các-bô-níc, do đó cũng ít khả năng hòa tan, Chất vôi kết tủa lại thành nhũ đá. Nhũ từ trên trần rủ xuống gọi là *vũ đá*, từ dưới đất mọc lên gọi là *măng đá*. *Vũ đá* và *măng đá* nối liền với nhau thành *cột đá*.

Đó, *tiền linh trời xây, hóa công mài chuốt* thực ra là như thế. ,

Dãy Hương Sơn cùng trong sơn hệ đá vôi chạy từ Phong Thổ, Lai Châu, Sơn La, Mộc Châu xuống đến Hà Tây, Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa. Dòng họ núi đá vôi thật là đông đúc.

*

* *

Đã hàng vạn thế kỷ, núi Hương Sơn cũng như mọi dãy núi, quả núi khác, không được ai đặt tên và không hề có bóng người lai vãng vì một lẽ rất đơn giản là con người chưa xuất hiện trên trái đất.

Khi con người xuất hiện thì, trong thời kỳ hoang sơ nhất, phải lấy hang động làm nhà cửa. Dãy Hương Sơn có thể đã là một vùng cư trú của người xưa. Vấn đề này, nhà khảo cổ học còn phải tìm tòi, suy nghĩ nhiều mới có thể tiến tới những kết luận chính xác. Chỉ xin gợi ý với nhà khảo cổ là trong động Hương Tích, trước đây không lâu, có chiếc trống đồng cổ. Hòa Thượng Thanh Chân nói rằng: chiếc trống ấy trông giống những chiếc trống đồng bày ở bảo tàng. Chùa Thiên Trù hiện nay có quả chuông đúc vào thời Tây Sơn – Cảnh Thịnh năm thứ hai (1793) – Bài minh khắc trên chuông có câu nói về động Hương Tích: "...Trống đồng, nhũ đá, lạ trong cái lạ..." Thơ cũ nhiều bài có nói đến trống đồng chùa Hương. Thơ Nguyễn Thấu:

Trống đồng như giục bước vào động tiên

Thơ Dương Lâm:

Hỏi khánh đá, trống đồng thuở trước...

Chiếc trống ấy bị mất từ ngày giặc Pháp tràn vào chùa Hương. Nay không thể biết rõ nó có cùng loại với những chiếc trống đồng đào được ở Phú Xuyên, Chương Mỹ và Thượng Lâm (Mỹ Đức) khoảng bốn mươi năm trước đây hay không? Có giống với chiếc trống đồng đào được ở Phú Duy (sát nách Hương Sơn) năm 1959 hay không?

Các cụ còn kể rằng: có một ông tên là Nguyễn Văn Cây đi rừng vào quền Cầu Chày (trong Rừng Vài) có thấy một vật bằng đồng thau cổ giống như cái chậu, đem đánh thế nào cũng không sáng. Lại có người đi làm đồng nhặt được “lưỡi tầm sét” (tức là rìu đá). Dù phải chờ đợi những cuộc khảo sát tiếp tục, cũng có thể đoán định rằng vùng Hương Sơn, cũng như nhiều vùng khác trên đất Hà Tây, đã từng là nơi ăn chốn ở của người nguyên thủy. Có thể là họ sống ở đây vào thời đại đồ đồng (thời Hùng Vương dựng nước 4000 năm trước đây) hoặc vào thời đại đồ đá mới (5000 năm trước đây)⁽¹⁾. Hương Sơn tuy thuộc về đất Hà Tây nhưng cũng nằm trong hệ núi Hòa Bình. Biết đâu ở Hương Sơn chả có dấu vết của văn hóa Hòa Bình (một vạn năm trước đây)⁽²⁾?

⁽¹⁾ Xem bài “Qua những vết tích của thời kỳ trước Công nguyên ở Hà Tây” (tài liệu viết tay của Lê Văn Lan và Nguyễn Linh).

⁽²⁾ Gần đây, trong một hang động trên núi Sừng Sằm trước thung Vương và suối Rổng, thuộc khu vực thắng cảnh Hương Sơn, “một địa điểm khảo cổ mới được phát hiện, thuộc loại hình Hòa Bình – Bắc Sơn, mà niên đại chung đã được xác định bằng phương pháp phóng xạ đồng vị các-bon, là trên dưới một vạn năm” (Xem bài “Tìm thấy dấu vết người nguyên thủy trong khu vực Hương Sơn” của Trần Quốc Vượng, đăng báo Lao Động ngày 15-1-1975).

NHỮNG CHẶNG HÀNH TRÌNH

Bàn về hành trình đi chùa Hương, trước hết phải tùy theo khách có thể dành thì giờ cho cuộc đi nhiều hay ít. Chúng ta, ai cũng vậy: việc công việc tư cần đến ta từng giờ từng phút. Không thể du xuân lan man ở nơi *bầu trời cảnh Bụt* quá nhiều.

Hiện nay, giao thông thuận tiện, trong những ngày hội xuân, xe ô tô chở khách từ Hà Nội, từ Ninh Bình, Hà Nam đến tận Bến Đục chạy một ngày nhiều chuyến, Hà Nội – Bến Đục... ngót 60 cây số, xe phóng mấy chốc. Qua thị xã Hà Đông đến Ba La thì rẽ sang bên trái, thẳng tới thị trấn Vân Đình. Hai bên đường, cánh đồng lúa xuân trải rộng một màu rất... xuân. Đến Vân Đình, xe dừng một lát để khách ăn quà, uống nước rồi ta ngoặt lên đê sông Đáy, bên này là đất Ứng Hòa, bên kia là đất Mỹ Đức. Núi hiện ra rõ dần trước mắt ta. Sông cũng song song với đường đê, đi vào phía núi. Bên đường đê, những vòm táo chỉ chít quả vàng.

Trên bãi sông, dâu xanh tiếp dâu xanh. Sông cũng xuân mà núi cũng xuân. Đến dốc Thanh Bồ, xe rẽ xuống khúc đường đá, đi khoảng hơn 4 cây số nữa là tới bến xe Hồng Quang (gọi thế vì điểm này thuộc xã Hồng Quang). Trên bến xe, gặp gỡ nhau biết bao xe lớn xe con của Hà Nội, Hà Tây, Hà Nam, Ninh Bình...

Bến xe Hồng Quang kề sát bến dò Đục Khê, sông Đáy. Nếu có thì giờ tương đối rộng, khách có thể tới bến Đục bằng đường sông. Đi dò dọc cũng là một cái thú. Từ Phủ Lý đi lên, dò dọc dù chậm cũng không hết một đêm. Bây giờ đi đường bộ, không thể:

*...Me em ,ngồi cẳng tre
Thầy theo sau cười ngựa
Thất lưng dài đỏ hoe⁽¹⁾*

Nhưng đi đường thủy thì - trong chừng mực nào đó - vẫn có thể:

*Thầy me ra đi dò
Thuyền mấp mênh bên bờ
Em nhìn sông nước chảy
Đưa cánh buồm lô lô⁽²⁾.*

^{(1),(2)} Trích bài thơ "Chùa Hương" của Nguyễn Nhược Pháp

Bến Đục hiện nay có cầu rất vững, khách có thể đi bộ hay đi xe đạp thẳng vào bến dò suối Yến, qua khúc đường đá dài chừng một cây số rưỡi. Ngày hội, đường này thành phố xá đông vui. Hai bên đường, quán ăn của mậu dịch, nhà trọ, hàng quà, hàng bán lưu niệm phẩm...

Nếu khách định vào ngay tuyến chính của thắng cảnh thì mời khách đi tí nữa, vâng, tí nữa là đến bến Yến.

Ở đây, tôi xin nói theo một kiểu rất... sơ đồ về các chặng hành trình trong vùng thắng cảnh.

Tuyến chính dẫn đến điểm chính của cuộc ngoạn cảnh là động – chùa Hương Tích. Muốn đến điểm này, xưa nay người ta vẫn đi đường suối từ bến Yến đến bến Trò. Sau khi thăm chùa Trò (Thiên Trù) khách đi đường núi vào chùa Trong (Hương Tích). Vài năm nay, có con đường bộ mới mở song song với dòng suối Yến để khách có thể hoàn toàn đi bộ.

Đi đường suối, khách muốn đi bằng dò hay bằng xuồng máy, tùy ý. Ngồi dò hết 1 giờ 30 phút. Ngồi xuồng chỉ hết 30 phút. Ngồi dò lâu gấp ba nhưng có lẽ cũng thú gấp ba, nếu không vội. Từ chùa Trò vào chùa Trong hết 1 giờ 30 phút hay 2 giờ là cùng. Vừa ngắm cảnh vừa nghỉ ngơi hết độ 2

giờ nữa. Nếu từ bến Yên vào, hoàn toàn đi bộ, phải tính thêm vài giờ đồng hồ. Lấy thí dụ: một người sức khỏe trung bình, từ Hà Nội vào thăm chùa Hương mà chỉ có một ngày chủ nhật để vừa đi vừa về thì cũng vẫn kịp, miễn là phải đi thật sớm và về khá muộn.

Lại lấy thí dụ: Việc công việc tư đã hoàn thành thật tốt, cho phép bạn yên tâm bố trí được ba ngày thì coi như dư dật thì giờ để vãng qua khắp các điểm trên các tuyến thắng cảnh.

Ngày thứ nhất, nếu xuất phát từ Hà Nội khoảng 5 giờ sáng thì muộn nhất là 8 giờ sáng, khách đã bắt đầu ngồi dò suối Yên. Quá bến Yên một quãng, khách ghé thăm đền Trình (Ngũ Nhạc) một lát rồi lại xuống dò. Đến bến Trò, khách nghỉ chân, xem cảnh Thiên Trù – hãy xem một cách loáng thoáng đã - rồi lên đường núi vào chùa Trong. Trên đường vào chùa Trong, khách ghé thăm chùa Giải Oan, am Phật Tích, động Tuyết Quỳnh (quen gọi là Tuyết Kinh), đi một quãng nữa ghé qua đền Trấn Song. Vào đến chùa Trong, hẳn đã gần trưa, khách ăn uống (có cơm, bánh mang theo thì tốt) và ngồi nghỉ ngoài cửa động, sau đó thăm động. Khoảng 3 giờ chiều, khách rời chân trở lại Thiên Trù. Trước khi về đến Thiên Trù, hãy ghé lên động – chùa Tiên Sơn, gần sát Thiên Trù.

Ăn một bữa cơm chiều ở quán hàng và dự một đêm hội ở chùa Trò cũng vui.

Ngày thứ hai, sáng sớm, từ Thiên Trù hỏi lối lên động chùa Hình Bồng, cách Thiên Trù một giờ vừa đi đường bằng vừa lên dốc cao. Chừng 8 hay 9 giờ sáng trở ra đến bến Trò, xuống đò ra bến Yên. Cơm trưa xong khách xuống đò xuôi Long Vân (một nhánh ngán của suối Yên) để đến thăm động chùa Long Vân. Chiều tối ra ăn nghỉ ở bến Yên hay bến Đục. Thế là đã đi gần hết tuyến suối Yên. Tôi nói “gần hết” là vì còn những điểm – vì tính ra trong một ngày không thăm hết được – phải hẹn đến một lần khác. Như động chùa Thanh Sơn và động chùa Hương Đài, từ chân cầu Hội đi vào.

Ngày thứ ba, khách đi một tuyến khác: tuyến suối Tuyết. Từ giữa phố Đục Khê, có một con đường xuyên cánh đồng dài chừng hơn 3 cây số dẫn đến bến đò Tuyết (còn gọi là “bến Phú Yên”). Suối Tuyết đưa khách đến chùa Bảo Đài. Từ Bảo Đài đi bộ đến động – chùa Tuyết Sơn. Tính ra từ phố Đục đến Tuyết Sơn độ 3 tiếng đồng hồ, cả đường thủy và đường bộ. Thăm Tuyết Sơn xong trở ra bến Đục cũng gần trưa. Chuẩn bị chiều ra bến xe, lên đường về là vừa.

THEO DÒNG SUỐI YẾN

Vào bến Yến phải qua bến Đục. Bến Đục là địa đầu của thắng cảnh. Bước vào đây là đã bắt đầu *nhập cảnh* (chữ *cảnh* hiểu là *cõi* hay hiểu là *cảnh* đẹp cũng được). Thơ xưa, của họ Vũ:

Kể từ lúc bước lên đò Đục

Liếc mắt trông, đà măn mục vân sơn⁽¹⁾

Măn mục vân sơn: mây núi đầy mắt. Cảm giác ấy là cảm giác chung của khách mười phương.

Vì sao bến này mang tên *Đục*? Có hai cách giải thích: Bến *Đục* là một bến của dòng sông Đáy. Sông Đáy thông với sông Hồng. Về mùa mưa lũ, nước sông Hồng đưa phù sa về, làm cho sông Đáy đục ngầu, bến này cũng đục, vì thế thành tên. Giải thích như thế, nghe cũng chưa ổn. Vào mùa mưa lũ, bến nào chả đục? Đục rồi lại trong, có phải đâu đục mãi!

⁽¹⁾ Trích bài "Hương Sơn phong cảnh" của Vũ Phạm Hàm.

Cách giải thích thứ hai, nghe có lý hơn:

Bến này thuộc đất làng Đục Khê. *Đục* là cách đọc trạch chữ *Độc*. *Độc* là một chữ Hán có nghĩa là *con ngòi* hay *con sông nhỏ*. *Khe* là dòng nước ở núi chảy ra. Vậy *Đục Khê* là *sông suối*.

Do chuyện chữ nghĩa ở đây, đã nảy ra những câu thơ có ý *chơi chữ* vui vui. Như câu của đồng chí cán bộ mà tôi đã dẫn ở một đoạn trên:

Gọi là bến Đục, nhưng mà suối trong

Lại có câu của một cụ đồ tên là Trần Huy Luyện:

*Quái nhỉ! Nước sông trong suốt đó
Người rằng: Bến "Đục", khéo vu vơ!"⁽¹⁾*

Bây giờ đến bến Yến, suối Yến. Tên gọi thế là theo tên làng: làng Yến Vĩ (đuôi chim én). Người làng nói: Đất làng giống hình chim én, phía bắc làng là đầu én, phía nam làng là đuôi én. Cũng là sự tưởng tượng thôi nhưng cũng gọi cảm.

Chim én là loài chim của mùa xuân. Ngày xuân, dạo trên dòng suối mang tên loài chim ấy, thoạt nghe đã thấy ưa.

⁽¹⁾ Nguyên văn chữ Hán, Trần Duy Vôn dịch.

Trong cảnh đẹp Hương Sơn, những dòng suối đóng một vai trò quan trọng, không thể thiếu được. Nói đại, ví thử ở đây, có một lúc nào đó, những dòng suối bỗng cạn khô hết, chỉ còn núi đứng trơ ra, ngơ ngác nhìn nhau thì ôi thôi, cảnh sẽ trở nên buồn tẻ biết mấy! Và bốn chữ *son thủy hữu tình* từ xưa nêu ở vách đá sẽ trở nên vô nghĩa và hóa thành mĩa mai. Xưa nay, trong ngôn ngữ thường dùng cũng như trong thực tế của cảnh thiên nhiên, *sông* hay đi với *núi*, *nước* hay đi với *non*. Đành rằng có nơi chỉ có *non* cũng đã đủ làm một cảnh đẹp nhưng sao bằng những nơi có cả *non nước kết đôi*.

Dãy núi Hương Sơn không đẹp ở chiều cao mà đẹp ở chiều dài, chiều rộng, ở cái thế quần tụ, ở bố cục nhịp nhàng, nhịp nhàng giữa núi với núi, lại nhịp nhàng giữa núi với nước. Những dòng suối Hương Sơn - đặc biệt là suối Yến - không đẹp ở sự menh mông, mà đẹp ở sự buông thả hiền hòa giữa hai triền núi. Y như một người mến bạn, đi cùng một đường với bạn cho vui.

Đường suối không xa lắm nhưng trông như không có chỗ tận cùng. Có khúc thẳng, có khúc quanh, có cái trông thấy trước, có cái đột ngột hiện ra trước mắt. Những lớp xanh xa cứ như chứa một bí ẩn gì mà suối này sẽ đưa ta tới. Non nước chốn này, ban ngày ban đêm lúc nào cũng đẹp - những

vẻ đẹp biến đổi khác nhau – kể cả giữa một buổi trưa hè nắng gắt. Lại nhớ cái ý của nhà thơ Thổ Nhĩ Kỳ Na-dim Hít-mét nói về thơ, ví thơ với người đàn bà đẹp, có *bóng trăng giúp vào cho sắc đẹp. Song le một người đàn bà đẹp phải là vẫn còn đẹp dưới ánh mặt trời*⁽¹⁾. Non nước Hương Sơn như người đàn bà đẹp, dưới ánh mặt trời cũng đẹp. Nhưng dưới bóng trăng, chắc có phần kỳ ảo hơn. Đi dò suối thú nhất là vào một buổi sáng hơi lạnh, thoáng một lớp sương, hoặc một chút mưa bụi cũng nhẹ như sương, không đủ ướt áo. Núi, suối và cỏ cây như:

Vẫn hầy còn giấc ngủ lơ mơ⁽²⁾

Những chiếc thuyền thoi (hình con thoi và cũng nhanh nhẹn đi về như con thoi) của các cô gái làng. Yến vừa xinh đẹp vừa khỏe mạnh, ngày thường chở lúa, chở gạch, chở củi, chở cá... của hợp tác xã và của gia đình, đến ngày xuân, lại chở khách mười phương vào một cõi rất thực mà rất... mơ.

Trong cái trạng thái vui say ấy, ta gặp vô số những con đò đầy như đò ta đang ngồi, cũng đầy những màu sắc khăn áo, đầy những tiếng cười nói của mọi người, tiếng kể *hạnh* của các cụ bà...

⁽¹⁾ Xem "Thi hào Ba-dim Hít-mét" (Xuân Diệu giới thiệu và dịch thơ).

⁽²⁾ Thơ Vũ Phạm Hàm.

Ta đồng hành với những vạt lúa xanh viền hai mép suối, với những đám dong mềm lay động trong lòng suối, với những con le, con cóc thỉnh thoảng bay vù từ mặt nước lên, với đàn chim sáo riu rít trên chòm hoa gạo đỏ rực màu hội hè, với cả những đốm trắng dê núi nhảy nhót cheo leo...

*

* *

Nào, theo dòng suối Yến, từ ngoài đi vào, ta giới thiệu với nhau những quả núi xếp hàng (tất nhiên không thẳng tắp nhưng rất uyển chuyển) dọc theo suối và soi mình vào suối.

Nhìn sang bên trái, kìa núi Đụn, cao cao và nây tròn như một đụn thóc. Núi Đụn còn là đuôi một con rồng (dãy núi Hàm Rồng). Gần núi Đụn là núi Soi, giống như con kỳ lân nên còn gọi *núi Lân*. Gần núi Soi là núi Ái, giống hệt con rùa, nên còn gọi “núi Quy”. Gần núi Ái là núi Phượng đang rộng cánh. Chỗ đầu và mỏ phượng là động – chùa Thanh Sơn, hai cánh nó là hai chòm núi. Quá chút nữa đến núi Đồi Chèo. Đò ra, đò vào đến quăng này, nhất thiết các cô lái đò tay chèo cho nhau, đỡ mỗi. Núi Đồi Chèo giống như con trăn lớn đang bò trên mặt nước. Gần núi Đồi Chèo là núi Bưng. Gần núi Bưng là núi Voi. Về núi Voi có một chuyện kể, kể rằng:

Hương Sơn có một trăm ngọn núi thì chín mươi chín ngọn nghiêng đầu về phía động Hương Tích để tỏ lòng ngưỡng mộ. Đúng như câu thơ:

Núi xô về cửa động⁽¹⁾

Chỉ riêng một tên Voi bướng bỉnh và vô lễ quay đầu ra, quay mông vào. Đức Phật giận quá, lấy gươm phạt một mảng mông của tên Voi. Bây giờ tên Voi vẫn mất một mảng mông.

Qua núi Voi, trông thấy rõ núi Mâm Xôi là sắp đến bến Trờ. Núi Mâm Xôi còn gống như cái lọng cụp lại, nên còn gọi là núi Lọng Cụp.

Lại bắt đầu từ ngoài vào, nhìn sang bên phải, kia núi Ngũ Nhạc (năm ngọn núi) dưới núi có đền Trình. Gần núi Ngũ Nhạc là núi Dẹo (chính là Vẹo, nhưng người địa phương phát âm chữ “v” thành chữ “d”). Tên gọi thế vì núi này dáng đứng xiêu vẹo như anh say rượu. Gần núi Dẹo là núi Phòng Sư có những tảng đá chia đều khoảng giống như phòng ở của các vị sư. Trên núi Phòng Sư trước kia có chùa Đồng Lúa. Quá núi Phòng Sư không xa là hang *Sơn thủy hữu tình*. Hang này có bốn chữ *Sơn thủy hữu tình* khắc trên vách đá cửa hang. Thuyền có thể bơi luôn trong hang sang bên kia núi, giống

⁽¹⁾ Trích bài “Vịnh Hương Sơn” của Bùi Di (Đào Văn Bình dịch từ chữ Hán).

như cách qua những *hang luôn* ở Hạ Long hay ở Ninh Bình. Trẻ chăn trâu ở Hội Xá thường đưa trâu qua lại nên hang này còn có tên *Hang Trâu*. Hang Trâu ở khoảng giữa mấy quả núi *Hai mèò đuối chuột*. Gần Hang Trâu là Cầu Hội. Gần Cầu Hội là núi Thông Dâu. “Thông Dâu là “thung lũng trồng dâu”. Gần núi Thông Dâu là Hang Bà. Về Hang Bà có một chuyện kể. Kể rằng:

Xưa có người đàn bà góa trẻ, đẹp, nhà nghèo, không đi bước nữa, ở vậy nuôi mẹ chồng. Ngày ngày chõ dò qua hang nhiều lần kiếm củ mài, rau sắng, bó củi, gánh mớ.

Ngày nước lũ, nước to sóng dữ, người đàn bà bị dìm dờ, chết đuối. Thương tiếc một người dâu hiền vợ thảo mà tuộc đời kết thúc bi thảm như vậy, người ta đặt tên hang ấy là *Hang Bà*. Đây là một truyền thuyết. Có thể còn truyền thuyết khác nữa chăng?

Hang Bà đối diện với Đồng Ông ở bên kia suối. Họ Chu có câu thơ, giọng nghe tình tứ:

Đồng Ông một dải ngang lưng non Bà⁽¹⁾

Hang Bà còn gọi là *Dụng Mát* (tức là Vụng Mát – cái vụng mát mẻ). Vụng mát lúc nào cũng

⁽¹⁾ Trích “Hương Sơn hành trình” của Chu Mạnh Trinh.

đầy nước, lấm cá. Thảng tư cá đông đặc trong hang, con nhà chài lưới kiếm ăn bấp.

Qua Hang Bà đến núi Ba Đài. Núi gồm ba quả núi nhỏ đứng bằng nhau chần chặn như đúc một khuôn, trông giống ba cái đài rượu bày trên bàn thờ. Gần đây là núi Con Gà rồi đến núi Dải Cờ, còn gọi núi Chéo Cờ vì trông giống lá cờ đuôi nheo hình cheo chéo. Núi Cờ trông sang núi Lọng, tức là gần đối diện với bến Trờ. Chỗ cuối cùng đường suối Yến là Rừng Vải và núi Nhà Lang Lão Tác. Lão Tác là ai, chưa hiểu rõ. Còn Nhà Lang thì nhất định là một dòng họ quan Lang dân tộc Mường xưa đã ở đây. Tục ngữ xưa: *Gò nào quan Lang ấy*. Vùng Hương Sơn ở gần đất người Mường hiện nay, và còn khá nhiều di tích của người Mường thời xưa.

ĐỀN TRÌNH - NGŨ NHẠC

Phải gọi đền Trình này là *đền Trình - Ngũ Nhạc* để khỏi lẫn với một đền trình khác: đền Trình trên lối vào động Tuyết.

Đối với khách lễ bái thì đây là nơi lễ *trình* với thần linh trước khi vào chùa. Đối với khách thăm cảnh thì đây có thể coi như nơi khách *trình diện* với thiên nhiên, cất một lời chào khi bắt đầu bước vào cõi đẹp.

Đền Trình này quy mô không to nhưng cân xứng với tầm vóc của năm quả núi (Ngũ Nhạc) làm nền xanh cho nó. Những mảng trắng của tường, những mảng nâu sẫm của mái, và những đường thẳng, đường cong... tất cả không lộ hẳn ra mà chỉ lấp ló trên nền cây, đá.

Ngày trước, ngoài cửa, ngoài sân đền Trình có voi đá, tượng đá và hai cột đèn lồng cũng bằng đá chạm khắc khá đẹp, đã bị đại bác giặc Pháp bắn nát khi chúng đóng ở gần đây.

Ngày trước nữa quanh đền Trình rậm rạp những bụi tre, những cây và chen với nhiều loại cây rừng. Cọp thường lui tới. Những người yếu bóng vía lại *thấy cả ma nữa*. Các bà đứng tuổi trong làng kể chuyện đời cũ, còn nói đến cọp Sao Sa, *ma Đường Sáo*, hoặc *nền đất Trụ lăm hùm tinh, nền Đình lăm chó sói*. Xưa, trẻ con đang khóc mà nghe người lớn đem chuyện *ma giấu trâu, cọp rình người ở Hóc Hẻo, Đồng Bèo* ra dọa là thôi không dám khóc nữa. Sao Sa, Đường Sáo, đất Trụ, nền Đình, Đồng Bèo, Hóc Hẻo... đều ở quanh đền Trình, gần đền Trình. Ông Nguyễn Văn Vượng trong Ban quản trị Chùa Hương hiện nay, còn *lưu trữ* trong trí nhớ cả một kho chuyện cọp. Khi Vượng còn nhỏ tuổi thường theo bố ra ở đền Trình vì bố làm công việc *thủ từ*. Một đêm Vượng *mạo hiểm* ra sân, suýt nữa chạm trán với một *ông cọp* xuống uống nước hay bắt cá ở bờ suối. Đến bây giờ còn hú vía!

Bồi tàn dư của một thứ tôn giáo nguyên thủy, cọp được coi là một *vật thiêng*. Sơn thần là cọp. Tới một trình độ cao hơn, ở đây người ta không thờ thần cọp nữa mà thờ thần – người, Thần – người là một nhân vật anh hùng trong dã sử. Nhưng bóng dáng dũng mãnh của thần – cọp vẫn phảng phất trong bóng dáng dũng mãnh của thần – người.

Nhân vật anh hùng đã sử dụng thờ ở đây là bộ một tướng của vua Hùng có công dẹp giặc, cứu nước.

Mời khách đọc vài đôi câu đối có ý nghĩa:

Tướng của núi, thần của dân, lẫm liệt nghìn thu dấu đẹp.

Nước là thành, non là trấn, uy nghi một cảnh đền thiêng⁽¹⁾

và

Danh tướng thuở Hồng Bàng, quyết diệt giặc Ân giúp cho Hùng vận.

Phúc thần làng Yên Vĩ, say ngâm vần điệu lưu lại hương thôn⁽²⁾

Một trong hai bài thơ trong đền cũng đáng đọc:

*Trời Nam xây dựng tự đời Hùng
Công sách càn khôn, thắm biển sông
Dòng giống nhà ai? Thần núi đó
Con vua Hùng cả, đủ mười ông⁽³⁾.*

Còn thần phủ thì ngày trước đã mấy ai được xem. Bây giờ các cụ sẵn sàng cho xem mà không ngại bị “thánh phạt”. Xin tóm tắt câu chuyện ghi trong thần phả như sau:

(1) (2) (3) Dịch từ nguyên văn chữ Hán

“Về đời Hùng Vương, có một người dòng dõi vua Hùng tên là Hùng An, quán huyện Siêu Loại thuộc Kinh Bắc, lấy vợ làng Yên Vĩ. Một hôm vợ chồng vào rừng Hương Sơn kiếm củi, người vợ bị cọp cõng đi mất. Chồng thương vợ, đi tìm khắp trong rừng mấy ngày liền không thấy. Bỗng nghe thấy tiếng vợ vắng từ xa. Nhìn ra thì không thấy người mà chỉ thấy một con hổ cái nói tiếng người. Lời nói, giọng nói của hổ sao mà buồn thế! Rằng: *Nhân duyên của chàng với thiếp chỉ có thế thôi. Thiếp xin để lại cho chàng một đứa con...*” Nói rồi hổ cái biến mất, để lại một cái bọc – một bào thai - Hùng An mang cái bọc về. Vỡ bào thai rắn quá, An lấy rìu bổ cũng không núng. Ông đem cái bọc trở vào rừng, đặt trong núi. Được mười bốn tháng, bọc tự nứt như một bông hoa nở. Một đứa con trai ra đời. Chú bé có tướng mạo kỳ lạ: mặt vuông, tai to, tay dài quá gối, chân có bảy cái lông, lưng có hai mươi tám cái chấm như sao. Một đêm sấm sét ùng ùng, thiên thần hiện ra, trao cho Hùng An một thanh gươm báu, dặn để dành, sau sẽ có lúc phải dùng đến. Hùng Lang (chàng họ Hùng) – con của Hùng An – lớn lên, văn võ đều giỏi. Gặp lúc vua Hùng mở kho thi kén chọn người hiền tài, Hùng Lang trúng tuyển. Đất nước đang yên ổn, bỗng giặc Ân kéo đến cướp nước ta và gây bao nhiêu tai họa cho dân ta. Vua sai sứ giả đi các nơi

tìm người đánh giặc cứu nước. Hưởng ứng lệnh vua, có Phù Đổng Thiên Vương (như mọi người đều biết). Lại có nhiều anh hùng nghĩa sĩ khác như Hùng Lang – nhân vật trong thần phả này. – Hùng Lang sẵn có thanh gươm báu mà thần đã trao cho bố khi trước, đem quân đi, phối hợp với đại quân của Phù Đổng Thiên Vương, đánh đâu được đấy. Đặc biệt là ông tiêu diệt được tướng Thạch Linh, một bộ tướng lợi hại của giặc Ân.

Thắng trận, Hùng Lang về ở làng Yên Vĩ. Sau khi chết, được làm *phúc thần* của làng”.

Trong tín ngưỡng cổ sơ, hình ảnh người dũng tướng họ Hùng và hình ảnh mãnh hổ được đồng nhất với nhau, lồng vào nhau. Làng Yên Vĩ xưa có tục lệ dùng lợn sống làm vật hiến tế vào ngày hội làng tháng tám. Ông *lệnh* chịu trách nhiệm nuôi lợn tế phải trông nom, săn sóc lợn một cách đặc biệt, không bao giờ dám nói nặng với... lợn. Đến ngày hiến tế, phải tắm lợn cho sạch, bỏ lợn vào cối, *rước* đến gốc cây cạnh đền, tế lễ xong để đấy, ban đêm *son thần* đến xơi cho là *may*. Tục lệ ấy bãi bỏ đã lâu, nhưng người làng vẫn tự hào với truyền thuyết về một nhân vật anh hùng.

CẦU LÀNG HỘI

Nghe tên cầu Hội, người ta cứ tưởng tên cầu được gọi thế chỉ vì nó đón khách vào hội. Chính ra, tên cầu đặt theo tên làng: làng Hội Xá.

Theo các cụ thì cầu Hội được dựng lên từ năm Tự Đức thứ 13 (1859) nhân một chuyện phân định địa giới giữa các làng. Nhưng hãy khoan nói đến chuyện địa giới nhỏ hẹp. Hãy ngắm vẻ đẹp của cầu. Có lẽ người dân trong làng, khi bắc cầu, không bị chi phối vì cái động cơ địa giới đối với các làng lân cận, nên mới tạo nên được một cái cầu đẹp, đẹp chung cho mọi người.

Suối đi đến quãng này gặp một cái cầu *nhỏ bắc ngang* lại thêm được một nét vào tranh sơn thủy. Cầu hình thang, trông thoáng, không vướng mắt. Thân cầu gồm mấy thanh gỗ dài, hai bên có bậc leo lên. Đò xuôi, đò ngược qua lại thoải mái dưới cầu. Dưới cầu vẫn có khoảng trời rộng. Nữ sĩ Hằng Phương ngồi trên đò Suôi thấy:

Mây luôn đáy nước qua cầu

Thuyền đi tưởng núi quay đầu trông theo

Từ chân cầu bên trái - kể từ phía bên Yên đi vào - đến chùa Thanh Sơn cũng gần. Xa trông, chùa

Thanh Sơn giống một cái nhà gạch, bình thường, nhưng vào trong cũng thấy hay hay. Vài gian chùa xinh gọn ở bên cạnh một hang đá khá sâu với những nhũ đá hình hoa, hình quả, hình thú, hình người. Có những nhũ đá, gõ vào nghe như tiếng chuông, tiếng khánh... Chùa này, sau những ngày máy bay Giôn-xơn bắn phá, sư bà Đàm Châm, 80 tuổi, vào đây cùng với người Hội Xá phá hoang, xây dựng,

Hương Đài ở phía sau Thanh Sơn. Leo núi một lát, xuống đường đồng rồi lại leo núi một lát nữa là đến. Hương Đài tựa như một tổ chim lớn trong hang núi. Có động tất có nhũ đá. Nhũ đá Hương Đài không tia tốt nhưng có dáng khỏe, chắc.

Từ chân cầu bên phải - vẫn kể từ phía bên Yên đi vào - có lối vào làng Hội Xá. Hội Xá là quê vợ của nhà thơ Tấn Đà, Tấn Đà vốn yêu cảnh:

Sóng gợn sông Đà, con cá nháy
Mây chùm non Tấn, cái điều bay

ở nơi quê ông, nhưng ông cũng rất yêu cảnh Hương Sơn. Hồi trẻ tuổi, sau một lần thất tình, ông đã lên non Tiên, làm văn tế... Chiêu Quân.

Có lẽ vì thế cái tình của ông đối với đất Hương Sơn, nên một số người thân quen đã đưa ông về đây nhân dịp cải táng di hài của ông vào năm 1963. Nhà thơ Chế Lan Viên và mấy nhà thơ khác được Hội Nhà

văn Việt Nam cử đi, cùng một số đồng chí cán bộ Văn hóa tỉnh dự cuộc đưa Tản Đà về Hương Sơn.

Nay Tản Đà nằm ở cánh đồng Cửa Quán thôn Hội Xá, xã Hương Sơn, gần một cái quán ngói mát mẻ, nơi nghỉ giải lao của những người thợ cấy, thợ gặt của Hợp tác xã. Nông dân có người còn nhớ ca dao của Tản Đà, như:

Muốn cho đêm ngắn hơn ngày

Sớm vỡ ruộng rậm, trưa cày ruộng chiêm...

Đã nhiều mùa lúa con gái, rồi lúa vào máy ca hát xung quanh chỗ ông nằm. Mộ chí mang dòng chữ “Thi sĩ Tản Đà sinh năm 1888, mất ngày 20 tháng 4 âm lịch (17-6-1939)”. Mộ chí quay mặt về một dãy núi gồm Ngũ Nhạc, núi Voi, Quên Ngông, núi Giát Bạc... (xin chú ý núi Voi này với núi Voi *mất mông* bên suối Yến). Tưởng như chính Tản Đà đang hướng mặt mình về phía một dãy núi đẹp đã từng là nơi đóng quân và vọng gác của du kích Hương Sơn, mà ngâm lên:

Nước non nặng một lời thề

Anh Sỹ Tiến, một nghệ sĩ sân khấu yêu Hương Sơn yêu thơ và cũng thích Tản Đà, nhân qua đây có làm một bài *hữu cảm* kết thúc bằng hai câu:

Tản Đà ơi! Tản Đà ơi!

Hồn thơ hẳn đã thỏa lời “nước non”.

ĐƯỜNG MỚI CHÙA HƯƠNG

Bài này tôi viết vào mùa thu năm 1972, lúc con đường bộ từ bến Yên vào bến Trờ đang được xây dựng. Xin lược trích ra đây vài ba đoạn để khách chứng kiến sự hình thành một con đường núi mới mở trong thắng cảnh.

T.L.V

Cách đây mấy năm, nghe nói người ta sẽ đắp một con đường men theo suối Yên vào chùa Hương. Thú thật, tôi là một người đã từng áy náy về cái dự định ấy. Đắp đường ở nơi nào khác là việc đáng cầu mong. Nhưng đắp đường ở đây để... ô tô, bình bịch có thể phóng vù một cái là vào đến chùa Hương, bất chấp cả đường khe nẻo suối thì thật là một sự tiện lợi... vô duyên!

*

* *

...Mùa thu năm nay, được tin con đường ấy quả thật đang hình thành và sắp hoàn thành, tôi không nén nổi sự ngạc nhiên sửng sốt. Tôi vội vào thăm chùa để hỏi và xem sự việc ra sao.

Cái điều tôi phải tự giải đáp ngay cho tôi là con đường sắp hoàn thành liệu có làm xấu đi một cảnh đẹp, liệu có *phạm tục hóa* một vùng *tiên cảnh*? Tôi đã tìm thấy câu giải đáp và đã chuyển lo thành mừng. Trên quãng đường khe nẻo suối dành riêng cho việc du ngoạn này, người ta không đắp một con đường thẳng tắp (để rồi rải nhựa) cho ô tô, bình bịch. Xin các bạn hãy yên tâm. Đây không phải là con đường đắp bằng đất ruộng mà là con đường tạc vào đá núi.

Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo!

Mượn câu thơ nữ sĩ cho vui, chứ thật ra đường này không cheo leo lắm đâu! Nó yên chuyển theo hình non thế suốt. Nhân tạo hỗ trợ cho thiên nhiên, dóc lòng hòa hợp với thiên nhiên. Đó là điều tâm niệm của các tác giả của đường mới chùa Hương.

...Mùa *gió cây trút lá*, thiên nhiên đang bước dần vào thời kỳ tái tạo; chuẩn bị cho hội xuân. Nụ mơn chưa nhú, nhưng cây mơn đang *làm* nụ; lá non rau sắng chưa nẩy, nhưng cây rau sắng đang *làm* lộc. Công trình nhân tạo, là con đường mới mở, cũng đang được cấu tạo gấp rút. Cả trời và người đều đang cần cù làm những việc cần thiết để cảnh Hương Sơn hiện ra trong một vẻ đẹp hoàn chỉnh, đón khách mười phương.

Tuy còn ở trạng thái một công trường, nhưng đường núi mới đã rõ nét. lượn sóng đôi với suối Yên, kể từ bên đò Yên đến quãng đối ngạn với bến chùa Trò, dài tất cả năm cây số. Nói là đường núi nhưng cũng phải kể đến một khúc đường đất dẫn đến đền Trình. Sau đền Trình mới là đường núi. Khách hãy đi đường bằng một lúc, để lấy hơi mà đăng sơn. Sư Am phụ trách công trường, nhai trầu bồm bồm, cười:

- Hôm nay ta không hưởng cái thư nhàn của đò suối mà hãy ném chút xiu vất vả của một quãng Trường Sơn chưa thành đường mòn.

Trong tịch tịch Hương Sơn vắng tiếng chim hót. Năng hanh khô giòn chỉ thỉnh thoảng vang lên tiếng nổ của mìn phá đá. Đường có những chỗ dờ dang, chưa tiện đặt bàn chân. Hoặc phải leo qua một chiếc cầu *khỉ* bấp bênh, tay vịn là một cây tre uốn cong; hoặc phải dẫm lên đá tai mèo lởm chởm; hoặc phải bám lấy đá mà đánh đu người lên, lại có chỗ muốn leo lên quên phải lội xuống nước đến ngang bụng... Trừ một vài chỗ ấy ra, nhìn đại thể mười phần đã xong được bảy tám. Đường mới đã uốn khúc rồng dưới chân núi hay ngang sườn núi. Từ khi có núi và nước Hương Sơn, nay mới có con đường này. Đây trước chỉ là lối đi của người hái thuốc, người kiếm củi, của hươu, nai, cây, cáo và

đàn dê núi. Khách vào thăm cảnh từ cổ chí kim chưa ai đi lối này. Nay, con người mở núi nên đường, đường mới lại mở ra một cảnh mới. Chợt thấm hiểu cái hay của câu thơ:

Giang sơn bở ngỡ bức tranh in

Cái cảm xúc trước mọi vẻ đẹp trông thấy lần đầu đúng là đi đôi với cảm giác bở ngỡ. Ta bở ngỡ trước cảnh đường núi và đường suối song hành với nhau ở đây. Khách ngồi dò và khách đi bộ có thể cất tiếng chào nhau, có thể cao giọng trao đổi với nhau dăm ba câu chuyện. Chắc hẳn vui hơn cái cảnh trước kia chỉ có một mình đường suối. Ta lại bở ngỡ trước những vách núi, hang núi, khuỷu núi hình thế khác nhau mà những kỳ hội trước ta chưa từng thấy.

*

* *

Đường núi – nếu ta chỉ nhìn vào những cái giống nhau – kể cũng không có gì đáng lấy làm lạ. Cũng những bậc đá lên, bậc đá xuống, cũng lúc ẩn lúc hiện, *núi trước núi sau, mình ở giữa*. Người xưa làm đường núi đi vào thắng cảnh, có nhiều dụng ý dụng công. Người bây giờ làm công việc nối tiếp, học tập người xưa mà khám phá, sáng tạo thêm. Người làm đường mới chùa Hương tuân theo một

nguyên tắc: *đẹp và tiện*. Ở đây, cái đẹp mà dung hòa được với cái tiện thì hay. Ví bằng cái tiện mà làm thiệt thòi cho cái đẹp thì cái đẹp được quyền ưu tiên và cái tiện phải nhường bước.

Người làm đường có thể đánh một con đường tắt không dài đến năm cây số. Như thế việc làm đường đỡ tốn tiền hơn. Nhưng xem ra cái tiện ấy lại hóa... bất tiện! Vì đường tắt phải leo dốc cao quá. Đi chơi núi mà không leo núi thì chẳng thà dạo bước trên vỉa hè Hà Nội. Nhưng leo núi cao quá thì các cụ bà và những người yếu tim sẽ rời gối, hoa mắt, cũng chẳng thưởng thức được gì. Thêm lẽ nữa là đi đường tắt, không trông thấy suối. Thế là vừa bất tiện vừa không đẹp.

Việc bảo vệ cái đẹp trong chi tiết nhỏ cũng đã lắm công phu. Một cây mơ già, một cây gạo cổ đứng chờ ta ở một khuỷu núi để bất chợt gặp ta vào ngày xuân, với tấm lòng trong trắng của hoa mơ, tình cảm nồng cháy của hoa gạo. Ôi, lẽ nào phá bỏ đi cho... tiện. Muốn giữ những cái cây giá trị ấy, mặt đường phải nhích ra một tí hay nhích vào một tí. Chỉ *một tí* ấy cũng đòi hỏi việc phá đá, xếp đá phải thận trọng, chỉ li đến thế nào. Đá cũng có chỗ phá được, có chỗ phải giữ gìn. Như quả núi sau đền Trình, đá dựng lên, tự xếp đặt cân đối, hài hòa. Không thể phá đá ngay ở đấy mà phải khôn

đá chỗ khác đến mà làm đường. Lại như quèn Thung Sậy, núi nhô ra thành một bao lơn thiên nhiên, giá đúng đấy mà đọi trắng, ngắm suối thì tuyệt. Bao lơn thiên nhiên ấy, ai nỡ phá đi mà lấy đá?

*

* *

Trên con đường mới, tìm ra nhiều cái thú, kể sao cho hết. Khách tản bộ sẽ gặp những chỗ dừng chân đáng ghi nhớ. Thiên nhiên đã xây sẵn cho ta những cái *quán đá*. Hai bên hai phiến đá phẳng làm tường đỡ lấy một phiến đá phẳng làm mái. Trên mái, cò cây đan dúi, vắn vít. Có thể là một loài dây leo buông rèm, có thể là một loài phong lan điểm màu cho một nền xanh. Những *quán đá* ấy, hẳn thiên nhiên có ý làm sẵn để ta dùng làm quán dừng chân trên đường vân cảnh. Người địa phương gọi những quán đá ấy là *hang đá lợp*. Có ba hang đá lợp, khoảng cách gần bằng nhau: một hang ở sau hang *Sơn thủy hữu tình*, một hang ở núi Ba Đài, một hang nữa ở núi Con Gà. Biết đâu sau này chẳng thành ba cái quán dừng chân nổi tiếng: quán *Sơn thủy hữu tình*, quán *Ba Đài*, quán *Con Gà*.

*

* *

Đường mới chùa Hương được xây dựng với nhịp độ hồi hả. Khởi công từ ngày Quốc khánh 2-9-1972,

đến 30-12-1972 hoàn thành. Thắng cảnh ở trên đất Hà Tây, nhưng là của chung đất nước. Tỉnh Hà Tây lo giữ việc gìn giữ, tu bổ... Một tập thể, người của Trung ương, người của Tỉnh góp trí, góp sức tạo nên con đường. Phó tiến sĩ, kỹ sư của Bộ Kiến trúc về nghiên cứu thực địa, ngành văn hóa, ngành kiến trúc, ông kế hoạch, ông tài vụ... gặp nhau. Con đường phác ra trong ý nghĩ và muốn thành tác phẩm thực sự, phải có một đội, hai đội, ba đội, đến mười tám đội thợ đường. Thợ đường có người quê địa phương Yên Viên, Đức Khê, có người ở các huyện của Hà Tây, có người Hà Nam tỉnh bạn, Yên Viên, Đức Khê thạo nghề đập đá, ghép đá. Thợ đường các nơi khác dẫu không chuyên nhưng cũng đã nhiều ngày tháng xây dựng những con đường huyết mạch lớn ở Lào Cai, Nghĩa Lộ, Tuyên Quang, Hà Giang, Lục Yên, Thác Bà...

Mở đầu, đoàn chiếu bóng Hà Tây vào giúp sức dọn cỏ, phát cây rồi các đội thợ đường lần lượt tiến vào. Tiếng mìn nổ, tiếng choòng, tiếng búa. Cảnh Phạt rộn rã một công trường.

Sư Am một ngày ba bốn lượt leo trèo lặn lội giao đường, đôn đốc cả về kỹ thuật, giải quyết nhiều việc linh tinh. Cùng với những người phụ trách như ông Am, ông Đình có các đồng chí Vượng, Trúc, Học, Ty, Thủy, Hương lo việc và chạy việc.

Người dân sở tại cũng tỏ lòng hào hiệp. Anh Lục, quê Yên Vĩ, tự ý đẵn bụi tre nhà đi, lấy chỗ làm cầu tre cho thợ đường đi tạm. Ông Rạo có khóm trúc đẹp và một vườn mơ, bưởi, bị đá làm đường lăn xuống hông cây, không phân nản một tiếng, không bắt đền một xu. Ông Đình, nhà ở gần cái *bao lơn thiên nhiên*, nhường ba gian nhà lá đẹp như cái lều hóng mát cho thợ đường ở.

*

* *

Sang xuân, khách vào thăm thắng cảnh, thấy con đường núi mới hiện ra như một *phép lạ*, hẳn ngạc nhiên vui thích biết bao!

BẾP TRỜI

Thiên Trù là *Bếp Trời*. Ngày xưa, những người nghiên cứu vai trò của các ngôi sao, theo học thuyết thần bí, siêu hình, cho rằng mọi sự mọi việc ở thế gian đều do các ngôi sao trên trời quyết định cả(!) Trong các ngôi sao, có một ngôi tên gọi Thiên Trù làm chủ về việc ăn uống. Chúng ta bây giờ không ai tin một cách ngây thơ rằng: cứ nằm đấy chờ *Bếp Trời* đưa xuống cho ta cơm ăn nước uống là có ngay, chẳng cần làm lụng gì!

Kìa thử xem khách mười phương *có thực mới việc được đạo*, trước khi vào chùa thưởng thức mùi thơm của hương, hoa, hãy vào thưởng thức mùi thơm của *trần thế* của phở hay mì nghi ngút bốc khói từ bếp quán ăn Mậu dịch ở khuất một góc núi Thiên Trù, hoặc ngồi quay tròn quanh một *mâm* cơm bày biện rất nhanh dưới một tán cây hay trên một thềm hiên sạch, mát. *Mâm* thường là những chiếc lá chuối hay tấm ni-lông trải ra, kiểu như bữa cơm dã chiến. Nhìn vào những bữa ăn đủ thấy sự được mùa của các vùng

quê ta, đủ thấy dự phong phú của các món ăn trên rừng dưới biển. Những gói cơm nếp hoa vàng thơm phức, những nắm cơm chắc nịch như bó giò, cắt ra từng khoanh trắng, mịn. Thức ăn thì có vừng, lạc kiểu nhà chùa (vả lại mang đi đường cũng tiện) và các thứ thịt cá kho khô của những người không quen ăn chay, chỉ quen ăn *mặn*. Ở *Bếp Trời* có nhiều quán ăn. Quán nào cũng có *cơm chay*, *cơm mặn* và món ăn đặc sản địa phương: canh rau sắng, canh củ mài.

*
* *

Dù sao, vào đây người ta cũng nghĩ đến chuyện ngấm cho *no mắt* hơn là ăn cho *no bụng*.

Thiên Trù ở vào một địa thế đẹp, không giống bất cứ một cảnh nào khác trong hệ thống thắng cảnh Hương Sơn. Một khoảng đất bằng cao, rộng, trên bên dưới thuyền; núi đằng trước, núi đằng sau, núi bên phải, núi bên trái đều đặn cân đối, tưởng như những phiến *đầu rau* của *Bếp Trời*.

Núi bắc đầu rau mấy vạn niên⁽¹⁾

Xin giới thiệu qua loa tên gọi mấy quả núi quanh Thiên Trù. Nếu chỉ kể ba phiến *đầu rau* gần

⁽¹⁾ Trích bài "Thăm cảnh chùa Hương" thơ Xuân Diệu (trong tập thơ "Chùa Hương" – Ty Văn hóa Thông tin Hà Tây xuất bản).

nhau nhất, thì - nhìn từ ngoài vào - ta thấy hai núi Phụ Mã hai bên, núi Sau Chùa ở đằng sau. Nhìn rộng ra chút nữa thấy núi Thung Mang bên trái, núi Tiên Sơn bên phải. Bên cạnh núi Sau Chùa là núi Ông Cháy, trên lối đi vào Hinh Bồng là núi Lão. Sau núi Lão là núi Cổ Bồng. Núi quanh Thiên Trù sần sần nhau, ngọn cao nhất không quá 378m. Núi nọ không cách xa núi kia lắm, nhưng cũng không chen chúc, chồng chéo nhau. Vì thế, khoảng đất bằng, tuy xung quanh là núi nhưng trông ấm áp, thưa thoáng, không bị bóng núi đè nặng. Vào những ngày đông khách nhất có lúc trên khoảng đất này mấy nghìn người cùng có mặt mà cũng không đến nổi bí.

Thiên Trù có quan hệ mật thiết với Hương Tích như hai câu thơ phải bổ sung cho nhau mới trọn vẹn một ý, tứ. Thiên Trù là *chùa Ngoài*, Hương Tích là *chùa Trong*. Khách từ ngoài vào trong, từ trong ra ngoài đều phải qua Thiên Trù. Hương Tích là bề sâu, Thiên Trù là bề rộng. Nếu ví von một cách hơi ngộ nghĩnh thì Thiên Trù là cái miệng phễu rót những dòng người vào tận đáy một cái bình là động Hương Tích.

*

* *

Thiên Trù đẹp ngay từ một cái bến: bến Trò (*Trò* là tên nôm của Thiên Trù). Thuyền thoi xuôi

Yến đồn vào đây, đưa khách vào rồi đón khách ra, tản đi dần dần. Chuyến vào chở cái náo nức, chuyến ra chở cái vắng khoải. Thuyền kế tiếp nhau đến đỗ san sát kê bên đá, chỗ chân núi Mâm Xôi, có cây có quán. Cây ngả mình và quán ngổ cửa, đều là tỏ lòng hiếu khách cả. Một bến thuyền và một cây cổ thụ, kể ra cũng chẳng có gì lạ mà sao vào ảnh của nghệ sĩ Võ An Ninh vẫn rõ ra bến Trò, không lẫn với bến nào khác. Một cái dốc ngắn, một con đường không dài, rợp bóng những cây đại dẫn khách lên thêm. Những cây đại lâu đời, hoa thơm man mác như Xuân Diệu đã tả:

Hàng cây đại cũ toạ hương chùa⁽¹⁾

Cảnh nào, hoa ấy. Cảnh chùa thường ưa mùi hương lặng lẽ thoảng bay của hoa đại, hoa mộc...

Ở Thiên Trù cũng nhiều cây hoa gạo. Hoa gạo nở vào giữa kỳ hội, đỏ rực trên nền xanh sẫm của núi, tưởng như những ngọn lửa thấp trên các cây đèn. Gần cuối hội, hoa gạo rụng như đèn chùa tắt dần. Hoa gạo rụng, lá gạo nảy xanh cũng là lúc hoa đại bắt đầu nở, cành lốm đốm vàng sáng như lửa nến thấp lên cho vui đường ra lối vào. Bây giờ lối vào Thiên Trù sum suê thêm nhiều loại cây do

⁽¹⁾ Trích bài "Thăm cảnh chùa Hương" thơ Xuân Diệu (trong tập thơ "Chùa Hương" – Ty Văn hóa Thông tin Hà Tây xuất bản).

Ban quản trị Chùa Hương trồng, nhiều loại cây do các lão ông, lão bà từ mười phương đưa đến. Có cả những khóm trúc, những cây quế...

Thiên Trù về mặt kiến trúc đã có lúc quy mô khá to nhưng đã bị quân *viễn chinh* Pháp phá đi phá lại nhiều lần kể từ năm 1947. (Việc này sẽ nói kỹ hơn ở một đoạn sau). Xin vẽ phác vài nét rất đơn sơ về công trình xây dựng trước khi bị Tây phá:

Chùa Thiên Trù cũ được xây dựng trên một diện tích hình chữ nhật chạy dài suốt từ chỗ sân dốc cho đến bức tường ngăn giữa khoảng đất bằng và núi Sau Chùa. Kiểu kiến trúc có tên gọi là *Năm cửa ba bậc* (Ngũ môn, tam cấp). Trông ra sân dốc là một cái cổng hai tầng, tầng dưới có năm cửa uốn cong, tầng trên có những lầu nhỏ, nhiều mái. Phía trên cửa giữa có ba chữ *Nam thiên môn* (Cửa trời Nam). Qua cổng đến sân. Hai bên sân là hai dãy nhà gianh bán hàng cơm trong ngày hội. Qua sân đến bậc thêm thứ nhất. Bậc đưa khách lên thêm, cao hơn sân trước một chút, nhưng cũng lại là một cái sân. Giữa sân, lui về phía trước, một đỉnh đồng cao ba mét nhả khói suốt ngày đêm. Hai bên sân, là hai dãy hàng cơm. Qua sân này đến bậc thêm thứ hai đưa lên một sân cao nữa. Hai bên sân này là hàng quà, hàng cơm, hàng bán tạp hóa rồi đến những gian nhà cầu cho khách ngủ trọ. Cũng hai

bên sân nhưng ở phía ngoài hai dãy hàng quán, nhà trọ ấy, bên trái là một khoảnh vườn cây có hồ bán nguyệt, bên phải là vườn tháp và nhà để củi. Qua sân lại đến bậc thềm. Đây là thềm thứ ba, cao hơn cả hai thềm sân trước. Lên thềm này, qua hai lần cửa Tam quan mới vào đến Tam bảo (chỗ thờ Phật). Hai bên Tam quan là gác trống (bên trái), gác chuông (bên phải). Hai bên Tam bảo là bể chứa nước gần các buồng sư (bên trái), buồng cung văn, nhà đấu, nhà tương, nhà oản... (bên phải). Xa chút nữa, bên trái là nhà bia, suối nước (gọi là *suối Điện* vì gần điện thờ), bên phải là hồ *Song Nguyệt* xung quanh bày những chậu hoa cây cảnh, rồi đến nhà *lâm* chứa thóc của nhà chùa. Đằng sau Tam bảo, kể từ bên trái là điện thờ *Thánh Mẫu*, gác tàng thư (chứa sách) nhà Tổ, nhà gác của sư cụ, Thiên Thủy tháp, nhà *Quan cư* dành riêng cho loại khách *sang trọng*.

Xin nói thêm một chút về chỗ Tam bảo:

Trên các bệ thờ Phật có nhiều tượng như các chùa khác, nhưng đặc biệt có ba pho tượng rất lớn, ít thấy ở đâu. Ấy là pho tượng A Di Đà ngồi tòa sen ở chính giữa, phía trong, cao chừng bốn mét (kể cả tòa sen) bằng gỗ rồng lòng, bên trong có những tấm ván đủ cho bốn người nằm. (Người lớn không ai nằm như vậy, chỉ có một vài trẻ em chăn trâu chăn bò thừa lúc chùa vắng, vào chơi nhón với nhau,

chui vào nằm trong bụng Phật). Hai bên tượng A Di Đà là hai pho tượng đứng, mỗi pho cao chừng ba mét. Tam bảo có trần bằng gỗ cuốn sơn son. Trần sơn son, tượng *Kim thân*, vàng son lộng lẫy.

*
* *

Chùa Thiên Trù cũ có nhiều văn chương đề vịnh. Nào thơ, nào câu đối - câu đối nhiều hơn thơ - nhấn vào tường, khắc vào gỗ, la liệt. Ý nghĩa ca ngợi cảnh đẹp cũng có, nói lên sự siêu thoát (hợp với tâm lý người đời cũ) cũng nhiều. Tây phá chùa, huỷ luôn cả chữ nghĩa. Nay trên nền cũ Thiên Trù cũng còn lại một ít.

Xin giới thiệu vài câu (dịch từ chữ Hán):

Bốn mùa song, cửa xem trời đất

Một mảng non sông đủ cổ kim

*Ánh sáng ngoài hiên, chẳng mới chẳng xưa,
đây bức vẽ.*

*Tiếng chim trước cửa, không tơ không trúc, đây
cung đàn.*

Đôi câu trên có ý mở ra không gian, thời gian rộng lớn. Đôi câu thơ dưới coi phong cảnh thiên nhiên nơi này là bức vẽ, là bản nhạc. Một bức vẽ

không mới nhưng cũng chẳng bao giờ cũ, một bản nhạc không có tiếng tơ cũng thành đàn, không có tiếng trúc cũng thành sáo.

*

* *

Chùa Thiên Trù bắt đầu được xây dựng từ bao giờ? Có vài ba thuyết khác nhau. Nhưng hiện nay, sử liệu cũ nhất của nhà chùa chỉ còn lại một bài văn bia đề niên hiệu Chính Hòa (Lê Hy Tông) năm thứ bảy (1686). Văn bia ghi vắn tắt về việc nhà sư Viên Quang *bắt đầu xây nền phúc, trong thì sửa sang động bái Hương Tích, ngoài thì mở mang cõi Phật Thiên Trù*. Viên Quang là đạo hiệu của nhà sư. Ông còn được tôn xưng là *Viên Giác tôn giả* và được vua phong là Hòa Thượng thuộc Tăng Lục ty, Thượng Lâm viện – một tổ chức tôn giáo đời Lê. Sau đoạn nói về nhà sư Viên Quang, văn bia nêu tên những người cúng tiền của vào việc xây chùa. Trước hết là tên hai người phi tần què ở thôn Thượng, xã Đường Hào, huyện Đường Hào, là Mai Thị Cự (sau đổi là Đào Thị Cự) và Mai Thị Nhiên (sau đổi là Đào Thị Nhiên). Hai người phi tần này đều là vợ Trịnh Căn, chúa thứ 5 trong các đời chúa Trịnh.

Tám bia này có ít nhiều giá trị nghệ thuật. Đáng chú ý là những hình chạm khắc trên bề bia. Đó là những con giống quen thuộc trong thực tế đời

sống. Từ giống to như con voi đến giống nhỏ như con cua. Có cả trâu đang đầm và vịt đang lội. Trên hai gờ bệ bia, người ta đục những cái hõm hình bầu dục. Trong mỗi hõm có một vài con vật chạm nổi, khá sinh động, chứng tỏ bàn tay người thợ điêu khắc đồ đá này, chỉ mới làm một số chi tiết trang trí, đã tỏ ra có tài nghệ. Biết đâu bàn tay ấy chẳng phải là một bậc thầy đã để lại những công trình điêu khắc đồ đá mẫu mực mà chúng ta đã được xem trong một cuộc triển lãm mới đây của Bảo tàng mỹ thuật.

Dựa vào văn bia Chính Hòa năm thứ bảy, người đời sau viết một quyển *Thiên phả chùa Thiên Trù*, có nói về ông Viên Quang:

*Họ tên, quê quán chưa tường
Đã từng độ điệp giấy vàng vua cho
Bồng tinh cờ vân du tới đó
Thấy nước non thanh tú mà yêu
Liên cùng người xã dặt dìu
Lơ thơ mới dựng một lều thảo am
Ngồi tụng niệm "ni nam" sớm tối
Chùa Thiên Trù mới gọi là tên...*

Như vậy là sắc vua, chùa làng. Ông Viên Quang dựng được chùa để có danh lam trong thắng cảnh, không phải chỉ nhờ vào tiền bạc của mấy người phi tần mà còn nhờ vào công sức của dân xã. Và nếu cái

tên Thiên Trù, tên Hương Tích từ đó mới có thì lịch sử xây dựng chùa chiền ở Hương Sơn và những câu chuyện Phật thoại có liên quan tới cảnh này cũng mới chỉ có trong vòng ngót ba trăm năm nay.

Trong chùa Thiên Trù, về hiện vật lịch sử, phải kể đến quả chuông đúc vào thời Tây Sơn – Cảnh Thịnh năm thứ hai (1793) – mà bài minh có nói đến chiếc trống đồng. Quả chuông này trước treo trong động Hương Tích, sau mới đưa ra Thiên Trù. Bài minh không những nói về chiếc trống đồng Hương Tích mà còn nói về một nhà sư khác tên chữ là Hải Viên có công sửa lại chùa, đúc lại chuông sau những năm chùa bị hoang phế vào lúc hỗn loạn nhất của thời Lê Trịnh. Ông sư Hải Viên tên chính là Phạm Trần Đoàn có cơ sở ở chùa Tào Khê thuộc Yên Vĩ.

*

* *

Hiện nay cảnh cũ Thiên Trù – nói riêng về phần nhân tạo – cũng còn lưu lại những mảng đẹp: vườn tháp với những cây tháp cổ và mới. Riêng tháp Viên Công có kiểu cách đặc biệt. Tháp Thiên Thủy (nước trời) đặt chỗ nước nguồn trên núi tuôn xuống dồi dào; suối *Điện* là một bể nước thiên nhiên có tay người gia công, vơi rồi lại đầy; nhà bia ngoài, nhà bia trong; những cây cổ thụ, v.v...

Ban Quản trị Chùa Hương – do ngành Văn hoá cử ra - đã dọn dẹp cả một *núi* gạch ngói của ngôi chùa cũ bị giặc Pháp tàn phá, đã tạm sửa một ngôi chùa chưa đồ sộ lắm nhưng cũng đủ trang nghiêm cho khách tín ngưỡng đến hành hương, đã trồng mơ, đậu, khoai, sắn, đủ đủ ở hai thung Phụ Mã, đã xây hai tòa nhà khách và những căn nhà trọ khang trang, đã xây lại sân và thêm, đã mở rộng bến dò...

Trong khi chuẩn bị xây dựng một công trình mới. Ban Quản trị đã biến cảnh hoang tàn thành một vườn hoa có cả cây hoa ban Tây Bắc nở trắng đúng vào dịp hội. Khách vào Thiên Trù có cảm giác đây là một công viên, không những vì vườn hoa mà còn vì những cái quán bằng tre nửa đơn sơ nhưng xinh xắn: quán chụp ảnh, quán phát hành sách và lưu niệm phẩm, v.v... Đường lên Tiên Sơn, hàng quán nối nhau thành một dãy phố. Đêm đêm, máy phát điện thấp sáng cả khu vực Thiên Trù, cả lối phố lên Tiên và bến Trò. Cảnh bến Trò có một nét mới là chiếc cầu tre dài, rất dài, bắc vững vàng và có mỹ thuật, qua hết chiều ngang của Suối Yến để nối con đường bộ mới mở với khu Thiên Trù. Cầu tre có lan can hai bên, khúc giữa được nâng cao lên, có vành cong bán nguyệt. Những đêm cuối xuân, sắp sang tiết tháng ba, trời sắp nóng nực, ra đây mà hóng mát hay tắm suối, cũng là một cái thú.

THĂM HANG "TRÚ QUÂN"

Trong hệ Hương Sơn có rất nhiều quả núi có hang động. Ngoài những hang động mà ai cũng biết và thường đến thăm, còn không biết bao nhiêu hang động chưa ai tìm ra hoặc đã có lúc tìm ra và sử dụng nhưng sau bị bão gió hoặc núi lở vùi lấp hoặc chính tay người vùi lấp đi, rồi bị rừng núi giấu kín những điều bí mật của thần linh.

Xưa kia Hương Sơn là một nơi hiểm trở. Vì thế Hương Sơn không chỉ là *đất Phật*, mà còn là đất dụng võ của nhiều *anh hùng thảo dã*. Có những cánh nghĩa quân đã lấy hang động vùng này làm thành lũy chiến đấu hay làm nơi rút quân, bảo toàn lực lượng.

Xuân 1973, nhân dịp vào công tác thắng cảnh, chúng tôi có hỏi chuyện người già ở Yên Vĩ: cụ Nguyễn Văn Tò gần 90 tuổi, các cụ Nguyễn Văn Thoa, Nguyễn Văn Toàn, Nguyễn Văn Lực đều trên 70 tuổi. Tất cả đều cho biết: ngay trong khu

vực Thiên Trù cũng có một cái hang chỉ có người trong làng biết, người ngoài không mấy ai biết, tên gọi là *hang Trú quân*. Chúng tôi ngỏ ý muốn được đi thăm hang. Các cụ vui lòng đồng ý.

Người dẫn đường cho chúng tôi là đồng chí Nguyễn Văn Vượng, cán bộ Ban quản trị chùa Hương. Chúng tôi đi vòng theo chân núi Phụ Mã. (Xin các bạn nhớ cho rằng: có hai núi Phụ Mã ở hai bên chùa Thiên Trù. Đây là núi bên trái, nếu ta đứng ở ngoài nhìn vào chùa). Đến một cái vực gọi là *vực ông Oanh* thì rẽ lau vạch cỏ trèo lên núi. Chắc hẳn ở đây vốn có lối lên nhưng lâu ngày ít người đi, nên lối mòn đã bị lấp và trở nên hoang rậm. Gai nhọn, cỏ sắc, dây leo chằng chịt, đá núi mấp mô làm cho bước đi lên khá chật vật. Phải có con dao phát mang theo để mở lối. Lần mãi đến lưng chừng núi, tưởng thấy cửa hang, hoá đi chệch hướng. Ấy là đồng chí Vượng - "thổ công" của địa phương - không đường ngang lối tắt nào không thuộc, mà còn lúng túng thế! Nhưng rồi loay hoay một lúc cũng tìm ra cửa hang. Cửa hang bị cây cối che phía trước, lại bị những tảng đá lớn - do tay người đem đến - lấp đi gần kín, chỉ còn để hở một chỗ như cái cửa tò vò, phải khom lưng mới chui lọt. Ai đi qua cửa hang mà không để ý thì cũng không nhìn thấy. Nhưng - lạ thật! - càng vào trong càng thấy rộng, rộng thênh thang có thể đủ chỗ cho vài

tiểu đoàn đóng quân một cách thoải mái. Hang chia ra làm nhiều tầng, nhiều ngách. Có chỗ có thể dùng làm kho chứa lương thực, có chỗ có thể ngồi họp, ngồi chơi. Những con dơi lớn bám đen đặc trên nóc hang, thấy động, bỗng vỗ cánh bay loạn xạ. Mùi phân dơi bốc lên nồng nồng, hăng hắc. Hàng ngày, nông dân vắn vào đây lấy phân dơi, còn để lại những mẩu nén, những que đóm, que đuốc. Chúng tôi thấp nển lên mới thấy rõ những cái đẹp trong hang. Nhũ đá làm thành những cột, những rèm, những màn ngăn như thêu như dệt. Nhũ đá buông những dải lụa thướt tha, lại như có sợi dây thắt ở giữa. Những rèm, những màn ngăn, những dải lụa bằng nhũ đá ấy mỏng tang, chỉ khe bẻ là gãy. Một anh bạn cầm cây nến đang cháy đứng ở một chỗ phẳng, chúng tôi đứng phía trước nhìn, tưởng ảnh là một nhân vật xuất hiện ở sân khấu. Xung quanh cũng có phong, màn, cánh gà, toàn là... nhũ đá. Nhũ đá long lanh những chấm vàng, chấm bạc. Soi lên nóc hang thấy như một trần nhà vẽ mây. Đây là những hình vẽ do ngấn nước tạo thành. Từ tầng trên xuống tầng dưới hang, có những bậc lên xuống còn rõ vết đục đẽo của tay người.

Xem hang xong, chúng tôi ra về bằng lối khác, không theo lối đi cũ nữa. Chúng tôi xuống một cái thung nhỏ gọi là “thung Mả Mê” rồi theo một con đường núi gần chùa Tiên mà quay về Thiên Trù.

Thung *Mả Mê* (nghe tên đã rợn) có một cái vực cũng mang tên "*Mả Mê*", nước trong xanh như mắt mèo. Thung này trước kia có tiếng là lắm *ma thiêng*, cọp dữ, cứ chạng vạng tối là không ai dám bén mảng tới. Cọp dữ thì ngày trước có thể có. Nhưng còn *ma thiêng*? Có thể do sự mê tín khiến người ta tưởng là thấy *ma*, cũng có thể do chính những người *trú quân* ở đây hồi ấy tung ra chuyện *ma* để hạn chế sự nhìn ngó của người ngoài, giữ bí mật địa điểm đối với tai mắt kẻ địch.

Hang Trú quân, cái tên khá hấp dẫn về mặt lịch sử. Tên ấy rất chính xác, không ai bịa. Cụ Nguyễn Văn Tò gần 90 tuổi, tai đã nghễnh ngãng, có thể quên nhiều sự việc, nhưng cái tên ấy đã để lại cho cụ một ấn tượng mạnh từ lúc còn bé, nói đến hang ấy là từ miệng cụ bật ngay ra hai tiếng *Trú quân*. Thêm chứng cứ nữa là quanh đây, người ta đã tìm thấy những hiện vật có liên quan tới việc trú quân. Bà Ngà ở thôn Yên Vĩ đã nhặt được một thanh kiếm cũ ở gần hang. Đồng chí Nguyễn Đức Bảng cũng quê ở Yên Vĩ, hiện công tác ở Bảo tồn bảo tàng Hà Tây, đã đào được ở *Mả Mê*, vào năm 1952, một sọt bát (kiểu bát loe miệng), một thanh mã tấu, một lưỡi của thợ mộc, đều đã hoen gỉ.

Như vậy là vào một thời gian trước Cách mạng Tháng Tám khá lâu, đã có một cánh quân đóng ở

đây. Nhưng quân nào? Quân của ai? Không thể là quân của vua quan phong kiến, cũng không thể là quân của Tây. Vì Tây và vua quan chẳng phải đóng quân ở một nơi bí hiểm như thế làm gì. Cũng không phải là một đám quân cướp bóc tầm thường. Quân cướp bóc chẳng cần đến một sào huyết quý mô như thế. Vậy chỉ có thể là một lực lượng nghĩa quân chống vua quan phong kiến hoặc chống Tây xâm lược. Nhưng nghĩa quân nào? Sau nhiều lần hỏi han, trao đổi ý kiến, tranh luận cho ra lẽ nữa, chúng tôi mới chỉ biết được một điều khá... mông lung là *quân ông Hai Thái*. Ông Hai Thái là ai? Sống vào thời nào? Sự nghiệp ra sao? Cố mà lần ra đầu mối...

Hè 1974, chúng tôi lại vào. Lần này, được biết thêm một vấn đề: Là gần hang Trú quân có một hang nhỏ nữa, trên vách đá hay bệ đá có khắc một thanh kiếm, có thuyết nói rằng *chủ tướng* vẫn ngồi đây. Người thông thuộc *hang Thanh kiếm* - tạm gọi như thế - là cụ Phạm Văn Nom. Cụ Nom, quê ở Yên Vĩ, chở đồ cho chúng tôi vào núi. Suối Yến sáng mùa hè cũng đẹp. Những cây *dây* hoa tròn trắng như bông, thơm ngát, những cây *lý leng* lá sắc, hoa có cuống dài xòe từng chùm màu vàng hoa lý.

Chúng tôi lại leo trèo, lại vượt gai nhọn, cỏ sắc, dây leo chằng chịt, đá núi mấp mô. Cụ Nom lần mò mãi không tìm thấy hang Thanh Kiếm mà lại tìm

thấy một cửa hang nhỏ xíu, lách người vào không lọt. Đồng chí Vương (Quản trị) đồng chí Trần Hồng (Ty Văn hóa) – cùng đi trong đoàn – *xung phong* nạy cửa hang. Những tảng đá to, tảng đá nhỏ, cũng do tay người lấp cửa hang này, cứ thế bật dần ra và lăn lông lốc vào một hang to, cạnh đấy, gây thành những tiếng vang từ sâu thẳm vọng lên. Thì ra cái hang to lại chính là hang Trú quân mà lần trước chúng tôi đã thăm, và cái cửa nhỏ có đá lấp này là cửa thông ra ngoài của một ngách hang Trú quân.

Chuyện ông Hai Thái và hang Trú quân, chúng tôi còn đang tìm hiểu và đã được nghe một vài thuyết ít nhiều có lý, sẽ xin cố gắng phân giải ở một đoạn sau.

NÚI TIÊN, CHÙA TIÊN

Núi Tiên ở sát vách Thiên Trù. Đứng giữa sân Thiên Trù vào lúc hoa gạo đã nở, nhìn những dòng người lên dốc núi Tiên thấp thoáng trong những chòm hoa gạo, tôi nghĩ tới một bức tranh sơn mài.

Lên hết dốc, qua cổng tam quan, đứng tựa vào lan can lối vào động Tiên, ngó thấy toàn cảnh Thiên Trù và một vùng khá rộng những núi, những thung xung quanh... Ở đây mát và thoáng hơn Thiên Trù. Động Tiên vốn được mở mang từ lâu, có thể là đồng thời với Thiên Trù và Hương Tích, nhưng do một biến động thiên nhiên, bị vùi lấp đi. Rồi tình cờ người ta lại tìm thấy và lại mở mang. Tài liệu cũ "Lịch sử báu non Tiên" (Tiên Sơn bảo động lịch sử) ghi rằng:

"...Sau một trận mưa to, bão lớn, một người tiểu phu trông thấy từ trên núi trút xuống một tảng đá. Khi lên xem thì thấy chỗ vách núi tách ra một khoảng như người mới đục một cái cửa. Lần

đến cửa, ngó vào xem, thì thấy ở trong vách đá hiện ra những hình như hình người! Tiều phu có ý kinh sợ không dám một mình len lỏi vào hang, liền trở về báo, rồi cùng với bọn thổ hào ở đây quay lại xem thì thấy từ tít trong hang, trên một vách đá phẳng, đã đề một bài thơ Nôm tám câu luật Đường:

*Chợt khỏi Thiên Trù thoát rẽ lên
Che che cửa động một đường len
Chở mây quanh quất lồng hương Phật
Gõ đá vang lừng trỗi nhạc Tiên
Bảo cái đùn đùn trên bảo tọa
Kim quan chăm chăm trước kim liên
Thanh sa dấu cũ còn di để
Quyến được xe loan biết mấy phen.*

...

Về việc tìm thấy động này, lời truyền miệng và văn bia, đại khái cũng nói như trên, chỉ khác một vài chi tiết. Có thể tóm tắt như sau:

Năm Quý Mão (1903), một người làng Yên Vĩ tên là Nguyễn Văn Bách cùng với con đi đào củ mài trên núi Tiên, đánh rơi cái thuổng. Thuổng bị mất hút như bị rơi xuống một hố sâu không biết đâu là đáy. Hai cha con cứ lấy cái chỗ thuổng rơi làm đích mà moi. Moi mãi thấy đất lở dần, ngờ là

có hang. Họ phá gai, chặt cây, mạo hiểm chui vào, thì ra có hang thật! Còn vấn đề "thấy ở trong vách đá hiện ra những hình như hình người" cũng chẳng có gì là lạ.

Hình người đây có thể là những nhũ đá hay những pho tượng Phật đột hiện trong chỗ nửa tối nửa sáng của cái hang mới tìm thấy, trước con mắt bàng hoàng của người *tiều phu*. (Cha con ông Nguyễn Văn Bách cũng có thể gọi là *tiều phu* như tài liệu cũ đã ghi vì họ vào rừng không đào củ mài thì cũng kiếm củi). Nguyễn Văn Bách tìm thấy hang, về làng báo tin cho người hào lý tên là Bùi Văn Tôn. Bùi Văn Tôn đem sự việc trình lên viên quan Tri phủ, viên quan Tri phủ trình lên viên quan Tổng đốc. Họ được phép thành lập một *hội thiên* nhằm mục đích thờ cúng nhưng chủ yếu là nhằm mục đích kinh doanh về... tôn giáo. Việc kinh doanh này đã có lần gây ra kiện tụng lôi thôi.

*

* *

Công trình xây dựng ở chùa Tiên đã bị giặc Pháp tàn phá một phần quan trọng. Chỉ có hang động là chúng không phá nổi. Khách vào động bằng hai cửa hẹp nhưng cao, ở hai bên, đối nhau

như hai vế câu đối. Bài thơ Nôm tám câu luật Đường cheo leo ở phía trên một vách đá, ngay chỗ cửa vào. Thơ của Tỉnh Vương Trịnh Sâm, đề năm Canh Dần (1770). Qua bài thơ, ta thấy khi ông này vào du ngoạn, thì động Tiên đã có chùa chiền quy củ cả rồi.

Che che cửa động một đường len.

Lúc bấy giờ, động mới có một cửa. Về sau, người ta mới mở thêm một cửa nữa. Động Tiên không sâu lắm, không rộng lắm nhưng trông cũng bề thế, cân đối. Nhũ đá có nhiều đường nét uyển chuyển và trau chuốt. Bài thơ họ Trịnh dành nhiều câu để tả nhũ đá. Có nhũ đá giống như những cái tàn cái tán mở rạ, rủ xuống trên chỗ Phật ngồi (Bảo cái đèn đèn...), có nhũ đá giống như những chiếc mũ vàng bày chỉnh tề trước tòa sen (kim quan chăm chăm...). Có nhũ đá, gõ vào, nghe nổi dậy những âm thanh (vang lừng trời nhạc tiên). Họ Trịnh cũng thích cảnh đẹp, thưởng thức cảnh đẹp. Ông ta có lập một cái đàn tế ở một chỗ bằng phẳng trên đỉnh núi Tiên.

Văn bia núi Tiên cho biết:

Năm Giáp Thìn (1904) mở rộng hai cửa động, được ba phiến đá sáng như gương... Năm Đinh Mùi (1907) lấy những phiến đá ấy tạc tượng.

Hiện nay còn năm pho tượng bằng thứ đá trắng nói trong bia. Đá trắng như ngọc thạch. Ánh đèn nền soi qua, tựa như qua một lớp kính mờ. Năm pho tượng là năm người trong gia đình Phật Bà Quan Âm (tục gọi bà *chúa Ba*) trong truyền thuyết. Ở giữa là Phật Bà, phía sau là Diệu Trang Vương và Hoàng hậu tức là ông bố và bà mẹ, phía trước là Diệu Thanh (cuối sư tử xanh) và Diệu Âm (cuối voi trắng), tức là chị Cả và chị Hai. Bà Chúa Ba sau bao nhiêu thử thách gian khổ, đã *thành chính quả* và sum họp với những người thân của mình. Người thợ Kiện Khê (thuộc Hà Nam cũ), tác giả của những pho tượng này, miêu tả những nét bình dị và hồn hậu của dân gian qua hình ảnh của những nhân vật trong Phật thoại. Thợ Kiện Khê ngày trước nổi tiếng về nghề tạc tượng đá.

Từ chùa Tiên sang hang Trú quân cũng gần, đường đi cũng tiện.

AO THIÊN NHIÊN, VÔNG THIÊN NHIÊN

Từ Thiên Trù vào Hương Tích, đi được chừng non nửa đường thì đến chùa Giải Oan. Chùa này ở lưng chừng núi, xây thấp và dài, có ba cửa uốn cong, tường quét vôi trắng, từ xa đã trông thấy tựa tựa như một bức cổng thành. Trên cửa chùa có bốn chữ Nho cỡ lớn: *Giải Oan khê tự* (Chùa suối Giải Oan). Trước cửa chùa, những cây đại già tua tủa tỏa những lộc nhung như thơ Yên Lan đã tả. Về mùa mưa, nước từ trên núi đổ xuống chín con suối ở dưới, từ các hốc đá, suối vọt bay ra... như lời văn xưa đã tả ở câu đối cửa chùa.

Trong chùa, một hòm đá chứa nước mạch rỉ ra, người ta gọi là "Ao trong thiên nhiên" (Thiên nhiên thanh trì). Đời xưa lắm oan trái, những tín đồ nhà Phật vào đây, mỗi người bỏ một vài đồng tiền xuống nước, rồi múc một gáo nước uống để rửa nỗi oan. Xin nói thật rằng: thời ấy, người thầy chùa cứ tối tối vét một mẻ lưới không biết cơ man nào là tiền: tiền trinh, tiền xu, tiền xanh căng. Nước vơi hết thì người ta gánh nước ở nơi khác đổ vào cho đầy để cầu khách!

Chuyện *Giải Oan* là dựa vào mấy câu Phật thoại. Các cụ kể rằng: Phật Tổ Thích Ca, khi tu đã thành đạo, nghĩ gì được nấy. Phật muốn tắm gội nhưng núi khô không có một giọt nước. Phật nghĩ đến cái giếng, bỗng thấy giếng hiện ra. Đó là giếng *Giải Oan* tẩy rửa *bụi trần*. Tắm xong, Phật ngồi nhập định (yên lặng, tĩnh tâm).

Cũng là Phật thoại nhưng Việt hóa, thì các cụ kể: bà Chúa Ba (công chúa thứ ba) con của Diệu Trang Vương, quyết chí tu hành. Vua cha nhiều phen ngăn cản không được, đến một lúc tức giận cùng cực, ông ra lệnh đưa con gái ra pháp trường xử trảm. Chém không được thì xử giáo. Bỗng hùm thiêng đến cứu Chúa Ba:

Quân quân áp đến xông xao

Bỗng đâu mãnh hổ rẽ vào, tha đi

Mãnh hổ công Chúa Ba về núi này. Trên mình hổ bước xuống bà để lại một vết chân. Chỗ vết chân bà, người ta lập cái am Phật Tích. Am Phật Tích còn gọi là động Thanh U. Chỗ bà tắm gội để *rửa oan* thành chùa *Giải Oan*. Gần chùa "*Giải Oan*" còn có động Tuyết Quỳnh (quen gọi Tuyết Kinh).

Kể lại vài câu chuyện như thế cho vui và cũng chỉ là dẫn ra một chút điển tích xung quanh những tên chùa, tên động.

Trong thời thuộc Pháp, khoảng năm 1935, với nỗi đau của mỗi người dân mất nước, một người làm thơ có đề ở chùa Giải Oan bốn câu thơ chữ Nho⁽¹⁾ có ý nghĩa hiện thực đối với thời kỳ ấy. Tạm dịch như sau:

*"Giải Oan", chùa, suối nổi danh
Người đời mê mẩn loanh quanh, nức cười!
Oan mà giải được, ai ơi!
Đêm đêm, cuộc chằng hoài hơi kêu sầu!*

Hai mươi bảy năm sau, tức là năm 1962, một người làm thơ trẻ quê ở miền Nam, vào thăm cảnh, viết như sau:

*... Qua Thiên Trù nổi bước lên
Thăm suối người xưa rửa khổ
Suối Giải Oan còn đó
Nhưng vịnh viễn qua rồi cái thuở oan khiên⁽²⁾*

Từ chùa Giải Oan đi một quãng nữa đến đền Trấn Song. Đền Trấn Song còn có tên Cửa Vong.

⁽¹⁾ Nguyên văn: "Giải Oan" danh tự thị danh khê
Tiểu thâm thời nhân chỉ chấp mê!
Túng sử oan khiên như khả giải
Đỗ quyền dạ dạ bất tu để (Tác giả khuyết danh)

⁽²⁾ Trích "Chùa Hương", bài thơ của Đỗ Hữu Tấn, giải khuyến khích cuộc thi thơ Tạp chí Văn nghệ 1961, in trong tập thơ "Chùa Hương" do Ty Văn hóa Thông tin Hà Tây xuất bản.

Gọi là Trấn Song vì nó đứng trấn ngang ở cửa ngõ vào động, ví như cái gài che chắn để bảo vệ một cửa sổ. Gọi là Cửa Vồng vì ngày trước ở đây có những dây quạch chằng chịt tự đan thành chiếc vồng. *Hương Sơn ca khúc* có tả thoáng một nét:

*Vồng cành cây tự cổ chí kim
Giá mắc ngang ngoài trước cửa đền...*

Đền thờ bà Chúa Thượng Ngàn. Theo tín ngưỡng xưa, bà ấy là bà "Chúa rừng". Pho tượng bà "Chúa rừng" bây giờ vẫn còn ngồi trong đền.

★

* *

Từ Trấn Song trở đi là leo dốc cao, khá cao. Đến đây cây gậy mới thật có ích, nhất là những lúc trời mưa phùn, những bậc đá quanh co trở nên trơn, dễ bị trượt chân. Tuy thế, cũng không phải leo một mạch đâu! Ở chân cái dốc cao nhất, còn một chỗ dừng chân cho khách lên dốc xuống dốc. Ấy là Cật Thung Lim có cái quán sẵn bàn sẵn ghế cho khách lên dốc xuống dốc, nghỉ lấy thêm hơi sức. Tiết tháng ba, ngồi đây nhìn lên cành hoa gạo, thấy đàn sóc đuôi nhau, nhanh thoăn thoắt, không tiếng động, đuôi phơ phất như bông lau. Ở Cật Thung Lim có những góc không bị cây lá che khuất, tầm mắt có thể phóng khá rộng, khá xa.

"ĐẸ NHẤT ĐỘNG"

Cảnh Hương Sơn có sức hút là do cái đẹp phong phú, hài hòa ở toàn cảnh.

Hình khe thế núi gần xa

Đứt thôi lại nổi, thấp đà lại cao

Trong toàn cảnh có nhiều mảng đẹp, nhiều chi tiết đẹp. Không có chi tiết đẹp không thành toàn cảnh đẹp. Chi tiết đẹp mà tách rời toàn cảnh, cũng không thật đẹp. Trong toàn cảnh, nếu chi tiết nào cũng giống chi tiết nào thì cảnh hóa tẻ vì đơn điệu. Hương Sơn có Hương Tích. Hương Tích là "trọng điểm" của cảnh Hương Sơn. Động chùa Hương tiêu biểu cho cả một vùng thắng cảnh. Chả có thế mà *chùa Hương* gần như trở thành đồng nghĩa với toàn bộ cảnh đẹp Hương Sơn. Nói "đi chùa Hương" tức là nói "vào thăm cảnh Hương Sơn nói chung" chứ không riêng gì động Hương Tích. Nhưng ví thử có người nào lần đầu tiên vào thăm cảnh Hương Sơn mà không vào động Hương Tích thì cũng coi

như đi không đến nơi. Chẳng khác gì thưởng thức một bản đàn mà chỉ nghe khúc dạo đàn. Những điểm khác trong thắng cảnh, nếu ít thì giờ, cũng có thể bỏ qua. Nhưng đã vào vùng thắng cảnh, không ai bỏ qua động Hương Tích. Động Hương Tích là cái *trung tâm náo nức* của người tham quan, người hành hương. Điều đó đã trở thành một tâm lý, một tập quán của khách mười phương. Văn chương cũng nói nhiều đến điều đó.

"Hương Sơn hành trình" cũ nói về người khách nghỉ đêm ở Chùa Ngoài:

Mong cho trời sáng mà vào chùa Trong

"Hương Sơn hành trình" mới của nhà thơ Vũ Đình Liên:

Chân dù mỏi, gối dù chôn

Động chưa lên tới, lòng còn khát khao

Từ Thiên Trù đến Hương Tích thực ra cũng không thể nói là xa. Các nhà đo đạc cho biết chỉ có hai nghìn lẻ bốn mươi mét. Thế mà đi cũng thấy xa xa. Ấy là vì đường núi có nhiều chỗ quanh co và lên dốc xuống dốc. Đi vào thì lên dốc nhiều. Đi ra thì xuống dốc nhiều. Đi vào càng gần động thì dốc càng cao. Tưởng như có ông *Thợ Tạo* nào cố tình làm ra thế để thử thách bước chân của người mến

cảnh và cũng để *treo cao giá ngọc* của một cái đẹp kỳ thú, làm phần thưởng cho những người không ngại khó. Tôi đã gặp những lão bà tám, chín mươi tuổi, dễ thường khi ở nhà, lên xuống vài bậc thêm, con cháu cũng phải dắt, thế mà vào đây, chỉ nhờ có một cây gậy lụi là có thể leo những cái dốc cao bằng bao nhiêu lần mái nhà, lại quanh co khúc khuỷu, để vào tới động. Tôi cũng đã gặp những cặp vợ chồng từ bảy mươi tuổi trở lên, dắt nhau du sơn du thủy như thế. Cái sức khỏe của bắp chân đầu gối người già trong trường hợp này cũng giống như trong trường hợp các cụ vượt đường xa đến thăm cháu mình đóng quân ở một nơi nào đó trước khi đi chiến trường xa.

Trên đường vào động (hay từ động đi ra cũng thế), các tín đồ nhà Phật thường niệm “A - Di - Đà - Phật!” hay chào những người mình gặp bằng câu ấy. Các cụ tin rằng niệm Phật như vậy, chào nhau như vậy thì nhờ phép mầu, chân đỡ mỏi, đường đỡ xa. Những người không phải là tín đồ cũng mượn câu ấy để chào nhau cho phù hợp với không khí hội chùa.

Đường vào động tuy gập ghềnh thật, nhưng giả sử có thể đổi cái gập ghềnh ấy thành một con đường bằng dân thẳng vào tới cửa động thì có lẽ cũng ít người thích đổi. Vì cái đẹp của núi và của động cũng một phần ở chính ngay sự *gập ghềnh mấy lối uốn thang mây*. Có qua cái *gập ghềnh mấy*

*lối... ấy thì khi thấy thăm thăm một hang lồng
bóng nguyệt mới thấy thỏa dạ, hả lòng.*

*

* *

Đến nơi rồi! Nhưng trước khi xuống động hãy dừng chân trước cổng chùa mà thở một tí cho khoan khoái đã. Cổng chùa nhìn xuống một cái thung gọi là Thung Châu có một quả núi tròn xinh. Các cụ nói rằng: quả núi này coi như viên châu ngọc trước cửa miệng con rồng động Hương. Vì vậy phải gọi tên thung là Thung Châu mới đúng. Cổng chùa bằng đá làm từ năm Bính Dần (1914) đến năm Đinh Mão (1918), mới xong, do thợ Kiện Khê đẽo tạc. Dân các giáp trong làng phải luân phiên nhau khuân vê; khá vất vả. Qua cổng xuống một cái dốc bằng đá lát thành bậc. Đếm được tất cả 120 bậc. Hai bên lối vào cửa động, cây rừng sum sê.

Ngày hội, từ bậc đá đi xuống đã thấy xanh um cửa động một màn khói hương trong động tỏa ra và rì rào một thứ thanh âm hỗn hợp trầm trầm, kéo dài, cũng trong động tỏa ra. Ở cửa động nhìn vào thì trong khói xanh chỉ thấy đầu người nhấp nhô và những ngọn nến lung linh trăm nghìn đốm sáng như sao đêm hè.

Người ta nói động Hương là cái hàm của một con rồng mà đuôi ở tí Ái Nàng - Hang Nước. Quả

núi có động Hương là núi cao thứ nhì trong toàn hệ Hương Sơn. (Cao thứ nhất là núi Bà Lồ ở phía trước núi chùa Hương. Trên núi Bà Lồ cũng có một ngôi chùa cổ đã đổ nát. Thời trước, người ta lấy gạch *hòm sớ* ở chùa này sang xây bậc chùa Hương).

Tượng tượng động Hương là cái hàm rồng cũng không phải là vô có. Rồng thật, chưa ai trông thấy bao giờ, nhưng cứ dựa vào hình rồng thần thoại mà so sánh thì quả hang này có giống một cái miệng há ra của một con rồng khổng lồ. Rộng thênh thang, sâu hun hút. Bên dưới, bên trên, bên phải, bên trái cân đối. Hòn thạch nhũ, người ta quen gọi là “Đụn gạo” ở khoảng giữa, ngay gần cửa vào, có người ví với lưỡi rồng. Phía sâu vào trong là cổ họng rồng...

Ở cửa động có một cái bia vuông tạc vào cả một tảng đá. Mặt ngoài bia, khắc một bài thơ chữ Nho viết theo lối thảo, trông như *rồng bay phượng múa*. Chữ đã tốt, văn lại khá hay. Tác giả Bùi Di có những cảm nghĩ sâu sắc về núi:

Mưa đầy tạnh ngay đây

Ngày lâu, tháng cũng lâu⁽¹⁾

⁽¹⁾Trích “Vịnh Hương Sơn” của Bùi Di, bản dịch của Đào Văn Bình (in trong tập thơ “Chùa Hương” do Ty Văn hóa Thông tin Hà Tây xuất bản).

Về nhũ đá:

... Dáng phượng ngậm dây ngọc
Hình rồng tắm vũng sâu
Tơ tằm chiều nổi rắng
Hang giáo sớm giỏ châu⁽¹⁾.

Xúc động vô cùng trước cái đẹp của đất nước, người làm thơ:

Chấp tay tạ non nước⁽²⁾

và tin tưởng:

Trời đất hẳn dài lâu⁽³⁾

Còn mấy chữ *Nam thiên đệ nhất động*, vào cửa trông lên phía trên thấy ngay, thì chúng tôi đã xác minh là chữ viết tay của Trịnh Sâm, khắc vào đá tháng ba năm Canh Dần (1770)⁽⁴⁾. Năm Canh Dần này, Sâm đề vịnh ở vùng Hương Sơn khá nhiều.

Ở chỗ cửa động vào một chút, người xưa đặt ra lối lên *Trời* và lối xuống *Âm phủ*. Lối lên *Trời* là một cái sườn đá dốc càng leo càng cao, lối

(1) (2) (3) Trích "Vịnh Hương Sơn" của Bùi Di, bản dịch của Đào Văn Bình (in trong tập thơ "Chùa Hương" do Ty Văn hóa Thông tin Hà Tây xuất bản).

(4) Bên cạnh năm chữ "Nam thiên đệ nhất động" có dòng lạc khoản đề bằng chữ Hán cỡ nhỏ: "Đại nguyên soái tổng quốc chính, sư thượng Tĩnh Vương đặc bút" Tĩnh Vương là Trịnh Sâm.

xuống Âm phủ là một cái khe đưa xuống hang sâu dưới đất. Có thể thôi!

Xưa kia, trước “Đụn gạo”, còn có cầu Bạch thường được nói đến trong thơ cũ chùa Hương:

Xuân xa, cầu Bạch vắng chân giầy⁽¹⁾.

hoặc

Dưới cầu Bạch trong veo đáy nước⁽²⁾.

Vì sao chỗ này lại phải bắc cầu? Và cầu như thế nào? Xin đáp rằng: chỗ này xưa có hõm đá sâu hoắm xuống, quang năm có nước. Người ta bắc hai bên hai cái cầu. Một bài bia viết năm 1872 giới thiệu như sau:

“Người xưa, nhân chỗ trống ở đằng trước động, có bắc hai cái cầu đẹp, trên lợp ngói, dưới liệt ván gỗ, bốn bên làm bao lơn, tên gọi Cầu Sen để tiện cho các nhà sư đến lễ bái vào những ngày rằm, mồng một, và cũng để khách du quan nghỉ ngơi. Lâu năm cầu hỏng. Năm nay (tức là 1872) vị sư Thông Lâm phả khuyến sức người sức của, lấp bớt chỗ trống, sửa lại chỗ hỏng, hai chiếc cầu lại đẹp đề sáng sửa...”.

⁽¹⁾ Thơ Cao Bá Quát (?)

⁽²⁾ Thơ Vũ Phạm Hàm

Cầu Sen cũng có tên là cầu Bạch, hai bên có những gian nhà cho khách trọ. Cách đây khoảng 38, 39 năm, nhà chùa cho người lấp hõm đá và triệt bỏ hẳn cầu, làm thành mặt bằng.

*

* *

Bây giờ, ta đi sâu dần vào trong động và xem các nhũ đá. Đặc biệt nhũ đá ở đây có khối to, có khối nhỏ, có cái đẹp ở toàn khối, có cái đẹp ở dáng dấp tinh vi, có cái rủ từ trên trần xuống, có cái mọc từ dưới đất lên. Tất cả đều tùy theo hình thù mà được đặt những cái tên rất nôm nã, rất *trần thế*. Người ta muốn *cầu được ước thấy* những gì thì đặt cho đá những cái tên ấy. Có thể nói người ta *thổi linh hồn* vào những nhũ đá và con mắt dân gian tưởng tượng nhìn thấy ở đáy cửa quây một thế giới kỳ diệu, hình bóng thiêng liêng của thế giới bên ngoài.

Trước hết là Đụn Gạo đồ sộ, bước vào cửa động đã trông thấy. Gạo là cái quan trọng hàng đầu nên Đụn Gạo trong động nhà Phật cũng ở vào vị trí hàng đầu. Chân Đụn Gạo có một hõm đá nhỏ, xin gọi là Cối giã. Thiên nhiên trang trí cho Đụn Gạo một thứ cây leo mà lá hơi giống tai con voi nên gọi là cây tai voi, mùa hè nở hoa lốm đốm màu phớt

hồng. Cùng một hàng với Đụn Gạo là Núi Cô và Núi Cậu. Núi Cô nhỏ hơn Núi Cậu nhưng giống nhau ở chỗ có những hình đứa bé nằm nghiêng, nằm sấp hoặc đang bò lồm ngồm, đầu nhẵn thín. Người ta gọi chung Núi Cô và Núi Cậu là *Núi tiểu nhi*. Núi Cô ở ngang tầm với *Cửu long tranh châu* (Chín con rồng tranh hòn ngọc) – những nhũ đá ở một góc trần động buông xuống, dáng trông bay múa nên thành tên như thế. Núi Cậu ở ngang tầm với *Sữa Mẹ* quanh năm suốt tháng rỏ xuống không ngừng. Từ dưới đất nhô lên *Vú mẹ* đầy đặn. Bên cạnh *Sữa mẹ* có hình người đàn bà xoa tóc như người mẹ mãi chăm con, không kịp chải chuốt gì.

Cùng một hàng với Cô, Cậu và lui vào phía trong là *Cây Bạc*, *Cây Vàng* ngồn ngộn chất chứa những hình tròn như những đồng tiền vàng bạc lấp lánh. Vào trong góc động gần tận cùng sẽ thấy những *Chuồng Lợn*, *Ao Bèo*, *Nong Tằm*, *Né Kén*. Chuồng Lợn có những con lợn đá béo ục béo ịch. Ao Bèo ở ngay cạnh Chuồng Lợn. Nong Tằm ở ngay cạnh Né Kén. Thế mới khéo!

Trong động, không những *Sữa Mẹ* rỏ xuống mà những nhũ đá khác ở trên trần động thỉnh thoảng cũng tí tách. Bài *Nhật trình* của một nhà thơ tên là Nguyễn Thấu, viết cách đây trên bảy mươi năm, có hai câu tả cảm giác của ông

khi ở ngoài thì thấy trời tạnh, vào trong động thì thấy mưa:

Cửa chùa cách một bước chân

Trong mưa ngoài tạnh như trên nửa trời.

Bên cạnh những công trình điêu khắc thiên nhiên là các kiểu nhũ đá, trong động còn có những công trình điêu khắc nhân tạo. Đáng chú ý là cái bệ thờ bằng đá to, ở bốn góc có chạm hình người cỡi trần đóng khố, giơ tay như đỡ cái bệ lên. Bệ đá của hai người cung tần nhà Trịnh tiến cúng vào chùa. Một người tên là Vương Thị Đãng, một người tên là Trần Thị Khoan. Giá trị nhất về nghệ thuật điêu khắc, không những trong động Hương Tích, mà kể cả trong toàn bộ hệ thống chùa chiền ở Hương Sơn là pho tượng Phật Bà Quan Âm bằng đá xanh tạc vào thời Tây Sơn. Thời Tây Sơn, sức quật cường của dân tộc đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến nghệ thuật, kể cả nghệ thuật ở nơi tôn giáo. Chất hiện thực đậm đà đưa hơi thở con người vào nơi toà sen u tịch. Người tạc tượng không nhắm mắt khuôn theo những ước lệ đã có sẵn về tượng Phật là mặt phải vuông, tai phải to, mà một phần dựa vào câu chuyện Nôm về *Bà Chúa Ba* một phần – phần này là chính – rút những nét đẹp từ những con người có thực để tạc tượng

Phật Bà. Ở đây, kẻ viết xin người đọc cho phép dẫn ra vài cảm nghĩ của mình trước một tác phẩm nghệ thuật:

*... Mắt người chưa thấy dung nhan Phật
Mà tự tay người, Phật hiện ra*

*

*Hồn thợ thấm sâu nhiều vẻ mặt
Mặt bà, mặt mẹ, mặt quê hương
Thần thông bỗng nhập vào dao khắc
Tạc vẻ từ bi đẹp lạ thường!..⁽¹⁾*

Pho tượng có dáng người thon thon, mặt hơi trái xoan, cổ cao ba ngón, đầu đội mũ Tì Lư (tức là mũ của Bồ Tát) nhưng lại có búi tóc và tóc mai; sau lưng cũng có hai món tóc buông xuống. Tà áo mềm mại. Chỗ ngồi giống như một tảng đá sù sì, lại cũng giống như một gốc cổ thụ. Chân trái dể trần, đặt lên một bông sen nở. Chân phải co lên. Hai chân co duỗi thật thoải mái. Tay phải dựa vào chỗ gồ lên của tảng đá, tay trái cầm một viên *minh châu*. Bên cạnh bông hoa sen dưới chân, lá sen tỏa ra mềm mại như có gió lay động.

⁽¹⁾ Trích bài "Đá xanh tượng Phật"

Người thợ tài tình đã hoàn toàn làm chủ được chất liệu đá mà mình sử dụng.

Cũng cần nói chút ít lịch sử xung quanh việc tạc tượng. Cứ theo tấm bia vuông trong động kể lại thì pho tượng này do một viên quan võ tên là Nguyễn Huy Nhật, tước Nhật Quang hầu, và vợ là Nguyễn Thị Huệ mua đá thuê thợ tạc vào năm Quý Sửu (1793), Tây Sơn – Cảnh Thịnh năm thứ hai. Tổ tiên của Nguyễn Huy Nhật trước kia đã đúc một pho tượng đồng to lắm, đặt trong động, nhưng đến năm Bính Ngọ (1786) “gặp cơn binh lửa, đồ đồng trong này mất sạch sành sanh”. Sự việc năm Bính Ngọ, các cụ ở Hương Sơn bây giờ vẫn nhớ và nhắc lại là *Cống Chỉnh phá tượng đồng*. *Cống Chỉnh* tức là Nguyễn Hữu Chỉnh, một nhân vật nổi tiếng quay quắt, sống vào thời Lê - Trịnh - Tây Sơn. Hắn theo Tây Sơn rồi phản bội Tây Sơn, rắp tâm học theo kiểu chúa Trịnh đoạt quyền nhà Lê để không làm *đế* thì cũng làm *vương*. *Hoàng Lê nhất thống chí* cho biết: “lúc ấy tiền tệ khan hiếm, Chỉnh bèn xin với triều đình, ra lệnh thu vét hết tượng đồng, chuông đồng ở các chùa miếu, đem về kinh sư, mở lò đúc tiền. Rồi Chỉnh thả cho thủ hạ đi về khắp nơi, cướp bóc chuông tượng của các thôn ấp... Chỉ riêng có pho tượng thần bằng đồng đen ở quán Trấn Vũ, phía bắc Kinh thành, là chúng không dám lấy mà thôi”.

Theo lời kể của người địa phương thì pho tượng đồng bị Cống Chính phá, to đến mức độ chỉ một chân tượng còn sót lại người ta cũng đã đúc được một bộ ngũ sự (lư, đỉnh, đèn, nến, lọ hoa...) để thờ. Thế là tượng đồng bị phá năm 1782, đến năm 1793 mới có tượng đá thay vào.

*
* *

Lại nói về quan hệ giữa Phật và những nhũ đá *linh thiêng*. Xưa người ta nghĩ rằng nhờ phép Phật, nhũ đá ở đây không phải là vật vô tri vô giác nữa mà đã được trao cho một tính năng đặc biệt, có thể đáp ứng được những lời nguyện cầu về của, về con của những người hành hương. Bọn đồng cốt quàng xiên lợi dựng tâm lý ấy, ra sức hành nghề mê tín để kiếm lời. Ngày xưa, ở chỗ Cối giã, người ta tán bột đá Đụn gạo bán cho khách đem về nhà, cầu lấy có bát ăn bát để; người ta lên *đồng cô*, *đồng cậu* để moi tiền của những người hiếm con, đến xoa đầu *Có đầu Cậu*, để xin *Cô*, xin *Cậu* theo về. Với người nào cầu con, mục đồng hát những câu như:

Cầu cậu trên núi trên non
Ba hồn bảy vía làm con nhà này...

Với người nào cầu xin cho lợn trong chuồng nhà mình mau to, chóng lớn, người ta cạo bột đá

ở lợn nhà Phật, gói thành từng gói bán cho và cũng
tặng cho một bài hát:

Con nay xin Mẹ xin Cha
Con nay xin đức Phật Bà Quan Âm
Để con phát lợn về trần
Lợn tốt lợn to
Lợn bằng bò, lợn bằng trâu
Làm giàu cho chủ
Hay ăn, hay ngủ
Là lợn Phật Bà
Một con thành ba
Ba con thành bốn
Bốn con thành sáu
Nó ra chạt chuồng
Ấy là phép Phật chùa Hương
Nó ra chạt chuồng về chôn tại gia...
Cô cho cám, cô lại cho bèo
Cô gọi bóng ỉ mà theo chủ về
Nào là con nãi con sê
Con nào tốt đẹp chọn về chủ nuôi...
Một năm ba lứa thì giàu
Bán thừa ba vạn, lợn cầu chùa Nhang
Thế gian đồn dậy đồn dàng

*Đồn khắp thiên hạ, đồn sang ngang phà
“Ông” ỉ ới, “ông” về tại gia
“Ông” ăn, “ông” lớn bằng ba con bò
Đêm nằm “ông” ngáy kho kho
Đánh thức nhà chủ, dậy cho cá m bèo⁽¹⁾!*

Ở bài hát này, nếu ta loại trừ cái màu sắc mê tín đi thì cũng còn lại một cái gì có chất ca dao tục ngữ nói lên một phần nào lòng mong muốn của người nông dân trong việc phát triển chăn nuôi. Có điều là nếu cứ trông vào sự cầu đảo hoang đường như vậy thì lợn cũng khó lòng mà mau to chóng lớn được. Nay người nông dân không phải xin bột lợn đá về để lấy may, thế mà lợn ở chuồng trại của Hợp tác xã và lợn trong chuồng của nhà vẫn hay ăn chóng lớn *ba con thành bốn, bốn con thành sáu* và còn nhiều hơn nữa.

⁽¹⁾ Bài này do ông Bùi Văn Mậu ở Yên Vĩ cung cấp

HÌNH BÔNG

Hình Bông là cỏ bông thơm. Tên động vì sao đặt như vậy? Cũng có thể chỉ là một cái tên đặt cho đẹp lời, không có ý nghĩa gì khác. Cũng có thể cái tên ấy có phản ánh một thực tế là quanh động, quanh núi có nhiều cỏ, hoặc bãi cỏ rộng.

Từ Thiên Trù vào Hình Bông, nếu trời tạnh ráo, đi chẳng mấy chốc. Đường đi có quãng đường đất, có quãng đường núi, nhưng tương đối bằng, không phải leo dốc cao. Qua nhiều mảnh đất trồng dâu, ngô, sắn, dong riềng... Trên lối đi vào có núi Lão. Núi Lão có thung Lão, thung dành cho các cụ trồng trọt từ xưa.

Đi hết chặng đường tương đối bằng là sắp đến động, nhưng hãy chuẩn bị tinh thần mà leo dốc, một cái dốc khá cao. Ngày hội, đến gần chân dốc nhìn lên, thấy người ở cửa động chỉ chít như những chùm quả trên một ngọn cây cao tí. Tiếng chuông từ động buông xuống, loang xa khắp thung lũng. Leo dốc cũng không khó vì đã có những bậc đá xếp.

Vả lại dốc cũng không thẳng đứng mà có uốn quanh. Trời mưa thì đá trơn, hơi khó trèo.

Động Hình Bồng đẹp vào loại *trung bình khá*. Cũng nhũ đá, cũng chùa, cũng tượng Phật. Nhưng thật đẹp là cái bao la của thung lũng và đồng ruộng nhìn từ trên xuống.

Động chùa Hình Bồng này mới mở khoảng 44 hoặc 45 năm nay. Làng mở rồi giao cho một người giữ chùa. Đó là một người nửa *xuất gia*, nửa *tại gia*, gọi là *tu bán thế* tức là đi tu nửa đời. Bà ta tên là Hải Khoát, một nhà giàu ở Hải Phòng. Khi mới mở chùa, người ta rước tượng Phật ở nơi khác về. Xung quanh việc này, có xảy ra một chuyện lôi thôi, do bọn trương tuần ở địa phương gây ra. Bọn ấy lấy cớ là các bà vãi rước tượng qua *đất* của chúng mà không xin phép, chúng bèn bắt giữ cả tượng Phật. Chuyện này là đề tài của một bài về⁽¹⁾, mà tác giả là bà cụ Nguyễn Thị Hiến ở Yên Vĩ, năm nay 80 tuổi. Đây là hành động của bọn trương tuần tả trong bài về:

... Mười thằng thủ phạm xông xao

Gậy tày, tay thước vác vào vác ra

Nó đánh cả trẻ lẫn già

Bà Giới không biết sự là làm sao

⁽¹⁾ Do ông Bùi Ngọc Uyển ở Yên Vĩ cung cấp.

*Chạy ra mới bước chân vào
Nó đánh một gậy đâm nhào chạy ra
Bà Khuyết ra thăm mẹ già
Nó đánh hai gậy, xót xa trong lòng
Giở vào, nó đánh lung tung
Phường chèo(?) hàng Thiện⁽¹⁾ chạy vung ra ngoài
Người thời đâm vào vườn khoai
Người đâm vườn chuối, người nhào ruộng dâu...*

Rồi nhờ có người can ngăn, nên cũng xong việc nhưng các bà vãi cũng đã bị trận đòn oan và Phật cũng đã bị bắt giữ gần một ngày:

*Tưởng rằng rước tượng về ngay
Ai ngờ dăng mắc ở đây đến chiều.*

Thế là bà cụ Hiến đã ghi được vào bia miệng một nét của hương thôn xưa với sự nhùng nhể và láo xược của một bọn sai dịch đáng lẽ làm công việc tuần phòng cho yên làng yên xóm thì lại bắt cả Phật, đánh cả bà vãi.

*
* *

Động chùa Hình Bồng này thực ra cũng không

⁽¹⁾ Hàng Thiện: Hội Thiện, một tổ chức thờ cúng ngày xưa.

phải là động chùa Hình Bồng ngày xưa ngày xưa,
mà họ Trịnh đã miêu tả trong thơ:

*Chân núi đường xuyên một nẻo dài
Hóa công mài chuốt đã bao đời
Non xanh, nhường thấy non không đất
Suối biếc, nhìn qua suối gặp trời
Đá nhuộm rắng chiều, nghìn găm điểm
Sóng rung dài nhũ, vạn châu rơi⁽¹⁾.*

...

Hoặc Phan Huy Chú đã miêu tả trong văn (Lịch triều hiến chương loại chí): “Núi Hình Bồng ở ngoài núi Hương Tích, dưới chân núi có sông dài quanh co. Hai bên bờ có những núi đá thẳng như vách đứng từng hàng, có một con đường tắt đi xuyên vào sâu, coi như cửa long môn quý thần tạc ra. Ở vách núi có hàng vạn nhũ đá rủ xuống như hạt châu chiếu xuống dòng nước, cảnh sắc như vẽ”.

Sông dài quanh co nói trong đoạn văn trên tức là suối Yên. Như vậy là động Hình Bồng cũ ở sát ngay suối Yên và có con đường từ chân núi đi xuyên vào, chứ không phải leo dốc. Không biết vì hiện tượng gì mà động ấy bị lấp đi đã lâu năm, không tìm ra tung tích. Người ta đoán phỏng rằng động ấy ở trong núi

⁽¹⁾ Trích “Vịnh núi Hình Bồng”, Quách Vinh dịch từ chữ Hán.

Cổ Bồng. Núi Cổ Bồng ở sau núi Lão. Nhưng cũng chỉ đoán phỏng thế thôi, chưa có chứng cứ gì đích xác và cũng chưa ai lần mò ra.

Về việc đi tìm động Hình Bồng cũ cũng như những động khác đã lâu năm chìm trong bóng tối, người ta thêu dệt nhiều chuyện huyền hoặc, bao quanh những nơi đó một không khí bí ẩn ly kỳ. Chuyện tìm động nào cũng có một mô-típ giống nhau là: *Ngài* hé ra cho thấy rồi *Ngài* lại giấu ngay đi. Chả biết *Ngài* là ai mà lại chơi ú tim một cách lạ lùng như thế?

Chuyện kể rằng: động Hình Bồng cũ, suýt nữa thì tìm thấy! Có một người đi kiếm củi qua đó đánh rơi một cành củi. Tiếc cành củi to rơi xuống khá sâu, người ấy xuống nhặt. Xuống thật sâu, thấy mở ra một cửa hang, nhòm vào thì, ôi trời, có cái gì lù lù như cái chum sành. Sợ quá, vội đánh dấu lối vào chỗ ấy, rồi về nhà gọi nhiều người ra tìm. Dấu thì còn, nhưng cửa hang thì mất.

Chuyện lại còn kể về một nhóm người ngoại kiều *để cửa* trong núi, thỉnh thoảng đem xôi gà vào núi lễ bái một cách bí mật rồi bỏ cả xôi gà đấy mà đi. Nghe lại càng thêm huyền hoặc.

Có thể rồi đây, nhà địa chất hay nhà khảo cổ, qua những đợt khảo sát, sẽ tìm ra Hình Bồng cũ chẳng? Dù sao động Hình Bồng hiện có cũng là một điểm của thắng cảnh, đáng đến chơi thăm.

LONG VÂN

Nhà thơ Yên Đỗ tả cảnh chùa Đọi, trong bài thơ tám câu, có hai câu nghe thấy không khí mông lung:

*Chùa xưa ở lẫn cùng cây đã
Sư cụ nằm chung với khói mây*

Mỗi khi ngồi dò suối Yên, nhìn chùa Long Vân ở lưng núi xa xa, với mái chùa, với ngọn tháp mờ trong sương hay mưa bụi, lại thấy hai câu thơ trên có thể đề chùa Long Vân hay ảnh chùa Long Vân cũng được. Bức ảnh Long Vân, trông như tranh thủy mặc, của nghệ sĩ nhiếp ảnh già họ Võ, có tả được cái không khí mông lung ấy. Vẫn biết sư cụ Long Vân vẫn xuống làng, vẫn sinh hoạt với người làng, có thể còn có sức trồng cây, làm vườn nữa. Nhưng ngôi chùa, nơi sư cụ ở, thì lại mờ mờ mây khói.

Long Vân ở đầu một nhánh của suối Yên. Nhánh này còn gọi là *suối Long Vân*. Câu thơ của họ Cao:

Một khúc đồng bằng suối rẽ đôi

là nói về suối Yên đi từ ngoài vào đến đền Trình

thì rẽ làm đôi: nhánh dài dẫn vào Thiên Trù như ta đã biết còn nhánh ngắn dẫn vào Long Vân.

Một ngày hè, chúng tôi không đi dò mà đi bộ từ Yến Vĩ vào Long Vân. Thuyền thoi của xã viên Đục Khê, xã viên Yến Vĩ tấp nập trên hai nhánh suối. Người đi ruộng, người đi rừng. Chúng tôi đi trên bờ bên trái suối Long Vân mà vào, nhìn xem cảnh núi và suối ở những góc độ khác với lúc ta đi dò suối Yến, cũng có nhiều vẻ đẹp. Bên kia núi Đụn, cánh đồng Đục Khê xanh bát ngát. Núi Đụn gần sát bên người, trông càng đầy dả. Rặng núi Con Rết thấp và dài. Núi nào cũng có những hang nhỏ để người làm đồng, người thợ đá tạm nghỉ trưa. Đường bộ men theo chân núi. Thỉnh thoảng, ở chỗ không vướng núi, có cái máy bơm đưa nước suối vào ruộng. Có lúc xuống thấp qua một cầu tre có tay vịn khum khum. Có lúc lên cao gặp thung, gặp vườn và những ngôi nhà cao ráo, tĩnh mịch như cảnh trung du trưa hè. Hoa tầm xuân đỏ trắng ven đường và chim khướu ríu rần trong rừng. Về phía suối thì núi Quy (núi Ái) trông thật rõ ra con rùa. Đầu nó trông lên đường như sắp bò lên. Chân núi Ngũ Nhạc bên kia, trẻ em vui đùa, khi lẩn vào hang, khi nhảy ùm xuống nước bơi lội.

Chùa Long Vân trông từ xa thì tưởng ở lưng núi, đến gần mới biết là không cao hơn chân núi

bao nhiêu. Chùa mới xây năm 1920, tựa như một cái nhà trên đồi. Cổng chùa ở dưới thấp, gần sát bến đò. Đứng ở hiên chùa nhìn xuống cũng đã đẹp nhưng chưa bằng leo núi lên cao. Đường núi Long Vân cũng khá cao, có những quãng cũng giống đường núi Hương Tích nhưng có những quãng khác hẳn. Đường núi Hương Tích tương đối xa suối và khuất khúc nên khó trông thấy suối. Đường núi Long Vân, càng lên cao càng trông rõ cả suối và đồng ruộng, cả những quả núi to nhỏ, thấp cao. Chỉ lên dốc một quãng là tới một cái động, ngoài cửa có ba chữ *Long Vân động*. Động này thuộc loại nhỏ, trong cũng có chùa, nhưng mấy pho tượng đá, chắc là cũng đưa vào đây khoảng năm 1920, không có gì đặc biệt về nghệ thuật điêu khắc.

TUYẾT SƠN

Suối Tuyết chảy qua thôn Phú Yên nên bến đò ở đây gọi là bến đò Phú Yên. Ngay chỗ bến đò Phú Yên có một ngôi đền nhỏ cũng gọi là đền Trình có nhiều cổ thụ và ở bên ngoài có một hình mãnh hổ chạm vào đá, kiểu phù điêu.

Khúc suối Tuyết dẫn vào Tuyết Sơn chỉ bằng khoảng hai phần ba khúc suối Yến dẫn vào Thiên Trù. Đi đò suối Tuyết cũng thú. Ngày hội, suối Tuyết thường trong hơn suối Yến vì đò đi ít hơn, mái chèo khuấy nước cũng ít hơn. Núi hai bên suối thưa hơn và phần nhiều thấp hơn hai bên suối Yến: Về hình dáng và tên gọi, người ta thường chú ý đến một quả núi trên có hình cái thuyền rồng, gọi là núi Thuyền Rồng và một quả núi khác phẳng phất hình chim phượng hoàng, gọi là núi Con Phượng. Trên một vách đá có khắc bốn chữ *Kỳ sơn tú thủy* (non kỳ nước đẹp).

Ở bến đò lên, đi đường bằng một quãng vào chùa Bảo Đài. Chùa Bảo Đài giống một cái chùa trong làng hơn là một cái chùa trong động núi. Xung quanh cây cối râm mát. Trong chùa có pho tượng Cửu Long bằng đồng có mỹ thuật. Văn tả cảnh chùa có đôi câu đối, nghe cũng khá. Xin lược dịch lấy ý chính:

*Tạo hoá đặt bày, ở đây nhũ đá, thông cao,
thắng cảnh còn truyền trang sử Việt*

*Nhân dân ngưỡng mộ, tiếp đó Hình Bồng,
Hương Tích, kỳ quan từng chép áng thơ xưa.*

*

* *

Từ Bảo Đài vào Tuyết Sơn không có dốc cao, nên đi cũng nhanh. Tuyết Sơn cũng đã nổi tiếng lâu đời về cảnh đẹp. Phan Huy Chú giới thiệu trong *Lịch triều hiến chương*: “Tuyết Sơn ở huyện Hoài An, có nhiều lớp núi cao, trong núi có động rất đẹp. Trong động có nhũ đá rủ xuống, trùng trập hiện ra, coi như vẩy rồng. Trên ngọn núi có tượng Phật bằng đá, lại có những cây thông mọc từng hàng, coi như một dãy tán. Cảnh trí xanh tốt, âm u”.

Nhũ đá vẩy rồng mà Phan Huy Chú tả, có chỗ quán quít như một ổ rồng nên người ta đặt tên động là Ngọc Long (Rồng ngọc). Còn tượng Phật

bằng đá là một mỗm đá trên núi trông xa hơi giống hình một vị Phật hay một vị sư mặc áo cà sa, đứng chấp tay. *Thông mọc từng hàng* thì trong bài thơ chữ Hán và bài thơ chữ Nôm khắc vào tấm bia dựng trước cửa động đều có nói đến. Xin dẫn ra đây mấy câu trong bài chữ Hán:

Sáo reo: gió thổi ngàn thông quện

Song vắng: mây buông bóng nguyệt qua⁽¹⁾

và mấy câu trong bài Nôm:

Éo le thay bấy cảnh thiên thành

Có vẻ tân kỳ, có vẻ thanh

Gió quuyến cầm thông, thông lợp tán

Mây vờn vách đá, đá in tranh.

...

Chùa trong động Tuyết do một bà Quận phu nhân tên là Hoàng Ngọc Hương bỏ tiền ra xây dựng năm Giáp Tuất (1694). Sự việc có ghi vào bia đề niên hiệu Chính Hòa năm thứ 25 (1704). Một bức phù điêu tượng Phật tạc vào vách đá trong động. Hình dáng tượng trông hiền từ chất phác như các bà vãi già ở nông thôn.

⁽¹⁾ Quách Vĩnh dịch

CỜ NGHĨA TUYẾT SƠN

Đất Mỹ Đức nói chung và đất quanh vùng Hương Sơn nói riêng có nhiều di tích của những cuộc kháng chiến của ông cha ta, qua nhiều thời đại. Trong một đoạn trên, chúng tôi đã nói sơ qua vấn đề này. Ở đây, xin nói thêm. Như chúng ta đã biết, từ vùng núi Hương Sơn đi tắt vào Ninh Bình, Thanh Hóa cũng gần. Đinh Tiên Hoàng đã kéo quân từ Hoa Lư ra, qua Đồng Chiêm, Hang Nước (sát Hương Sơn) tiến tới Đỗ Động (huyện Thanh Oai ngày nay) đánh dẹp sứ quân Đỗ Cảnh Thạc – cũng như ông đã đánh dẹp những sứ quân cát cứ khác - để thống nhất đất nước. Nay trên lối ông đi qua, có con đường còn gọi là *đường vua Đinh*. Chiếc trống đồng tìm được ở Thượng Lâm (thuộc Mỹ Đức) năm 1934 có truyền thuyết nói: vốn là của vua Đinh tặng cho dân làng. Từ đời Lý đến Trần, Lê, hình thành dần con đường *Thượng đạo* hay *Lai Kinh* dùng làm đường hành quân từ miền tây Thanh Hóa, Ninh Bình ra đến Kinh đô. Đường

Thượng đạo qua địa phận Mỹ Đức, Chương Mỹ ngày nay. Theo Lê Quý Đôn, đường *Thượng đạo* có quang “rộng chừng hai trượng”. Đại quân của Lê Lợi, đại quân của Nguyễn Huệ đã đi đường *Thượng đạo* ra giải phóng Kinh đô, rất có thể đã tiến qua Hương Sơn, hoặc ít ra cũng qua gần Hương Sơn.

Dựa vào thế núi non trùng điệp nối liền tỉnh này với tỉnh khác, nhà quân sự chẳng những coi Hương Sơn là một chặng đường *Thượng đạo* mà còn có thể dùng Hương Sơn làm một căn cứ địa *tiên có thể đánh, lui có thể giữ*. Phải chăng vì thế mà Hương Sơn đã từng là *chiến khu* của những nhóm nghĩa quân? Không riêng gì người Hương Sơn mà người khắp hai huyện Mỹ Đức và Ứng Hoà, những ai đứng tuổi đều đã nghe nói đến *quân Tuyết Sơn, giặc Tuyết Sơn*. Bọn Pháp đô hộ gọi nghĩa quân của ta là *giặc*, rồi cái danh từ *giặc Tuyết Sơn* cứ thế lan truyền đi, khiến cho, trong một thời gian khá dài, quần chúng - kể cả số đông nông dân ta - quen mồm và không kịp nghĩ kỹ, dùng danh từ ấy. Bây giờ người ta đã quen gọi, *nghĩa quân Tuyết Sơn*.

Nghĩa quân Tuyết Sơn là nhóm nào và hoạt động ra sao? Thâu góp những mảnh chuyện lược được từ cửa miệng nhiều người ở nhiều điểm khác nhau, tôi xin kể lại câu chuyện nghĩa quân Tuyết Sơn - một cách chưa hoàn chỉnh và ở một

vài điểm còn có tính truyền thuyết - gọi là chút ít tư liệu cung cấp cho nhà nghiên cứu sử:

Nghĩa quân Tuyết Sơn là một bộ phận của lực lượng khởi nghĩa Bãi Sậy. Cuộc khởi nghĩa chống Pháp này bùng nổ vào năm 1885 ở Hưng Yên (thuộc Hải Hưng ngày nay). Người lãnh đạo là Đinh Gia Quế. Sau khi Đinh Gia Quế mất, người cầm cờ chủ soái là Nguyễn Thiện Thuật, một văn thân yêu nước. Lúc ấy người càng đông, sức càng mạnh, phong trào càng rộng. Từ một vùng lau sậy bát ngát ở đất Hưng Yên, các toán nghĩa binh Bãi Sậy đánh toả ra các đường giao thông ở nhiều tỉnh đồng bằng xung quanh. Giặc Pháp nhiều phen bị thiệt hại nặng và phải huy động hàng binh đoàn để càn quét. Sau những năm chiến đấu bên bờ, đến năm 1889, lực lượng Bãi Sậy bị tổn thất nhiều trong một cuộc tấn công lớn của địch bằng bộ binh, đại bác và tàu chiến. Trận ấy, căn cứ Bãi Sậy bị phá vỡ, tướng và quân, người thì bị bắt, người thì bị giết, người thì đi ẩn náu. Tuy vậy, ngọn lửa chiến đấu vẫn chưa tắt. Nhiều cánh quân tản đi các nơi, tiếp tục chống giặc. Nghĩa quân Tuyết Sơn là một trong những ngọn lửa cuối cùng của Bãi Sậy.

Chủ tướng Tuyết Sơn tên là Đinh Đình Thuận (có người nói là Nguyễn Đình Thuận) quê ở làng Đồng Lạc, huyện Kim Bảng (thuộc tỉnh Hà Nam

cũ). Ông vốn làm lý trưởng nhưng tính tình hào hiệp lại có chí cứu nước. Một vụ thuế, thu được bao nhiêu tiền bạc, ông đem theo, tìm đến với nghĩa quân Bãi Sậy. Chủ soái Nguyễn Thiện Thuật thu nạp ông và sau đó ít lâu, phong cho ông làm ~~l~~ đề đốc. Ông lại có tên là Yêm, nên gọi là Đề Yêm. Trong nhiều trận đánh, Đề Yêm lập được chiến công. Sau cuộc tổn thất nặng của nghĩa quân Bãi Sậy vào năm 1889, Đề Yêm và tùy tướng Tắc Vi đem binh mã vượt qua sông Hồng, đến Đồng Văn, chợ Đại, đóng một ngày một đêm. Hôm sau đưa quân đến Chợ Dầu (thuộc Kim Bảng). Từ chợ Dầu lại đến đóng ở Bãi May ở làng Tiên Mai (thuộc Hương Sơn). Thấy Bãi May là nơi trống trải, không thể tính kế lâu dài, hai ông kéo quân vào Bảo Đài cố thủ. Ở Bảo Đài, nghĩa quân xây đồn đắp lũy. "Lũy đất trước cửa chùa Bảo Đài cao bằng núi". Nhiều bà cụ ở làng Phú Yên, lúc còn là con gái, vào thung hái chè, đã trông thấy và về sau kể lại cho con cháu nghe như vậy. Bảo Đài trở thành tiền đồn. Chủ lực nghĩa quân vào đóng ở Tuyết Sơn. Chỉ huy sở của Đề Yêm, Tắc Vi cũng ở Tuyết Sơn. Một toán quân đóng ở Cổng Đại, cũng trong khu vực Tuyết Sơn, giáp Đục Khê, một toán nữa đóng ở Vực Dị (giáp làng Ba Sao, huyện Kim Bảng). Cờ nghĩa phấp phới bay trên đỉnh núi Tuyết. Dưới cờ nghĩa Tuyết Sơn, binh lính được tổ chức có cơ ngũ.

Việc chế tạo thêm vũ khí được xúc tiến. (Về việc này, ông Mong ở Yến Vĩ có kể rằng: bố của ông làm nghề lò rèn ở Liên Bật (làng Bật) được nghĩa quân gọi vào rèn gươm giáo, và thường gọi ông cụ là *phó Bật*). Lương thực thì do các làng trong tổng, trong phủ, huyện cung cấp. Lại thường sức giấy cho các nhà giàu, bắt họ phải nộp. (Việc này, một số cụ già ở thôn Trình Tiết, Mỹ Đức có kể lại). Có những lúc cạn lương, quân lính đứng trong bờ lũy, bắc loa gọi ra ngoài hô hào dân giúp lương ăn cho nghĩa quân. Dân sẵn sàng giúp⁽¹⁾. Trong những trận chiến đấu, Tắc Vi bao giờ cũng tỏ ra là một ông tướng võ dũng và gan dạ. Ông có biệt tài về sử dụng cái khiên. Hiện nay, mỗi khi nhắc đến Tắc Vi, dân làng không quên nhắc luôn cả đến cái khiên của ông. Cái khiên giát đồng, khi ông xoay tít để vừa đánh vừa đỡ, trông đỏ chói như cái kén. Khi ra trận, ông hô lên mấy câu vận động bọn *lính tập* trong hàng ngũ địch rồi mới xông vào giết giặc. Ông hô: "- Nam quốc Nam nhân! Bớ các chú lính tập! Đồng tai lên nghe lệnh ta truyền: cúi đầu xuống để ta lấy đầu thằng Tây!".

Có lần, vừa múa khiên vừa vung gươm, ông chém được vài ba chục đầu giặc, tay ông bắt máu

⁽¹⁾ Do ông Bùi Văn Xế ở Yến Vĩ kể lại theo lời cụ Làu, cậu ruột của ông.

giặc, phải rửa nước nóng mới sạch, áo giáp của ông cứng vì máu giặc, cởi ra, *dựng đứng không đổ*⁽¹⁾.

Có trận, nghĩa quân Tuyết Sơn do Tắc Vi chỉ huy, đánh thắng, bắt được một tên giặc Pháp. Tắc Vi nhân đó dùng mưu trá hình, cho quân của ta giả làm quân của Pháp vào lấy đồn Nam Dương một cách dễ dàng. Thắng trận này, nghĩa quân tổ chức ăn mừng, cho người đi chợ Đình (tức Vân Đình) chợ Quế (thuộc Kim Bảng) thu gạo, thịt - bằng hình thức quyên góp - để khao quân. Trong đình lũy, chèo hát mấy ngày liền. Dân làng bây giờ vẫn kể rằng: nghĩa quân rất hay chèo, hát.

Đến đây, xin dẫn một đoạn sách. Trước hết, xin nói về thời điểm của sự việc:

Khi kể lại những hoạt động của nghĩa quân Tuyết Sơn, các cụ thường gắn những hoạt động ấy vào năm Canh Dần (1890). Trận đánh được ghi lại trong sách diễn ra năm 1891. Như vậy thời điểm *truyền khẩu* và thời điểm ghi trong sách không chênh nhau mấy.

Sách⁽²⁾ kể rằng: "...Ngày 14-10-1891, một trận

(1) Do ông Bùi Văn Xế ở Yên Vĩ kể lại theo lời cụ Lầu, cậu ruột của ông.

(2) Trích "Lịch sử cận đại Việt Nam" (tập II) của Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Sự, Đặng Huy Vạn (Tủ sách Trường Đại học Tổng hợp, Nhà xuất bản Giáo dục, 1961)

lớn xảy ra ở Tuyết Sơn, vùng Mỹ Đức. Trận này địch bị thiệt hại khá nặng. Tên thiếu úy Lơ-me-gơ-rơ (Lemaigre) và nhiều lính Tây, nguy bị chết nên phải rút lui. Sau trận đại bại này, chúng điều từ Ninh Bình tới 150 lính, phản công lại nghĩa quân, nhưng vẫn không thắng nổi. Chúng phải xin thêm Hà Nội 100 lính và một đội bộ binh hải quân nữa. Trong khi chờ viện binh tới, chúng tiến hành bao vây và tiến dần từng bước. Nghĩa quân chống cự lại rất anh dũng. Viện binh đã tới, chúng mở một cuộc tấn công lớn ngày 1-11, chiếm được Tuyết Sơn, nhưng đã phải mua với một giá đắt: tên Đại úy Gi-nét-xơ (Gineste) bị thương và nhiều lính bị chết. Nghĩa quân theo đường núi rút lui..." Sách không nói rõ: Nghĩa quân Tuyết Sơn từ đâu đến, do ai chỉ huy và hoạt động mọi mặt ra sao. May ra tư liệu truyền khẩu của những người đã trực tiếp hay gián tiếp có liên quan với sự kiện lịch sử này có thể bổ sung vào được chỗ trống đó chăng?

Chuyện bằng lời còn kể tiếp: "Tắc Vi, lại một lần nữa bắt sống được một tên giặc Pháp. Tên này tìm cách xỏng chạy, ông nhanh như cắt, quật hấn xuống. Hai người vật nhau không phân thắng bại. Một tên Pháp khác thấy thế, chìa súng bắn, thí mạng cả tên đồng bọn của hắn trong khi giết chết một tướng tài của nghĩa quân. Tắc Vi hy sinh và ít lâu sau, chủ tướng Đề Yêm cũng hy sinh". Có

thuyết nói Tắc Vi hy sinh ở Bảo Đài và Đề Yêm hy sinh ở Tuyết Sơn. Sau khi Đề Yêm chết, giặc Pháp chém đầu ông rồi đem bêu ở Đồng Lạc, quê ông. Có người nói: giặc bêu đầu ông ở cả những chợ to ở gần Tuyết Sơn, như chợ Đình, chợ Đại...

Nghĩa quân vừa bị tiêu hao nặng vừa bị mất tướng, phần rút lui về một điểm khác, phần tản đi các ngả.

*

* *

Đại lược câu chuyện là như vậy. Ngoài ra, còn một số chi tiết quan trọng chúng tôi tiếp tục lược được qua những cuộc toạ đàm hay những cuộc gặp gỡ riêng.

Các cụ Nguyễn Văn Tò, Nguyễn Văn Thoa, Nguyễn Văn Toàn, Nguyễn Văn Lược, Nguyễn Văn Chòm ở Yến Vĩ, trong một cuộc họp mặt sôi nổi, đã hồi tưởng, đã bàn bạc, người nọ chỉnh lý và bổ sung những chi tiết do người kia đưa ra và đã nhất trí về những điểm như sau:

Trên đường vào Bảo Đài, Tuyết Sơn để xây dựng căn cứ, nghĩa quân dừng lại ở Yến Vĩ, mổ trâu làm cơm ăn ở đình làng. Có người lấy trộm cái đầu trâu. Người ta còn nhớ tên của kẻ trộm ấy là Hăn.

Đồn lũy Tuyết Sơn kiên cố lại có đầm lầy ngăn cách với bên ngoài. Tây khó qua đầm lầy mà vào tấn công được.

Khi nghĩa quân đóng ở Tuyết Sơn, Tây đặt chức *Bang biện quân vụ* để thêm lực lượng khống chế các làng và đánh phá nghĩa quân. Lúc ấy ở Đục Khê có Bang Quế, ở Bài Lâm có Bang Bài.

Tây Thường đến khủng bố các làng để ngăn cản việc dân làng ủng hộ và đi theo nghĩa quân. Có lần chúng bắt cả tiên, thứ chỉ làng Yến Vĩ đến, hỏi vặn:

- Sao *giặc về*, chúng mày giấu, không báo với các *quan lớn*. Và tra khảo để tìm ra những người ủng hộ hay theo nghĩa quân. Những người này bị gọi là *tòng phỉ* (theo *giặc*) và bị chém đầu.

Tây bắt dân làng và hương lý tập trung vào một nơi và hỏi:

- Giặc có kéo qua làng mày không?

Ai nói là *không* thì bị chém, ai nói là *có* thì được tha. Rất nhiều người, kể cả một số hương lý, kỳ mục, thà chịu chết chém chứ không nỡ tố giác nghĩa quân. Trong số những người chịu chết vì nghĩa, riêng ở Yến Vĩ người ta còn nhớ ông Trịnh Văn Trân, lý trưởng, ông Nguyễn Văn Chuyên,

hương trưởng, ông Nguyễn Văn Khuê, kỳ mục, còn dân làng thì rất nhiều, không nhớ hết tên được. Dao phủ là một tên giặc Pháp, thường gọi là *Tây Lạc-dê* còn gọi là Tây ngô (tức là Tây điên). Hắn sai đóng hai hàng cọc ở gần đình làng Hữu Vĩnh (nay thuộc xã Hồng Quang, Ứng Hoà) - có người nói là ở bãi Đồng Dầm gần đền Đục Khê - trói những người bị tử hình vào đấy, rồi chém từng người. Có người chửi Tây trước khi bị chém, có người bị chém mất đầu, còn hăng máu, nhảy tung cả cọc.

Cờ nghĩa cắm trên núi Tuyết (có người nói: cắm trên núi Bảo Đài). Khi nghĩa quân đã rút hết, cờ vẫn phấp phới ở vị trí cũ, Tây không dám xông lên hạ cờ. Sau' có tên Nguyễn Văn Chuối (tức Nguyễn Văn Thiệu) liều lĩnh xông lên. Hạ được lá cờ của nghĩa quân, tên Chuối được Tây "phong" cho làm "đội" (sergent).

Cụ Bùi Văn Quát (tức Trương Quát) ở Yên Vĩ kể chuyện bố đẻ của cụ là Bùi Văn Độ và bác ruột của cụ là Bùi Văn Đỗ (tức Từ Gan hay Xã Gan) theo nghĩa quân.

Khi nghĩa quân qua các làng, có nhiều thanh niên gia nhập hàng ngũ. Bùi Văn Đỗ là một trong những chàng trai có khí phách ấy. Đỗ theo nghĩa

quân chẳng bao lâu đã được lên một cấp gì khá cao và được đeo gươm. Bùi Văn Độ nhớ anh, tìm vào thám, bị nghĩa quân ngờ là do thám, bắt giam. (Cần nói rõ là nghĩa quân đối xử rất độ lượng với dân lành và rất nghiêm khắc với kẻ xấu. Về độ lượng của nghĩa quân, cụ Nguyễn Văn Chôm cho biết: khi bố của cụ còn bé, có vào Tuyết Sơn xin đi phu cho nghĩa quân. Nghĩa quân thấy bé, không những không bắt làm phu, lại còn cho ba đấu gạo đem về, và biên cho một mảnh giấy, bảo cứ cặp vào ngón tay giờ lên là có thể qua các đồn trại của nghĩa quân, không bị giữ lại).

Bùi Văn Độ bước vào khu vực của nghĩa quân, mắt nhìn quanh nhìn quẩn, bị lính canh bắt trời và giải vào trại giam. Trên đường vào trại giam, Độ qua chặng nào cũng thấy tướng và quân uy nghi tề chỉnh. Quân đóng thành năm dinh *ngũ hổ*. Độ bị giam, cổ gông chân cùm lại chỉ được ăn ít. Đói quá, thấy quân lính làm cơm, rán những con cá rất to, Độ xin ăn. Quân lính cho Độ một khúc cá. Độ kêu oan mãi, các tướng bảo đợi xét. Tình cờ, một hôm Đỗ đi qua chỗ Độ bị giam. Độ gọi Đỗ. Hai anh em gặp nhau, vui mừng khôn xiết. Nhưng các tướng cũng chưa tin hẳn, bắt hai người cắt máu ngón tay để thử xem có phải anh em ruột thịt hay không. Sau khi thử thách, biết đích xác Độ là em

của Đỗ và là người lương thiện, nghĩa quân mới cho Đỗ gia nhập hàng ngũ. Trong một trận đánh, Bùi Văn Đỗ bị giặc Pháp bắn gãy hai đốt ngón tay trái. Chi tiết này, con cháu nhớ rất rõ. Về việc giặc Pháp đánh phá Tuyết Sơn, cụ Trương Quát và nhiều người khác cho biết: chúng dùng tên tay sai là lý trưởng ở Tam Trúc, trước kia có quen biết Đề Yêm, giả cách đem lễ vật vào chào chủ tướng nghĩa quân, nhưng thực sự là để do thám và chỉ điểm. Tên ấy đội một mâm đầy lễ vật, vào quỳ trước Đề Yêm làm ra vẻ cung kính. Hắn đã dòm dò được đường lối và cách bố trí của nghĩa quân. Vào một loáng, hắn đã lùi đầu mất. Và chính hắn dẫn đường cho Tây đánh vào đồn Vực Dị để chọc vào phòng tuyến chính của nghĩa quân. (Về sau người ta tìm được ở Vực Dị rất nhiều xương người). Theo cụ Trương Quát kể thì trong số những người thân cận của Đề Yêm, ngoài Tác Vi còn một tùy tướng nữa cũng rất giỏi. Đó là vợ Đề Yêm. Sau khi đồn trại bị vỡ, chủ tướng Đề Yêm, người chồng anh hùng của bà, bị tử trận, bà dẫn số quân còn lại tìm đường rút lui ra tận Xuân La - Tràng Cò (thuộc huyện Phú Xuyên). Trước khi rút lui, bà cho quân sĩ ăn uống no say. Ra đến Xuân La - Tràng Cò, bà họp ba quân, tuyên bố cho mỗi người được tự chọn một trong hai con đường. Một

là về quê cày cấy làm ăn. Hai là đi tìm nhóm nghĩa quân khác để tiếp tục chiến đấu. Rồi bà từ biệt ba quân, đi đâu mất tích. Có thuyết nói trước khi từ biệt ba quân, bà còn ra lệnh bắt năm tên tổng lý khét tiếng gian ác ở địa phương, chém đầu chúng để trả thù cho chồng.

*
* *

Bà con ở Hương Sơn, khi nói chuyện về nghĩa quân, hay nhắc đến một nhân vật nữa, gọi là Cô Đỏ cũng chống Pháp vào hồi ấy, cô Đỏ đóng trên núi Đụn, coi như một *Viễn vọng tiêu* của nghĩa quân Tuyết Sơn. Cô Đỏ là một nữ tướng mặc yếm đỏ, vì thế thành tên. Cô Đỏ bị giặc Pháp bao vây nhiều ngày quanh núi Đụn lại bị chúng bắc súng lớn ở đền Trình bắn lên không ngớt. Cô Đỏ bị cạn lương, đành phải tuấn tiết. Gần đây, người ta còn tìm thấy nhiều mảnh bát đĩa, chum vại trên đỉnh núi Đụn.

*
* *

Về con đường rút lui của nghĩa quân Tuyết Sơn thì - theo đồng chí Nguyễn Đức Bằng, cán bộ Bảo tồn bảo tàng Hà Tây - nghĩa quân rút qua một

cái quèn gọi là quèn Gánh Gạo để ra đường số 21. (Tên quèn gọi thế vì dân làng vẫn dùng cái quèn này làm đường tiếp tế lương thực cho nghĩa quân).

*

* *

Ở Tuyết Sơn còn có một động - chùa nằm sâu dưới đất gọi là chùa Âm. Các cụ nói: đây là nơi trú ẩn bí mật của nghĩa quân Tuyết Sơn. Chùa Âm đã bị lấp từ lâu. Hiện nay ở bên động Tuyết còn một lối lên dốc để xuống chùa Âm. Chúng tôi đã trèo lên cái dốc ấy để tìm lối xuống. Dốc có chín bậc đá còn rõ vết tay người đi. Lên thì được nhưng xuống thì lối bị tắc nghẽn vì dây dợ gai góc và đất đá cản lại.

*

* *

Còn vấn đề Hai Thái và hang Trú quân trong núi Phụ Mã (Thiên Trù), có hai thuyết khác nhau:

Có thuyết nói rằng: Hai Thái là người cầm đầu một nhóm nghĩa quân hoạt động trước nghĩa quân Tuyết Sơn khá lâu.

Có thuyết - đồng chí Nguyễn Đức Bảng nhất trí với thuyết này - cho rằng: Hai Thái chưa chắc là

một nhân vật có thật. Còn hang Trú quân là nơi tạm trú của một bộ phận nghĩa quân Tuyết Sơn trên các ngả rút quân, bị địch truy lùng. Nghĩa quân rút theo nhiều ngả, qua nhiều thung, nhất là những thung rải rác trên đường sang tỉnh Hoà Bình như Thung Mây, Thung Hột... Người ta nói: trong Thung Mây cũng có một cái hang Trú quân.

*

* *

Ngoài nghĩa quân Tuyết Sơn, đất Hương Sơn còn có một chút liên quan với cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 do Trịnh Văn Đạm (tức Đội Cấn) và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo. Sau khi khởi nghĩa Thái Nguyên bị thất bại, có hai nghĩa quân chạy về Yên Vĩ và bị giặc Pháp bắt. Sáu nghĩa quân khác chạy về Tuyết Sơn, được an toàn⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Theo lời kể của một số bà con ở thôn Phú Yên.

TỪ CAO BÁ QUÁT, CAO BÁ NHẠ ĐẾN NGUYỄN CAO

Trong tập thơ "Chùa Hương" do Ty Văn hoá Thông tin Hà Tây xuất bản, có bài thơ dài *Mười khúc vịnh Hương Sơn* đề tên tác giả Cao Bá Quát. Bài thơ hay. Đọc thơ có thể đoán biết tác giả sống ở Hương Sơn khá lâu, quen thuộc cảnh Hương Sơn đến *chân tơ kẽ tóc*. Nhưng sao giọng thơ nào nuốt đến vậy? Xuân Diệu nhận xét về bài thơ ấy "Tứ thơ hơi chập nhau, một nỗi buồn trong thơ đôi lúc nhói lên rất đau đớn". Đời xưa vui ít buồn nhiều, nên thơ xưa nặng về buồn, nhẹ về vui, chuyện ấy không có gì lạ. Ngay chính Cao Bá Quát cũng có những bài buồn. Nhưng cái buồn của Cao Bá Quát không giống cái buồn trong thơ *Mười khúc*. Thơ ông thường hào sảng. Buổi sớm qua sông Hương ở Huế, nhìn sông Hương, ông thấy:

Sông dài như kiếm dựng trời xanh

ngắm trăng theo sông Trà, ông không quên tự nhắc mình:

*Trượng phu chống kiếm đi thì đi
Lên đường chó ôm sâu nữ nhi!*

Cao Bá Quát có vào Hương Sơn hoặc ở Hương Sơn hay không, chúng ta chưa rõ. Riêng với đất huyện Mỹ Đức, ông có một mối liên quan rất lớn. Đời Tự Đức, huyện này nằm trong địa phận huyện Mỹ Lương, bao gồm Mỹ Đức, Chương Mỹ (thuộc Hà Tây) và Lương Sơn (thuộc Hoà Bình) ngày nay, huyện Mỹ Lương thuộc phủ Quốc Oai. Sử sách thường nói: Cao Bá Quát khởi nghĩa ở Phủ Quốc. Cụ thể hơn, phải nói: ở huyện Mỹ Lương. Đó là vào mùa thu năm 1854. Thanh Oai, Ứng Hoà đều ở trong địa bàn hoạt động của nghĩa quân Cao Bá Quát. Cuộc chiến đấu đang có đà mạnh mẽ thì chẳng may Cao Bá Quát bị tử trận vào tháng chạp năm 1854 (Có thuyết nói: ông bị quân của triều đình Tự Đức bắt được và bị chém đầu). Sau đó nghĩa quân tan rã và gia đình họ Cao bị thảm họa tru di. Một người cháu gọi Cao Bá Quát là chú ruột trốn thoát, và ẩn náu ở vùng Hương Sơn. Đó là Cao Bá Nhạ, con trai của Cao Bá Đạt (Đạt và Quát là hai anh em sinh đôi). Cao Bá Nhạ ở Hương Sơn được tám năm, lấy vợ đẻ con ở đấy, dạy học ở đấy (Có người nói: Nhạ ở Đồng Văn - Ái Nàng, sát với Hương Sơn). Sau, có kẻ tố giác, Nhạ bị bắt, bị đóng cũi giải đi nhiều nơi và bị giam vào nhà ngục ở Hà Nội (lúc ấy Thăng Long đã đổi là Hà Nội). Trong ngục thất, Nhạ viết hai bài bày tỏ nỗi oan, gửi vào

trong triều, xin Tự Đức tha tội. Một bài là *Trần tình văn*, văn xuôi viết bằng chữ Hán, một bài là *Tự tình khúc*, thơ Nôm dài viết theo thể song thất lục bát, nhưng rồi Cao Bá Nhạ vẫn bị vua quan nhà Nguyễn đưa đi giam cầm ở một nhà ngục trên *mạn ngược* (có người nói là Lạng Sơn) rồi chết ở đó.

Tự tình khúc của Cao Bá Nhạ, lời thơ lâm ly, bi thiết. Ngoài cái phần tiêu cực khá nặng và những nhận định sai trái về Cao Bá Quát, chú ruột của chính tác giả, khúc *tự tình* ấy "trong một hạn độ nhất định, ở những khía cạnh nhất định, là bản cáo trạng đã vạch được tội ác của vua quan nhà Nguyễn. Giá trị tư tưởng của *Tự tình khúc* chủ yếu là ở đây"⁽¹⁾. Đây là cái cảnh quan lại, lính tráng đến nhà Cao Bá Nhạ để bắt ông:

... Gà eo óc vừa tan giấc mộng
Nhặng vo ve sức động hồn kinh
Tiểu đồng thôn thức xung quanh
Thê nhi lăn lóc bên mình khóc than
Phút khắc nữa muôn ngàn thê thảm

⁽¹⁾ Trích "Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam" (quyển V) của Văn Tân, Nguyễn Hồng Phong, Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Đồng Chi (Nhà Xuất bản Sử học Hà Nội 1960).

*Trong một mình bảy tám biệt ly
Ngảnh vào ái ngại thê nhi
Ngảnh ra án cũ cầm thi ngại ngần
Lay ngọn cúc, gió dẫn lẫn lóc
Thấm cảnh mai, sương khóc chan hoà.*

Đối với Hương Sơn, nơi đã che chở ông trong tám năm trời, khi sống trong cảnh tù đầy, ông vẫn nhắc nhở:

*Phù vân bay lại cho gần
Gửi về Hương Linh ân cần mấy câu...*

Căn cứ vào chất văn chương và con người của Cao Bá Nhạc, chúng tôi ngờ rằng: *Mười khúc Vịnh Hương Sơn* là của Cao Bá Nhạc chứ không phải của Cao Bá Quát. Xin cứ nêu một nghi vấn như vậy để các bậc cao minh trong giới nghiên cứu văn học xét thêm.

*

* *

Sau Cao Bá Nhạc không lâu, một nhà nho khác cũng có những gần bó với Hương Sơn. Người ấy là Nguyễn Cao. Về chất người mà nói, Nguyễn Cao gần Cao Bá Quát hơn là gần Cao Bá Nhạc. Cùng quê ở tỉnh Bắc Ninh, họ Nguyễn ở làng Cách

Bi, huyện Quế Dương (nay là huyện Quế Võ, Bắc Ninh) họ Cao ở làng Phú Thị, huyện Gia Lâm (thuộc ngoại thành Hà Nội).

Nguyễn Cao đỗ thủ khoa (năm 1867) nên người ta thường gọi ông là *Thủ khoa Cao*. Ông làm đến Tán lý quân vụ (kiêm bố chính Thái Nguyên), nên người ta cũng gọi ông là Tán Cao. Sau khi triều đình Huế đầu hàng giặc Pháp và ký những hàng ước nhục nhã 1883, 1884, Nguyễn Cao tổ chức nghĩa quân chống Pháp ở Thái Nguyên và Bắc Giang, Bắc Ninh. Sau khi thất trận, ông tìm đường xuống huyện Mỹ Đức, lánh mình trong dãy Hương Sơn ít lâu rồi sang dạy học ở làng Kim Giang (huyện Ứng Hoà). Năm 1885, đời vua Hàm Nghi, nghe tin cuộc nổi dậy chống Pháp ở kinh thành Huế thất bại, ông lấy làm đau đớn, bức bối, định chuẩn bị khởi sự chống Pháp một lần nữa. Năm 1887, có kẻ ngấm ngấm tố giác với Pháp. Giặc đem quân đến vây chỗ ông ở tại làng Kim Giang. Lúc ấy, ông đang ở ngoài đồng. Dân làng khuyên ông trốn đi. Ông khẳng khái nói: "Giặc Pháp hung dữ, nếu tôi trốn đi thì cả làng sẽ bị triệt hạ mất!". Nói đoạn, ông ung dung về nhà lấy áo dài mặc, giấu một con dao sắc vào trong túi. Giặc ập vào bắt ông, đưa ông ra Hà Nội. Chúng kể tội ông rằng:

- Anh xấu bụng, dám trái lệnh triều đình và chống cự lại "đại Pháp"!

Ông nổi giận, quát lên rằng:

- Chúng bay bội ước, đem quân vào triệt nước người ta, còn bụng dạ nào xấu hơn thế nữa! Còn ta, những việc ta làm đều quang minh, chính trực, có thể đối mặt với thiên hạ mà không thẹn. Nay đã phải đến đây, ta muốn cho chúng bay nhìn thấy rõ bụng ta! Nói xong, ông rút con dao, tự mổ bụng. Ruột lòi ra lòng thông, ông lại cuốn vào tay mà lòi ra dài đến mấy thước, máu chảy lênh láng. Giặc sợ quá, có đứa phải chạy trốn. Chúng đưa ông vào ngục, buộc thuốc để rồi tiếp tục hành hạ sau. Nhưng ông căm giận cực độ, không chịu thuốc men, ăn uống gì, rồi cắn lưỡi tự tử. Sau khi ông tắt thở, giặc chém đầu ông đem bêu ở ngoại ô Hà Nội. Khi Nguyễn Cao mắc nạn, học trò ông và nhiều người khác ở làng Kim Giang mở một cuộc họp bí mật quyên tiền để định lo cứu ông thoát nạn. Khi ông mất, họ cùng nhau lo liệu mọi việc khâm liệm, chôn cất ông rất chu đáo⁽¹⁾.

Nguyễn Cao có nhiều kỷ niệm với thắng cảnh Hương Sơn. Ông còn để lại khá nhiều thơ về thắng

⁽¹⁾ Theo "Tài liệu tham khảo lịch sử Cách mạng cận đại Việt Nam" (tập I) do Trần Huy Liệu, Văn Tạo, Nguyễn Khắc Đạm biên soạn (Nhà xuất bản Văn sử địa - 1957).

cảnh này. Xin giới thiệu vài bài. Một bài viết về cuộc đi chơi Hương Sơn lần trước, cụ thể là cảnh Hương Tích và lối vào Hương Tích⁽¹⁾:

*Hương Sơn xuân ngấm cỏ xanh rì
Tắt nẻo sườn tây núi Tuyết đi
Gắng bước những quên gân sức yếu
Chợt nhìn đã thấy mắt lòng mê
Cần khôn phun ngậm ùn mây động
Ô thỏ xoay vần sáng bóng khe
"Sơn thủy hữu tình" ngời bốn chữ
Người xưa để lại mấy đề thi*

Một bài viết về cảnh chùa núi Bảo Đài⁽²⁾:

*Năm trước, năm nay lên Bảo Đài
Cảnh chùa vẫn đó cỏ hoa tươi
Động ôm hồ ngọc còn đây chủ
Lối sạch rêu xanh bởi có người
Sớm tối tiêu ca vin cội núi
Véo von chim hót lướt mây trời
Tuổi già ví được nhà đôi mái
Ở mãi làng tiên, chẳng trở lui.*

⁽¹⁾ Bản dịch của Khương Hữu Dụng.

⁽²⁾ Bản dịch của Khương Hữu Dụng.

Với tấm lòng ưu tư vì việc nước, Nguyễn Cao - nhà thơ không tách rời Nguyễn Cao - chiến sĩ, vẫn có những cảm xúc trong sáng, thiết tha trước cảnh đẹp thiên nhiên của đất nước. Tuy hai câu 7 và 8 trong bài thơ thứ hai có thoáng chút ý vị thoái ẩn, nhưng nói chung thơ Hương Sơn của Nguyễn Cao vẫn vang âm một hơi thở mùa xuân.

HỘI XƯA LÀNG CŨ

*... Sấm sanh cơn gió, nước bầu
Chẳng nề quý, tiện, khó, giàu, hiền, ngu
Rời chân vừa khỏi Đê đô
Qua Văn Miếu thấy cửa ô gần kê
Người đi bộ, kẻ đi xe
Trai phô vẻ thắm, gái khoe màu hồng
Người khăn gói, kẻ gánh gồng
Người dắt lão mẫu, kẻ bóng hài nhân...*

Đây là một đoạn *Hành trình* cũ tả thị dân Hà Nội ngày xưa trẩy hội chùa Hương. Hội thì tất nhiên là vui. Chả có thể từ xưa người ta đã nói *vui như hội*. Thật là những dịp tốt để gần xa nô nức rủ nhau đi ngắm cái đẹp, xem cái vui. Và cũng để *trai phô vẻ thắm, gái khoe màu hồng*. Tuy nhiên, ngày xưa, giàu nghèo chênh lệch, cái cảnh *người dắt lão mẫu, kẻ bóng hài nhân* đi bộ những dặm đường xa để đến hội hẳn không giống cái cảnh.

*Thuận dòng ngàn liễu, cung dâu
Một thuyền đàn sách, lưng bầu gió trắng*

của quan nghề - án sát Chu Mạnh Trinh thấy hội chùa. Cũng phải nói: sự tương phản giữa *quý* và *tiện*, *khó* và *giàu* cũng bộc lộ rõ cả trong hội hè, đình đám xưa. Cô gái ngây thơ, rất thơ và rất mộng của Nguyễn Nhược Pháp cũng nhận ra điều đó trong hội chùa Hương. Trong đám hội, không phải *em* chỉ thấy những người như *em*, quần lĩnh, áo the mới, tay cầm nón quai thao và chân đi đôi dép cong, mà còn:

Lên cửa chùa, em thấy

Hơn một trăm ăn mày

Để có vài nét phác hoạ lại cảnh thấy hội của những người thuộc loại trung lưu *có bát ăn bát để* ngày xưa, tôi xin nhường lời cho một nghệ sĩ ngoài bảy mươi tuổi, đầu đã bạc trắng như chòm hoa mơ mãn khai, là bác Võ An Ninh, nhà nhiếp ảnh đã ngót bốn mươi lần mang ống kính vào Hương Sơn, ghi cảnh đẹp dưới nhiều góc độ, nhiều sắc thái. Bác Ninh nói:

"Lên mười tuổi, tôi đã theo ông nội tôi đi chùa Hương. Ông tôi cùng đi với mấy người bạn thân - toàn là các cụ Tú, cụ Cử - ở phố Hàng Gai, cụ nào cũng khăn nhiễu, áo kếp, trông có vẻ *nhô phong* lắm. Theo sau các cụ là một anh *bếp* cũng khăn đóng áo dài, quẩy một đôi quả sơn lồng vào hai

chiếc quang bằng day. Đi xe lửa từ Hà Nội xuống đến Phủ Lý. Nghỉ lại ở nhà trọ Phủ Lý đến chiều tối mới xuống đò. Bến đò Phủ Lý đông lắm. Khách ở Hà Nội xuống, khách ở Nam Định lên đều tập trung ở đấy. Thuyền giương buồm, đi cũng nhanh. Ban đêm trong khoang thuyền, các cụ thơ phú với nhau chán, rồi đánh tổ tôm. Cái thú tiêu khiển bằng bài bạc - cả trên đường vào *đất Phật* - thời ấy là chuyện bình thường. Thuyền cứ róc rách đến khoảng ba giờ sáng thì tới bến Đục. Giờ ấy, khách thập phương đã ồn ào như ong vỡ tổ. Rất nhiều bà nông thôn váy nải, thắt lưng xanh, dép da trâu, nón *quả bưởi*...

Mấy năm sau, tôi lại theo ông tôi đi hội. Chuyến này có cả các cụ bà, và đến Phủ Lý, có cả... cô đầu cùng đi theo. Các bà ở tỉnh thành thì khăn tam giang, áo mớ ba, lại có thêm đôi giấy *băng túp* của hãng Ba Sao (Hàng Buồm). Cô đầu Phủ Lý - cũng như cô đầu phố huyện ngày ấy - không *làm đóm* lắm. Áo the, khăn nhỏ đuôi gà cao. Suốt đêm sinh phách trong thuyền. Nhiều câu tình tứ của *ca nhi* lẫn với tiếng kể hạnh trang nghiêm của các cụ bà.

Hội ấy, tôi đã biết nhận xét, dọc đường từ bến đò vào đến tận chùa Trong, cứ mỗi gốc cây khe núi lại có một đám lên đồng hay cúng cháo. Có đồng bà cốt thì đảo lia đảo lịa, nhảy nhót lung tung. Cái

nong cúng cháo thì la liệt những quả chuối nằm xôi, miếng bánh đa, củ khoai luộc... Cúng chưa xong, người ta đã lao vào vô, để lấy *khước* cũng có, vì đói cũng có. Cháo thì đựng vào những chiếc lá đa cuộn lại. Xưa, nói về các cô *hồn* hay những người nghèo đói, người ta có câu *cướp cháo lá đa*.

Những *thiện nam tín nữ* như các cụ nhà tôi - bác Ninh nói tiếp - thì chuẩn bị chu đáo lắm. Oản nếp, oản bánh, hoa quả để lễ Phật, rượu thịt để cúng thần... Những lá sớ viết sẵn ở nhà. Có nhiều đoàn hành hương ở thành phố, nhất là ở nông thôn, có một vị sư hay một *thầy tư* dẫn đầu.

Khi xấp xỉ tuổi hai mươi, tôi cùng các bạn học trường Bưởi đi hội, thì đã bắt đầu thiên về cái vui của nam thanh' nữ tú. Thời kỳ ấy sắp xuất hiện cô *Tố Tâm* trẻ trung mà đã sười mướt. Về cách ăn mặc thì con trai có áo xa-tanh, có quần ống sớ. Trong cổ áo xa-tanh lại dựng đứng một chiếc cổ cồn. Có anh đội khăn, có anh đội mũ *cát xe đông* (bốn mùa) bằng dạ. Con gái mặc áo mùa ở trong, áo the ở ngoài, tóc rẽ giữa, chít khăn nhung, lại phủ cái khăn *xan* đen dài lê thê. Quần lĩnh Bưởi, cứ mỗi bước đi lại kêu loạt soạt. Tây cầm chiếc ô *đầm cụt cán*. Thế là *mốt* lắm.

Ngoài ba mươi tuổi, tôi đi hội thì *mốt* lại thay đổi. Trai diện Âu phục, gái diện tân thời: quần

trắng, áo *Lơ muya*, trên đường phố đi giày cao gót, leo núi, đi giày *ba-ta*. Các *chàng* và *nàng* vào chùa xì xụp lễ bái cầu *duyên may phận đẹp* với tâm hồn lãng mạn kiểu tiểu thuyết *Hồn bướm mơ tiên*". Như để kết thúc câu chuyện, người nghệ sĩ già nói: "Kể từ năm 1927, năm tôi chụp bức ảnh đầu tiên về cảnh Hương Sơn, (đó là ảnh Cầu Hội) cho đến nay, tôi đã có một tập *an bom* Hương Sơn khá dày, gồm những ảnh do mình chụp. Tôi nhận thấy cũng trên nền núi ấy, suối ấy, con người bây giờ khoẻ khoắn hơn, tươi sáng hơn".

*

* *

Đã từ lâu, danh lam thắng cảnh Hương Sơn, mỗi kỳ hội xuân, thu hút rất đông khách thập phương. Thiên phả Thiên Trù còn ghi:

Cảnh Thiên Trù là nơi khách trú

Thường có khi, không chỗ chen chân.

Thấy vậy, nhà chùa thời trước tính đến việc kinh doanh. Trước Cách mạng Tháng Tám, trong thời Pháp thuộc rồi Nhật thuộc, sư cụ trụ trì ở đây 50 năm, ngoài việc kinh kệ, còn rất thạo việc kinh doanh. Sư cụ đó nay đã tịch, song những hoạt động làm giàu riêng của sư cụ (khác với tông chỉ vị tha

của Phật) thì người ta còn nói nhiều. Sư cụ thiết lập một hệ thống tổ chức - một bộ máy nhà chùa khá chặt chẽ. Đứng đầu tổ chức ấy là sư cụ, có quyền hạn cao nhất ở *nội Hương Tích, ngoại Thiên Trù* và giữ kết tiền tổng thu nhập. Dưới quyền sư cụ có sư đang gia tay hòm chìa khoá về thóc gạo và thực phẩm, xuất nhập miếng sống miếng chín, quản lý các đồ dùng trong chùa, chịu trách nhiệm về ngày giỗ ngày tết của nhà chùa. Sư đang gia tuy làm việc ở đây, nhưng cũng có một chùa riêng ở nơi khác trong huyện. Ngoài sư *đang gia*, còn có "trưởng tự" và "giám tự", cũng đều là sư cả. "Trưởng tự" là đàn anh của các sư, nhưng cũng chỉ về mặt danh nghĩa thôi, trong thực tế không có quyền hạn gì cụ thể. "Trưởng tự" cũng có chùa riêng ở trong huyện. Dưới "trưởng tự" là "giám tự", đàn anh loại nhì của các sư. Cũng dưới quyền của sư cụ, còn có một nhân vật không phải là sư nhưng giữ một nhiệm vụ khá quan trọng. Đó là "đốc công". "Đốc công" làm công việc mua bán vật tư xây dựng nhà chùa và đi thuê thợ. "Đốc công" là chân béo bở nên phải được quan duyệt y mới được làm. Trước chỉ có một "đốc công", sau quan đặt ra "chánh đốc công" và "phó đốc công" để quan ăn tiền của cả hai. "Đốc công" có nhiều cách thu lợi. Ngoài việc ăn bớt ăn xén vào tiền nhân công xây dựng, đốc công còn ăn tiền, ăn lễ của những người sái

tráng. Sái tráng là những tráng đinh trong làng được cử vào chùa trong kỳ hội để quét tước, phục dịch. Đốc công ăn tiền, ăn lễ của những người có vai vế trong làng vào xin thầu các sở (tức là các chỗ có khách đến lễ bái) để kiếm ăn trong kỳ hội. Đốc công lại chia tiền với bọn cung văn chuyên giấy sớ, chia tiền với nhà dấu (người thầu việc đóng dấu son hình tròn, hình vuông của chùa vào áo trẻ con hay vào bùa trấn trạch, bùa đeo cổ yếm). Đốc công chỉ không có quyền đối với các hàng cơm nhà trọ vì các hàng quán này do sư cụ trực tiếp nắm. Mỗi kỳ hội, xoàng ra, đốc công cũng bỏ túi được vài ba nghìn bạc. Làm được đốc công phải là tay sừng sỏ. Hấn đi đến đâu, tay cầm cái ba-toong to tướng, sau chân là mấy sái tráng theo hầu, thì dân làng phải nể sợ. Người ta thường nói đến tên cụ thể của những đốc công kế tiếp nhau như Tuần Kiều, Bát Tí, Đốc Nam. Tuần Kiều bị giết năm 1923 vì việc tranh chấp nhau quyền lợi.

Lại nói về sư cụ. Trong nhà hai tầng ở Thiên Trù cũ, sư cụ bố trí một chỗ ngồi đặc biệt, gọi là nơi bạch lễ, tức là nơi sư cụ tiếp riêng những người đem tặng vật đến để xin lễ bái. Gian phòng riêng này, ngoài buồng mạnh nửa, ngoài mạnh nửa lại có màn vải đỏ, ngồi đấy, sư cụ có thể kiểm soát người ở ngoài vì cổng hai bên đầu vít chặt, chỉ có

thể đi được qua sân vào một lối mà sư cụ có thể trông rõ môn một.

Sư cụ thu nhập khá cao. Cụ giáo Nguyễn Bá Phượng ở Yên Vĩ kể chuyện: Có lần viên Giám đốc Học chính Đông - Dương là La-phe-răng-đơ-ri (Lafferranderri) đi với vợ vào xem hội chùa, xin vào chơi với sư cụ. Ông Phượng được cất cử đi theo làm thông ngôn. Cùng lúc ấy có một nhà buôn ngoại kiều đem đến hai cái quả sơn: một quả đựng đồ lễ, một quả đựng đầy những cuộn giấy bạc. Một lát sau đó, lại có những người khác đem tiền đến. Viên Giám đốc Học chính nhẩm đếm trong nửa tiếng đồng hồ sư cụ thu được 8.000 đồng. Viên ấy tỏ ý kinh ngạc nói với ông giáo:

- Tôi cũng muốn đi tu. Ông sư này thu tiền hơn cả mọi quan chức ở Đông Dương.

Rất có thể La-phe-răng-đơ-ri đã khuyếch đại. Dù sao, cũng chứng tỏ sư cụ *phát tài* lắm!

Tiền sư cụ cũng có nhiều, ruộng sư cụ cũng có lắm. Tiếng rằng ruộng chùa nhưng cũng là ruộng của sư cụ. Tất cả ngót 200 mẫu, nằm ở bốn nơi trong huyện Mỹ Đức: Phú Yên 70 mẫu, Bạch Tuyết 24 mẫu. Đồng Văn và Đức Dương 100 mẫu. Ruộng chùa giao cho một người chịu trách nhiệm cai quản. Người này là Nguyễn Văn Giới

(tức Hương Phòng) giàu có, nhiều nhà nhất làng. Khi Tây đến càn quét, Hương Phòng phát điên vì tiếc của.

*

* *

Suốt trong ba tháng xuân xưa, hầu hết đàn anh, đàn em các làng trong Hương Sơn đều bận bịu vì hội hè. Trai Yển Vĩ cứ mười tám tuổi trở lên phải sung vào việc chèo ðò hay sái trắng.

Toàn dân đình chia làm bốn phiên trong kỳ hội. Hai phiên chèo ðò, hai phiên sái trắng. Ai đến tuổi phải có cơi trầu nói với *đàn anh* trong làng để được cắt việc. Làm sái trắng kiếm ăn khá hơn đi chèo ðò. Muốn làm sái trắng, người ta phải cậy thầy cậy thợ nói với nhà chùa. Có người 50 tuổi - hết tuổi sái trắng - hạ xuống 47 để được tiếp tục làm. Có người khai tăng tuổi cho con để con được nhận làm. Xét ra cũng chỉ vì thời ấy, người dân khó kiếm sống bằng công việc ruộng, rừng nên đành kiếm sống bằng hội hè. Sái trắng cũng chia làm hai loại: một loại ở chùa Ngoài (Thiên Trù) một loại ở chùa Trong (Hương Tích). Ở chùa Trong kiếm tiền dễ hơn ở chùa Ngoài, nên phải có *thần thế hơn*. Sái trắng chùa Ngoài được hưởng tiền in dấu. Anh ta mặc quần áo xuyềnh xoàng thế nào

cũng được vì không phải *tiến lễ* (bung lễ vật của khách đặt lên bàn thờ). Sái tráng chùa Trong vừa thổi cơm hầu hạ các sư, vừa làm công việc tiến lễ. Khi tiến lễ phải áo the, khăn xếp, thắt lưng chỉnh tề. Anh ta được chia một nửa số tiền *xóc thẻ* (còn một nửa, nhà chùa thụ). Thực ra, phần tiền nói trên, anh ta cũng không được hưởng cả mà còn phải chia với đốc công. Nếu nhanh tay, nhanh mắt, anh ta có thể nhón lấy một ít tiền trên mỗi mâm lễ vật (lễ vật thường kèm với tiền). Ở chùa Ngoài lại có loại sái tráng phục dịch trong *nhà chè*, nơi tiếp đón các khách đặc biệt giàu sang. Sái tráng nhà chè phải là người đẹp trai, mặc quần áo đẹp.

Sái tráng chùa Trong, xong hội là xong việc. Sái tráng chùa Ngoài phải làm việc nhà chùa quanh năm, thay phiên nhau mà gác chùa, dọn dẹp, khuôn vác...

Dù sao dân sái tráng cũng được ưu đãi hơn dân chèo đò. Dân chèo đò mỗi người phải nộp quỹ xã 50 đồng một bến. Người nào chèo từ bến nào cũng chỉ được chèo từ bến ấy. Kiếm được nhiều hay ít là tùy quyền người thủ đò. Trước kỳ hội, thủ đò lập danh sách ghi tên những lái đò trong phiên, đưa lên chánh tổng duyệt, rồi đưa lên quan huyện duyệt. Thủ đò cầm sổ sách trong tay, ghi số khách để chi tiền cho lái đò. Chi nhiều chi ít, tùy thủ đò.

Lái dò bị thủ dò ăn chặn tiền, chỉ trông vào những đồng tiền mà khách cầu tự bỏ dưới sạp dò, gọi là *tiền lật sạp*.

Hương lý trong làng không phải làm sái trắng và chèo dò. Họ được nhận thâu các sổ, sổ nào cũng thu được nhiều tiền. Thầu bể nước Giải Oan, am Phật Tích..., thầu núi Cô, núi Cậu, Vú sữa, thầu *Đức thánh tăng*, *Đức chúa ông* và *Chuồng lợn*... Thiên Trù thì không ai được thầu, phải dành cho sư cụ. Tiên Sơn, Hình Bồng thì do các *Hội thiện* thầu. Các chùa khác có chủ thầu riêng.

Những người xin thầu cứ tháng mười âm lịch năm trước mang một số tiền, ít ra là chục bạc, và trâu cau vào xin sư cụ. Rằm tháng giêng, sắp hội, sư cụ phân phối cho các sổ, xấu hay tốt, *tùy lòng* sư cụ. Những người muốn mở hàng cơm và hàng quà cũng phải xin xỏ với sư cụ như thế. Không phải nộp *lễ* cho sư cụ, có lẽ chỉ có bọn thầy cúng, thầy xem tướng, đoán thẻ, thầy bói, hát xẩm ngồi nhan nhản ở tam quan dưới.

Nhìn lướt qua cách tổ chức của nhà chùa cũ như thế đủ biết ngày xưa khách đi lễ chùa Hương tốn kém như thế nào. Những người hiếm con, đi *cầu tự* lại tốn kém nữa. Ở núi Cậu có một bà đồng hoạt động thường xuyên. Bà ta, khăn áo xanh đỏ, sườn đeo cái túi thêu dựng đồ chơi trẻ con, tay đeo

vòng, cổ đeo vòng và khánh bạc như trẻ con, nhảy múa như trẻ con. Ai nói đùa thì khóc, nếu dỗ thì nín. Khách cầu tự đến xoa đầu cậu rồi đặt một xâu bảy đồng tiền *vía* treo vào đầu cậu. Lại phải lễ xin, bà đồng khấn và hát rồi thu tiền lễ mới trao trả tiền *vía* và bán cho một thứ đồ chơi... tượng trưng. Cầu Cậu xong lại phải xuống núi Cô lấy *hình Cậu*. Hình Cậu là một cái bùa bằng giấy bện hình người. Sau đó lại phải *xin Sữa mẹ* để *nuôi Cậu*. Lấy *hình Cậu* và *xin Sữa* đều phải đặt tiền lễ cả. Người cầu tự, trên đường vào, đường ra, ăn cơm ở quán trọ và đi dò Suối đều trả tăng thêm một suất: một cho mình, một cho đứa con tưởng tượng theo mình để *đầu thai* làm người. Thời phong kiến, người ta quý con trai hơn con gái, nên cầu Cậu nhiều hơn cầu Cô. Đứa con *cầu tự ở chùa Hương* rất được nuông chiều, không bao giờ bị mắng mỏ.

*

* *

Thời ấy, bọn quan Tây và quan lại *bản xứ* cũng đi hội chùa Hương. Mỗi khi *quan vào chùa* thì cả nhà chùa cả dân đều phải phục dịch vất vả. Nếu là công sứ hay tổng đốc thì việc đón rước, phải chuẩn bị trước hàng tuần. Các làng thuộc các hạt Mỹ Đức, Ứng Hoà đều phải cấm cờ dọc đường. Thường

là cờ *ngũ hành* vẫn dùng để rước thần. Lại phải bày hương án như để tế. Ở bến Đục, bến Yên, bến Trờ đều phải dựng cổng chào kết hoa lá và cắm cờ *tam tài* của Pháp. Đờ Suối chở quan phải trần thiết một cách đặc biệt: mui căng vải điều có bốn cột đỡ, cột mui cũng quán hoa lá, trên mui lại cũng cắm cờ *tam tài*. Ván dò rải chiếu hoa cạp điều. Quan vào bến Đục đã có *đăng sơn* đón sẵn. *Đăng sơn* là một thứ kiệu bằng ghế bành hay ghế gỗ to có đòn khiêng luôn ở dưới, bốn người khiêng, hai người đỡ. Thế là sáu người khiêng một *đăng sơn*, một người đi trước cầm cái trống khải, đánh tong tong. Ông Tây, bà Đằm, cụ lớn, bà lớn... mỗi tên *ngự* trên một *đăng sơn*, nghêu ngهن như thế tiến vào chùa. Đến bến Trờ, chiếc hoa rải hai hàng vào đến tận nhà khách. Một tràng pháo dài 4 hay 5 mét nổ lạch tách, dùng ở cổng Thiên Trờ. Sư cụ mặc áo cà sa vóc, quần vóc ra vái chào. Rồi bày tiệc tùng, chè rượu theo lối *cơm tây*, từ thịt cá cho đến cùi dĩa, phóng-xét đều của sư cụ cả. Bồi bếp của công sứ, tổng đốc thì về từ trước. Xong việc, sư cụ bày cuộc *chạy đàn* cho các quan xem. Đây là một *vũ khúc nhà chùa* của các vị sư và chú tiểu, tất cả độ mười lăm người. Các vị sư mặc áo cà sa đội mũ *thất Phật*, tay cầm xích trượng, các chú tiểu cũng mặc áo màu, quán khăn màu thất mui. Sư và tiểu cầm cây nển hoặc cành hoa. Theo sau lại có các bà

vãi, mỗi người cầm một lá phướn. Đoàn người ấy vừa múa vừa uốn lượn, thay đổi đội hình luôn luôn. Tiếng tít cánh, chũm chọe do sư và tiểu cầm xen kẽ, vang lên, nhịp cho điệu múa chạy đàn. Tổng đốc và sư cụ ngồi cạnh *quan Tây*. Thỉnh thoảng *quan Tây* gật gù buông ra vài tiếng *bồong bồong*, (tốt, tốt) thì sư cụ và Tổng đốc lấy làm hỉ hả lắm. Từ Thiên Trù vào Hương Tích, đường núi nhỏ hẹp, mấp mô, lên dốc xuống dốc mà các sái tráng vẫn phải khiêng vào, khiêng ra cả một đoàn những *ông Tây, bà Đầm, quan lớn, bà lớn* trong cái đám rước có trống khau *tong tong* đi trước.

Rã hội, sư cụ cho người đem lễ rất hậu lên tạ ơn Tổng đốc. Ngoài những thứ sơn hào, lại có nhiều bao chè bằng thiếc, trong không đựng chè mà đựng toàn những... cuộn giấy bạc lèn chặt. Tổng đốc Hà Đông trong một thời gian dài là Hoàng Trọng Phu. Hắn đã tạo điều kiện tốt cho việc *làm ăn* của sư cụ.

Ồi! Sư cụ trên đây đã đi chệch đạo lý và khó lòng mà xứng đáng với danh hiệu *nhà sư chân chính*. Hiện nay, trong cảnh Hương Sơn, có một vị sư già không hổ thẹn với danh hiệu ấy. Đó là Hoà thượng Thanh Chân, một nhà tu hành có tấm lòng trong sạch và có tinh thần yêu nước. Chúng tôi sẽ giới thiệu thêm về cụ ở một đoạn sau.

*
* *

Hội xưa, chùa xưa, bên cạnh cái vui có những cái không vui như vậy. Làng cũ cũng thế thôi. Ngày xưa, thường thường trong kỳ hội hay sau kỳ hội trong làng hay xảy ra những cuộc ẩu đả hay đốt nhà nhau vì tranh giành lợi lộc trước cửa từ bi. Các làng trong Hương Sơn đã có lúc ăn cùng mâm, ngồi cùng chiếu, thờ tự cùng một đình, miếu hoặc coi đình miếu làng bạn cũng như đình miếu làng mình. Về sau, cũng vì mâu thuẫn nói trên giữa những người kỳ mục mà "khi đi tế cũng giấu dùi trong tay áo thụng để đâm nhau" và nhiều vụ kiện tụng cứ kéo dài liên miên, đi đến kiện *biệt từ*, tức là riêng rẽ trong việc thờ tự cũng như phân chia ranh giới và đất đai rừng ruộng. Vì việc kiện tụng, có lần đã phải bán cả... chùa Hương. Xin giới thiệu tóm tắt một cái văn khế bán chùa về cuối đời Lê⁽¹⁾:

"Chức sắc kỳ mục thôn Thượng, xã Yên Vĩ, huyện Hoài An, phủ Ứng Thiên là Nguyễn Đăng Nghi, Nguyễn Đức Tuấn, Trần Tiến Tài, Trần Tiến

⁽¹⁾ Văn khế viết bằng chữ Hán, đề là "Văn khế của dân xã bán Hương Tích và Thiên Trù" tài liệu của gia đình cụ Phạm Văn Thạch (tức Từ Thạch) ở chùa Tào Khê (thôn Yên Vĩ).

Tước, xã trưởng là Nguyễn Đức Thụ, thôn trưởng là Nguyễn Đình Viên và các hương lão... nhân vì thôn chúng tôi có việc kiện, thiếu tiền chi dùng vào việc ấy, nguyên có địa phận từ trong động núi Hương Tích đến ngoài Thiên Trù và thanh bông hoa quả, nay đem bán cho người ở xã Thượng Đồng, huyện Vọng Doanh, phủ Nghĩa Hưng là nhà sư Phạm Đức Thắng, tên chữ là Hải Dao, theo thời giá tiền đồng cũ là tám mươi quan...".

Cảnh Hưng năm thứ 37 (1776)

Một khu danh lam thắng cảnh *đệ nhất* mà bán lấy tám mươi quan tiền? Hay là bản sao văn tự ghi lầm con số? Dù sao việc bán chùa để theo kiện cũng là một việc đáng ngạc nhiên nhưng đã có thật. Việc kiện tụng của các *chức sắc kỳ mục* cũng đã ảnh hưởng không tốt đến công ăn việc làm của người dân và tình đoàn kết giữa làng nọ và làng kia.

Tuy tục ngữ nói *tiền Yên Vĩ* nhưng đó là tiền kiếm xối của một số người trong dịp hội hè. Còn nghề ruộng nghề rừng của dân Yên Vĩ cũng như dân các làng khác ở Hương Sơn ngày xưa rất chật vật. Về ruộng thì Yên Vĩ chỉ có cánh đồng Án Sen 300 mẫu là "thượng đẳng điền" đã bị nhà giàu chiếm hết, còn lại hai bên suối những mảnh ruộng gọi là *ảnh sơn thâm tuần* (ruộng sâu, bóng núi) thì

nông dân nghèo cày cấy. Cày lúa đang tốt, đã ra đòng đòng, tháng tư nước núi đổ xuống, đòng đòng bị ngập không chắc hạt được. Về rừng thì diện tích khá rộng. Theo *địa bạ Gia Long*, địa giới Yên Vĩ: thượng chí Voi Đái(Ái Nàng - Hang Nước), hạ chí Chối Đèn (tiếp giáp Hoa Phong - Tam Trúc thuộc Hà Nam cũ) phần nhiều là rừng núi. Dân các làng xưa không bám được vào ruộng thì phải bám vào rừng. Theo lệ làng, hàng năm cứ mồng sáu tháng giêng làm lễ *khai sơn*, dân các làng phải nộp lệ (tiền và trâu cau), cho Yên Vĩ, mới được vào làm trong rừng: hoặc làm sơn tràng (chặt cây, dẫn gỗ) hoặc đốt than, hoặc kiếm lâm sản.

Các cụ bà bây giờ còn kể: Khi còn trẻ tuổi vào thung hái mấy gánh dâu, trời vẫn chưa sáng. Có con thơ phải để con ở nhà từ lúc còn đêm đến tối mịt. Mẹ thì tức sữa, con thì đói sữa. Vào rừng lúc chưa sáng, chẳng những sợ hùm beo, trăn rắn, còn sợ đười ươi và yêu tinh như người ta thường đặt ra để dọa nhau. Nào là đười ươi hay nắm lấy hai cánh tay người mà kéo đi, cho nên khi vào rừng phải đút hai cánh tay mình vào ống nứa để lừa nó, nó nắm được ống nứa, ngửa mặt lên trời, cười, để mình đi thoát. Nào là yêu tinh tóm được người, đòi người phải bắt rận cho nó(!)... Xưa làm sơn tràng cực đến nỗi người ta phải kêu:

Thứ nhất là chết mất cha
Thứ nhì ở vườn, thứ ba sơn tràng!

Đốt than thì đêm ở một mình ở trong rừng, rải gianh nằm, lấy cành cây lá cây làm lều che mưa. Giá được nằm trong hang còn sướng hơn. Ở địa phương, đi làm rừng, phải ngủ đêm trong rừng, người ta nói là *nằm râu*. Không hiểu nguồn gốc của từ này ra sao?

Người nông dân Hương Sơn ngày xưa làm ăn cực nhọc nhưng vẫn ước mơ và hy vọng. Niềm ước mơ lúa tốt được thể hiện rõ trong *hú lúa*⁽¹⁾ người ta thường hú khi cấy xong, rửa chân tay sạch sẽ, lên đứng trên bờ ruộng:

Hú ông lúa bà lúa
Cỏ lên cỏ úa
Lúa lên lúa xanh
Tốt hơn xung quanh
Tốt hơn láng giềng
Cao lên bằng cổ
Trỗ lên bằng đầu
Bông như đuôi trâu

⁽¹⁾ Do ông Bùi Văn Mậu ở Yến Vĩ đọc.

Bông như đuôi nghé
Bông nào be bé
Thì bằng đuôi voi
Bông nào loi thoi
Cũng bằng đuôi ngựa
Hột nào rụng rữa
Cũng bằng bình vôi
Ba con gà lôi
Không nổi một hột thóc

Bài *Hú lúa* của Hương Sơn nghe rất giống
bài *Hú lúa* của đồng bào Mường ở Hoà Bình,
Thanh Hoá...

NGỌN CỜ CỨU NƯỚC TRÊN NÚI CHÙA HƯƠNG

Với truyền thống yêu nước của Nguyễn Cao và nghĩa quân Tuyết Sơn, người dân trong vùng *đất Phật* vẫn nuôi chí cứu nước. Vì đây là con đường *cứu khổ* đưa tới *chính quả* tốt đẹp và cụ thể nhất.

Năm 1936, ở Hương Sơn, đã nhóm lên phong trào Cách mạng Vô sản mà khí thế đang bùng bùng trong cả nước. Người làm công tác tuyên truyền Cách mạng ở vùng ấy lúc bấy giờ là Nguyễn Phúc Hồ (tức Song Hồ) quê ở Đốc Tín, bên bờ sông Đáy, cũng trong huyện Mỹ Đức. Nguyễn Phúc Hồ cùng với Lê Hồ (quê ở Cao Mật) là hai cán bộ tiên khởi nghĩa hoạt động ở mấy huyện: Kim Bảng (Hà Nam cũ), Mỹ Đức, Ứng Hoà (Hà Đông cũ). Ngày mồng Bốn Tết năm 1936, Nguyễn Phúc Hồ gặp Nguyễn Bá Phượng, một nhà giáo tiến bộ ở địa phương, bàn bạc về việc viết một bản dân nguyện để đưa tới Giuýt-xtanh Gô-đa (Justin Godard),

người cầm đầu một phái đoàn điều tra do Mặt trận Bình dân Pháp cử sang Đông Dương. Giáo Phụng lên chùa Tiên, ngồi viết dân nguyện bằng tiếng Việt rồi tự dịch ra tiếng Pháp, nội dung tố cáo thực dân Pháp mở ở Mỹ Đức bao nhiêu ty rượu Phong-ten, bao nhiêu cửa hàng bán thuốc phiện; bắt nông dân đóng thuế cả ruộng hoang; để cho bọn quan lại thả sức hà hiếp dân; để cho việc hương chính nát bét...

Giáo Phụng chỉ là Hiệu trưởng Trường Sơ đẳng tổng Phù Lưu Thượng lại chỉ là rể làng Yên Vĩ nhưng rất có uy tín trong làng. Ông tổ chức các nhóm đọc báo, những tờ báo tiến bộ như Lao động (Le Travail), Bạn Dân... Anh em trong các nhóm đóng tiền mua báo rất đều. Trưởng nhóm ở Yên Vĩ là Chương bạ Nguyễn Văn Lược. Trưởng nhóm ở Đục Khê là Chương bạ Đồng Văn Khiết. Giáo Phụng làm nhiệm vụ hướng dẫn viên. Ngoài việc đọc báo, giáo Phụng còn tập dượt cho dân đấu tranh chống bọn nha lại, cường hào. Trong các kỳ hội, lính huyện hay về làng bắt nạt các chị em lái đò. Có lần - do sự bố trí của giáo Phụng - chị em lái đò dám vác bơi chèo đánh đuổi lính huyện. Lại có lần Chánh tổng Phù Lưu Thượng lôi thôi về việc tiền nong với nhà đò, giáo Phụng và Chương bạ Lược phát đơn kiện Chánh tổng lên tận toà án thượng thẩm. Anh chị em lái đò lúc ấy đã có thiện

cảm đối với những người hoạt động cách mạng, sẵn sàng dành những chuyến đi riêng để các đồng chí ấy đi về hoạt động.

Chưởng bạ Lược là một nhà nho giao du rộng, hiểu biết nhiều. Nhà ông là nơi lui tới của những người trong *nhóm đọc báo* và bạn bè của họ. Ông đã nhiều lần cùng giáo Phụng, Chánh hội Thoa... đấu tranh với nhà sư khét tiếng là câu kết chặt chẽ với quan Tây và Tổng đốc. Lúc ấy Lê Hồ mở hiệu thuốc bắc ở chợ Dầu để làm kinh tế cho đoàn thể và cũng để làm nơi liên lạc. Song Hồ thường ra đây, bí mật báo cáo tình hình với Lê Hồ. Chưởng bạ Lược cũng là bạn thân của hiệu thuốc Nguyên Lai (tên của hiệu ấy). Ông có bài thơ tặng hiệu thuốc như sau:

*Cũng muốn khai trương một cửa hàng
Đua tài, đấu trí cuộc doanh thương
Thuốc thang cứu giúp đời kinh tế
Bổ dưỡng thêm cho giống tự cường
Bệnh ấy không cần tay cụ Biển⁽¹⁾
Tật này xin nhận chức thầy lang
Anh em ai hỏi người Nam Việt
Phải biết tìm phương, chớ chạy quàng!*

⁽¹⁾ Biển: Biển Thước, một thầy thuốc nổi tiếng của Trung Quốc thời xưa.

Song Hồ và giáo Phượng cũng hay làm thơ. Hai người bạn tâm đắc này cũng thường làm những bài thơ có ý nghĩa tiến bộ như thế, đọc cho nhau nghe ở nhà Chương bạ Lược hay ở hiệu thuốc Nguyên Lai.

Trước kỳ hội chùa Hương năm 1938, Song Hồ bàn với giáo Phượng viết một quyển sách "hướng dẫn du lịch" lấy tên là *Chỉ lối Đào Nguyên*. Song Hồ chấp bút viết, giáo Phượng sửa. Sách viết bằng văn xuôi có điểm thơ. Nội dung cũng có giới thiệu đường đi lối lại, có tả cảnh, nhưng chủ yếu là vạch rõ dã tâm của Tổng đốc Hoàng Trọng Phu và những kẻ khác buôn thần, bán phật, khuyến khích mê tín, dị đoan để kiếm lợi. Có đoạn tả cảnh sáu người dân khiêng tây, đấm bằng đàng sơn leo núi vào chùa. Bìa sách đề tên tác giả Song Hồ. Sách dày 20 trang, khổ 13x19, in 2.000 bản, giá một hào, bán vào đúng kỳ hội. Chương bạ Lược làm công việc phát hành. Dân Hương Sơn và khách thập phương đọc thích lắm. Chính Song Hồ cũng đưa dăm chục cuốn vào tận chùa Trò bán cho khách và cả sư cụ.

Chỉ lối Đào nguyên ra vừa được vài hôm thì cai lệ và lính lệ phủ Mỹ Đức (lúc ấy Mỹ Đức còn là phủ) đến vây phá nhà giáo Phượng. Tri phủ Vũ Cầu đích thân vào khám nhà và mặc dầu chẳng

tìm thấy chứng cứ gì cụ thể, chúng cũng cứ bắt và giải ông lên toà sứ rồi toà án tỉnh lỵ Hà Đông, lấy cung vớ vẩn rồi tống giam. Song Hồ ở Đốc Tín cũng bị lục sự đến khám nhà, trong khi chủ nhà đi vắng. Ít lâu sau, Song Hồ lên thẳng toà án đấu tranh cho giáo Phượng và cho mình. Gia đình giáo Phượng cũng đấu tranh. Chúng không xử mà tuyên án: Song Hồ sáu tháng tù, giáo Phượng ba tháng tù...

Khi Cách mạng Tháng Tám thành công, ông Phượng làm Phó Chủ tịch lâm thời xã Yên Vĩ. Ông Thoa, ông Lược cũng đều tham gia công tác ở xã.

*

* *

Với tinh thần ấy, người làng Yên Vĩ, người khắp vùng Hương Sơn đã tạo điều kiện cho nơi thắng cảnh quê mình trở thành một nơi sẵn sàng chào đón ngọn cờ cứu nước vào một thời điểm khá sớm. Sách *Sơ thảo lịch sử Cách mạng Tháng Tám ở Hà Đông - Sơn Tây* có ghi:

"Nhân dịp kỷ niệm thành lập Đảng, đầu năm 1942, theo chủ trương chung, Đảng bộ đã vận động đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tiếp tục gây ảnh hưởng Mặt trận Việt Minh rộng rãi trong quần chúng. Các cơ sở cách mạng trong tỉnh đã hưởng ứng sôi nổi mạnh mẽ. Cờ đỏ sao vàng, áp phích

truyền đơn, khẩu hiệu *Ủng hộ Việt Minh, Đánh Pháp, đuổi Nhật!*... xuất hiện ở nhiều nơi... Lại nhân những ngày hội hè, đình đám, treo cờ diễn thuyết trước đông đảo quần chúng như ngày hội đền Lộ (Thanh Trì), hội chùa Giây (Hoài Đức), hội chùa Hương (Mỹ Đức)...

Như vậy là trong kỳ hội Xuân 1942, cờ đỏ sao vàng đã xuất hiện lần đầu tiên trong thắng cảnh Hương Sơn. Đến mùa Xuân 1943, khách thập phương được dự một ngày hội lịch sử, chưa từng thấy trong thắng cảnh này.

Tài liệu nói trên ghi tiếp:

"Đề động viên mạnh mẽ phong trào cách mạng, trung tuần tháng 3 - 1943, xứ ủy Bắc Kỳ đã tổ chức một cuộc mít-tinh lớn tại chùa Hương Tích gồm quần chúng bốn tỉnh: Hà Đông, Hà Nam, Hưng Yên, Sơn Tây tham gia nhân dịp hội chùa. Đảng bộ Hà Đông đã vận động quần chúng đi dự rất đông, nhiều làng có tới hàng trăm người. Một cán bộ treo cờ bị bắt, địch lòng phá dữ dội. Nhưng Ban lãnh đạo đã kịp thời chủ trương phân tán quần chúng thành nhiều nhóm trên các ngã đường để tuyên truyền, diễn thuyết và vẫn gây được tiếng vang rộng lớn, động viên được tinh thần phấn khởi, củng cố được lòng tin của quần chúng...".

Chị Trần Thị Minh Châu, một trong ba người phụ trách cuộc mít tinh, kể chuyện lại:

"Hồi ấy, A.T.K (an toàn khu) của Xứ ủy ở vùng Tảo Khê, Trầm Lộng (thuộc Ứng Hoà). Xứ ủy phân công cho Ban cán sự liên tỉnh Sơn Tây, Hà Đông, Hà Nam tổ chức cuộc mít tinh ở chùa Hương. Ba người được giao nhiệm vụ trực tiếp là anh Nguyễn Văn Lộc, anh Thỉnh (Bình Phương) và tôi. Tên tôi hồi ấy là Mai. Chúng tôi huy động được rất đông quần chúng có cảm tình với Cách mạng tập trung ở chùa từ tối hôm trước để sáng hôm sau làm mít-tinh. Tôi mặc áo vải Đồng Lâm thắt vạt, thắt lưng xanh. Các anh đều áo the, khăn xếp. Bà con được huy động đến cũng đều ăn mặc như mọi người đi hội. Chỉ khác là người nào cũng có một cây mía, vừa làm gậy chống, vừa làm vũ khí, vừa làm mặt hiệu và cuối cùng để ăn, giải khát. Chúng tôi đã cất đặt, bố trí đầu vào đó. Chẳng ngờ, một chuyện bất trắc xảy ra. Anh T. là người được phân công treo cờ, chỉ vì sơ ý, bị lộ ngay từ khi chưa treo. Nửa đêm, anh ấy giở cờ ra xem ở khe núi, khi chuẩn bị làm nhiệm vụ. Bọn tuần đình bắt gặp, liền giữ lại và giải anh đi. Mặc dầu thế, chúng tôi có sức mạnh của đông đảo quần chúng, vả lại kẻ địch cũng chưa kịp trở tay, chúng tôi quyết định cứ hành động, nhưng dưới một hình thức khác. Chúng tôi phân

công nhau đi diễn thuyết ở nhiều điểm trong phạm vi Hương Sơn. Những tiếng hô "đánh Pháp, đuổi Nhật và Việt Nam độc lập...." vang lên. Quần chúng vòng trong vòng ngoài bảo vệ cán bộ. Những người đi lễ, đi chơi cũng đứng lại nghe, hết sức ngạc nhiên và khâm phục. Dù anh T. bị lộ, cờ Cách mạng vẫn xuất hiện ngay trên đường núi từ cửa động ra. Truyền đơn bay như bướm. Chỉ một loáng, chúng tôi đã đi xa".

Hoà thượng Thanh Chân nhớ rõ: Đêm 25 tháng hai âm lịch năm Quý Mùi (tức là tháng ba dương lịch năm 1943) ở chùa Thiên Trù bỗng tắt đèn một lúc rồi thì đèn sáng lên, người ta thấy ở tường chỗ Tam bảo hiện lên một tờ giấy dài dán phía trên tường, với dòng chữ *Đả đảo Pháp, Nhật!* Cùng lúc ấy, cờ cách mạng cũng tung bay trên cành cây đại trên lối vào chùa. Về sau, hoà thượng được biết trong việc này có một sư ông của nhà chùa tham gia.

DU KÍCH HƯƠNG SƠN

*Ta nhớ chùa Hương mây trắng xa
Dây nói tham mưu đặng mọi nhà
Tư lệnh cùng dân ăn cỗ giỗ
Đi rồi, còn nhắc mãi quân ta...⁽¹⁾*

Đó là tình quân dân thắm thiết ở vùng non nước Hương Sơn từ những năm kháng chiến chống Pháp. Đã có lúc Bộ Tư lệnh Liên khu III đóng rải rác trong các làng Bài Lâm, Đốc Tín, Đục Khê trên đôi bờ sông Đáy. Bộ đội Vệ quốc của thiếu tướng Hoàng Sâm đều rắn rỏi, tươi trẻ, có chất lãng mạn yêu đời, được các bà mẹ coi như con đẻ, được dân quân du kích coi như anh em ruột, và đã in sâu bóng dáng vào những cặp mắt xanh của những cô hàng xén thấp thoáng qua *rặng vài ven sông Đáy - um tùm bóng cuối xuân*⁽²⁾, thấp thoáng trong những phiên chợ Dầu, chợ Đại, chợ Sêu, chợ

(1), (2) Thơ Quang Dũng

Đặng... Những chàng Vệ quốc đóng ở Hương Sơn ngày ấy, nhiều người khi tóc đã điểm bạc vẫn đứng trong hàng ngũ trực tiếp đánh giặc Mỹ. Có người đã ngã xuống và nằm nghỉ vĩnh viễn ở đất Hương Sơn bên cạnh những liệt sĩ du kích.

*

* *

Xã Hương Sơn là một vị trí quân sự ở vào nơi giáp ranh giữa ba tỉnh Hà Đông cũ, Hà Nam và Hoà Bình. Từ Hà Nam lên có lối Ba Sao (nghĩa quân Tuyết Sơn đã đóng án ngữ ở đây để chặn giặc Pháp). Từ Hoà Bình sang có thể đi lối Nhượng Lão qua quèn Côm ra chùa Long Vân hoặc qua Chợ Đồi, Chợ Bến, Bến Sồi rồi leo quèn Thung Hột rẽ vào đến Trán Song. Đây là đường quân ta xuất kích mở Khu Cháy vào năm 1952.

Những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, căn cứ địa Hương Sơn của ta có xưởng bào chế, xưởng cơ khí, xưởng công binh... Và du kích Hương Sơn đã có từ những ngày ấy.

Bác Bùi Văn Xế ở Yến Vĩ, nguyên xã đội phó, tham gia du kích nhiều năm, nay ngót 50 tuổi, kể rằng:

"Từ trước đến năm 1947, thôn nào xã ấy. Khoảng 1948 - 1949, hợp thành hai xã Hương Sơn

và Tiên Sơn. Hương Sơn gồm: Bạch Tuyết, Hội Xá, Yên Vĩ. Tiên Sơn gồm Phú Yên, Tiên Mai, Đục Khê. Giữa năm 1949, hai xã hợp nhất thành Hương Sơn. Năm 1959, Bạch Tuyết sáp nhập vào xã Hùng Tiến, không thuộc Hương Sơn nữa.

Lúc đầu du kích chưa có vũ khí. Năm 1948 đã có súng và lựu đạn *Phan Đình Phùng*. Riêng Yên Vĩ, lực lượng có hai trung đội, một nam, một nữ. Anh Dền, anh Hòa là cán bộ trung đội nam, chị Viên là cán bộ trung đội nữ. Tôi (Xế) là tiểu đội trưởng.

Tháng 2 năm 1947, sau Tết Nguyên Đán, giặc Pháp từ dốc Thanh Bồ tràn vào Đục Khê, Yên Vĩ, đốt phá một số nhà cửa. Trận này, chúng bắt nhiều đồng bào tản cư đưa về Hà Nội. Chúng đóng quân ở đây độ một tuần. Hôm trước chúng đến, hôm sau đưa một lực lượng khá đông vào chùa Hương. Bọn trước đi vòng quanh Long Vân, Thanh Sơn, lội vào chùa Trò. Bọn sau dùng xuồng vào cướp thuyền của dân chở súng đạn vào. Chúng đốt đền Trình - Ngũ Nhạc và đốt chùa Trò. Chúng lấy dầu xăng phụ vào tượng Phật, vào các bộ phận bằng gỗ rồi đứng từ xa, bắn lửa vào. Chúng kéo lên chùa Tiên, đốt nhà tiền đường, kéo vào đến động Hương Tích, đập phá.

Tháng 10 năm 1948, giặc Pháp lại tràn về chiếm đóng Bạch Tuyết 35 ngày. Trận này, chúng

có nhiều tàu bay *Bà già* dẫn đường và *Hen - cát* yểm trợ. Quân số của chúng có chừng một trung đoàn với một trăm con lừa vận tải. Từ Bạch Tuyết chúng đi đường núi đến cầu Hội rồi lội vào chùa Trò lấy gỗ bắc cầu từ núi Chéo Cờ đến cửa quán bên Trò. Chúng bắt dân phu đi trước và xen kẽ với chúng. Du kích ta phải nhằm thật tinh để bắn trúng giặc mà không chạm vào dân phu. Một tổ du kích ba người phục kích ở quền Ngõng hạ được bốn tên giặc (về sau dân phu cho biết con số cụ thể như vậy). Ngay đêm hôm ấy, tôi (Xê) và Thủ lên huyện lấy thêm vũ khí, được ba chục lựu đạn, hai súng trường. Những tổ ba người lại tiếp tục chiến đấu. Bốn ngày sau, giặc rút hết về Bạch Tuyết. Trận này chúng phá hết những chỗ còn lại ở chùa Trò.

Đầu năm 1949, có một cuộc họp của cấp chỉ huy bộ đội chủ lực ta ở thung Luồn trong núi Long Vân. Giặc rình mò, đưa máy bay đến ném bom hú họa vào bên Trò, vụng Cháy (chỗ đầu núi Con Voi) mười người đang làm đồng bị hy sinh.

Tháng 11 năm 1950, sau khi đã đóng chốt ở Thanh Bô, Chùa Ông, Quán Xá, Đồi Hà, giặc bắt đầu mở một đợt khiêu khích mới đối với Hương Sơn. Trong nửa tháng, chúng liên tục bắn đại bác từ dọc sông bên kia sang dọc sông bên này, cho quân sang cướp lợn gà của những nhà ở bên Đục.

Sau đó kéo quân ồ ạt bằng thuyền phao sang tấn công. Trước hết chúng chiếm bến Đục, làng Đục Khê và một tháng sau, phá tan Yên Vĩ, làm *vành đai trắng*. Ở bến Đục, chúng xây bốt *bảo hoàng* bằng gạch đá, để gác bên đò. Ở Yên Vĩ, chúng xây sáu cái lô cốt *boong ke* toàn bê tông cốt sắt, tường rất dày. Chúng huênh hoang: *boong ke* này kiên cố vào loại *thứ nhì Đông Dương*. Lúc ấy dân làng đi hết. Một tháng sau, dân quay về gặt lúa. Giặc không cho gặt. Dân gặt được ít nào cứ gặt rồi chạy vào núi. Có những gia đình di tản cư, gần thì Đầm Đa, xa thì Thanh Hoá. Những gia đình vào núi thì phát nương trồng khoai sắn mà sống. Thiên Trù mở chợ vui như một thị trấn. Dân tránh giặc, ở thành từng khu vực trong những nơi an toàn của Hương Sơn. Yên Vĩ thì từ vùng Cháy trở vào. Phú Yên thì từ Bảo Đài trở vào. Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã, xã đội và lực lượng du kích gặp nhiều khó khăn và có bị tổn thất trong lúc giặc tấn công hung dữ, nhưng chỉ một thời gian sau lại ổn định và được củng cố dần. Hồi 1950 - 1951, du kích Yên Vĩ dẫn đầu du kích toàn xã. Đồng chí Ích làm Xã đội trưởng. Tôi (Xế) làm Xã đội phó, được phân công về trực tiếp chỉ huy du kích Yên Vĩ. Yên Vĩ đã có tới ba trung đội: một nam, một nữ, một bạch đầu quân. Mười lăm du kích nam sống tập trung ở bến Trờ. Võ khí của du kích được tiếp tế thêm qua

đường dây Khu Cháy. Có kho chứa ở Rừng Vài. Võ khí đủ và tốt. Lực lượng mạnh lên. Chúng tôi canh gác ở đền Trình - Ngũ Nhạc, bảo vệ dân. Dân cấy lúa và gặt lúa ban đêm. Giặc không dám vào quá đền Trình. Có lần tôi vừa chăn trâu vừa canh gác. Giặc tràn vào núi Soi, núi Ái. Tôi bắn nhau với chúng. Dân bắt đầu gieo cấy ban ngày từ núi Soi, núi Ái trở vào. Du kích xã bắt đầu đi phá tề. Có lần địch tràn vào núi Ngũ Nhạc, định bắt du kích. Du kích đánh địch ở núi Giát Bạc. Địch chết ba, bị thương hai (toàn Tây trắng). Có lần chủ lực huyện bắt sống được Tây đen, giao cho du kích giải đi.

Tháng 4 năm 1953, bộ đội chủ lực bắt đầu đánh tập đoàn đồn bốt Đục Khê - Yên Vĩ. Trước đó, tôi được cử đi cùng với đồng chí trong Ban tham mưu sư đoàn vào tận Yên Vĩ vẽ sơ đồ đồn bốt của địch. Chủ lực ta qua quèn Côm và quèn Thung Tiêu đến Phú Yên đóng ở thung Bảo Đài. Du kích và dân công cũng tập trung ở đây. Tỉnh đội Hà Đông cũng phối hợp với chủ lực. Quân ta có đại bác cỡ nhỏ, móc-chi-ê cỡ lớn và đại, trung liên đầy đủ. Ta nổ súng đánh bốt Đục Khê vào hai, ba giờ sáng. Đêm đầu đánh bốt, hai đêm sau diệt viện (lính com-măng-đô). Khi diệt viện, tôi được phân công phụ trách dò chuyển thương binh. Địch co lại ở Yên Vĩ. Nửa tháng sau, ta đánh cụm boong-ke Yên Vĩ.

Đêm thứ nhất, ta hạ bốn boong-ke. Tên chỉ huy Pháp bị chết vì bộc phá trong lô-cốt cái. Đêm thứ hai ta rút. Ngày thứ ba ta diệt viện ở Bài Lâm, 48 xe của địch bị diệt gọn. Hai ngày sau, địch lại tiếp viện cho bọn còn lại một tiểu đoàn, lại bị ta tiêu diệt và bắt sống rất nhiều. Bọn còn lại rút toàn bộ sau khi đã dùng mìn, tự tay chúng phá hết đồn bót của chúng. Thế là Hương Sơn được hoàn toàn giải phóng. *Vành đai trắng* cỏ cao đến ngực, được dọn sạch. Dân làng lại trở về xây dựng lại.

*

* *

Vũ Đình Liên, một nhà thơ ngoài sáu chục tuổi, là người cỡ *duyên* với Hương Sơn. Khi còn thanh niên, đi dò Suối, anh mơ mộng:

*Vào Yến Vĩ, chở thuyền với cô lái đồ da trắng
tóc xanh*

và đã được cô lái đồ dẫn về thăm nhà, thăm làng. Hơn hai mươi năm sau, là một cán bộ của Liên khu III, anh được cái may mắn qua Hương Sơn khi đất này vừa mới được giải phóng. Đồn bót của giặc Pháp đã vỡ tan tành và chúng đã rút khỏi Hương Sơn một cách thảm hại. Anh Liên đi bộ từ Đầm Đa, Đầm Lũ vào đến đất Hương Sơn chỉ độ nửa ngày là tới nơi. Leo ba cái quèn, anh đến một quán

nước chỗ đền Cửa Vông, nghỉ, uống bát nước lão mai. Giữa mùa hoa mở nở trắng xóa các thung, các quèn, đàn bướm rừng hàng nghìn hàng vạn con khi đậu khi bay như vào hội. Anh Liên gặp bộ đội dẫn tù binh đi qua: một Pháp, hai da đen, Moóc-chi-ê của giặc Pháp vẫn bắn từ phía Đồi Hà. Một đơn vị du kích đang chuẩn bị để đêm hôm ấy sẽ bị đột kích một vị trí địch gần Đồi Hà. Các chiến sĩ sắp lao mình vào nơi sinh tử vẫn cười nói hồn nhiên. Trong cảnh Thiên Trù hoang tàn vì mới bị giặc Pháp phá, du kích chiến thắng vẫn đang tập luyện. Anh Liên vào Bảo Đài rất xúc động được gặp lại một người học trò cũ đã trở thành cô giáo cấp II, dạy học trong rừng mơ. Xin giới thiệu một bài văn ngắn của anh: *Lớp học trong rừng mơ* đã được chọn làm bài tập đọc trong sách giáo khoa:

"Tôi đã đến thăm một trường học mới ở xã Hương Sơn khi xã này vừa được hoàn toàn giải phóng. Trường đặt trong một cái thung ở dãy núi Chùa Hương. Máy em dẫn đường đi đưa tôi đến bên cạnh một rặng mơ và bảo tôi: *Trường chúng em đây!*

Tôi ngạc nhiên thấy dưới một rặng mơ già, cành lá thấp là là mặt đất, năm sáu mươi em nam nữ học sinh đang ngồi nghe một cô giáo giảng bài. Các em có những bàn và ghế cá nhân có thể gập lại

mà cấp nách như cấp một cái cặp bằng gỗ. Trường đặt ở trong thung để tránh máy bay của địch. Khi trời mưa nhỏ thì các em căng ni-lông lên cạnh mớ và vẫn ngồi học. Có những em từ bên kia sông Đáy, ở huyện Ứng Hoà còn bị địch tạm chiếm cũng bỏ trường của địch mà sang đây học. Dưới bóng rừng mơ thơm mát, sau mỗi giờ học, các em lại nhảy múa và hát tập đoàn. Rừng mơ vang tiếng học, tiếng cười, tiếng hát của gần hai trăm học sinh. Thỉnh thoảng ở đằng xa, bên kia sông Đáy, vọng lại những tiếng súng của giặc bắn vu vơ, tiếng bom nổ *ình ình* chuyển đất. Nhưng dưới bóng rừng mơ, các em vẫn bình tĩnh, say sưa học tập".

TỪ PHẬT NGÀY XUA ĐẾN PHẬT TỬ NGÀY NAY

Chùa là nơi thờ Phật. Đối với một tôn giáo mà dân ta quen thuộc đã lâu đời và nhiều di tích còn lại đến ngày nay, nhiều tín đồ còn tiếp tục phát huy phân tích cực trong giáo lý để đóng góp vào sự nghiệp cứu nước, dựng nước, ta hãy ôn lại vài chuyện lịch sử và truyền thuyết nhà Phật khi vào thăm chốn danh lam.

Khoảng thế kỷ VI - V trước Công nguyên, ở vương quốc Ca-tì-la-vệ (Kapilavastu) trong nước Ấn Độ cổ đại, đạo Phật phát sinh. Người sáng lập là Phật tổ Thích Ca, vốn là thái tử, thấy nỗi khổ của chúng sinh (mà nguyên nhân chính là sự phân chia đẳng cấp hà khắc của bọn thống trị Bà-la-môn) bèn từ bỏ đời sống giàu sang của mình, vào núi Tuyết Sơn tu luyện sáu năm, ngồi yên lặng suy nghĩ để tìm lẽ *cứu khổ*. Ông tập trung tư tưởng cao độ đến nỗi *để chìm làm tổ trên đầu, nhện dăng tơ ở*

mì mắt và thân hình gầy gò xương sống, xương sườn (dân ta xưa dựa vào chuyện ấy, tạo nên những tác phẩm điêu khắc giá trị như tượng Tuyết Sơn ở chùa Tây Phương (Hà Tây) và tượng Tuyết Sơn ở chùa Bút Tháp (Bắc Ninh)...).

"Do sự giao thông với Trung Á (Tây Vực) mà Phật giáo dần dần truyền bá vào nội địa Trung Quốc và nước ta... theo lời sư Đàm Thiên (thế kỷ VI) thì: "xứ Giao Châu có đường thông sang Thiên Trúc. Phật giáo vào Trung Quốc chưa phổ cập đến miền Giang Đông mà xứ ấy đã xây ở Luy Lâu (Thuận Thành - Bắc Ninh) hơn 20 ngọn bảo tháp, độ được hơn 500 vị tăng và dịch được 15 bộ kinh rồi"... Bọn đồ hộ lợi dụng thuyết lý của đạo Phật hòng làm nhụt ý chí chiến đấu của những người bị nô dịch. Nhưng thuyết bác ái, bình đẳng và thuyết "Phật tại tâm" (Phật ở trong lòng mình) thì có chỗ hợp với tâm hồn Việt Nam. Khi truyền bá vào Việt Nam - cũng như các nước khác - Phật giáo thường dễ pha trộn với tín ngưỡng, tôn giáo địa phương. Cùng với đạo Phật, một số thành tựu văn hoá của nhân dân Ấn Độ, Trung Á, nguồn văn hoá dân gian cũng được truyền bá vào nước ta"⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Trích "Lịch sử Việt Nam" (tập I) - NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội 1971.

Chùa Hương thờ Phật Quan Âm, thường gọi là Quan Thế Âm Bồ Tát. Bồ Tát là do chữ "Bồ-đề-tát-đoa" (dịch âm chữ Phạn cổ Ấn Độ Bodhisattva). Bồ Tát là một vị tu hành đã đạt tới trình độ *thành Phật*, đã *tự giác ngộ* rồi nhưng chưa tách rời khỏi chúng sinh, còn hoà mình với chúng sinh để *giác ngộ* cho chúng sinh; dạy người ta theo con đường của Phật, chăm lo *diệt dục* để đạt tới sự siêu thoát, thanh thản của tâm hồn. "Chưa bàn đến tính hiệu quả của con đường do đạo Phật chỉ ra trong sự giải phóng thực tế hiện thực đối với những nỗi đau khổ của quần chúng ngày xưa, ở đây chúng ta chỉ ghi nhận một nguyện vọng chân thành của đạo Phật thuở sơ kỳ muốn tìm ra một giải pháp cho những đau khổ của xã hội và của con người (trong những thời đại ấy)"⁽¹⁾.

Vào nước ta, Quan Thế Âm Bồ Tát thành ra *Nam hải Quan Thế Âm* mà sự tích được sáng tác thành một tác phẩm văn học tôn giáo dân gian. Nhân vật chính là *bà Chúa Ba* như đã nói ở một đoạn trên. Vua Diệu Trang Vương là ai? Nước Hưng Lâm là nước nào? Không có sách sử, địa nào

⁽¹⁾ Trích bài "Cuộc đấu tranh cách mạng của dân tộc và những người trí thức Phật tử yêu nước trong các đô thị miền Nam" của Nguyễn Ngọc Bích - Tạp chí Triết học 5-74.

nói đến. Dù sao, câu chuyện ấy, viết theo tinh thần của đạo Phật lại có màu sắc địa phương, thể lục bát nôm na dễ nhớ, dễ thuộc, được các bà đi chùa xưa, dù là không biết chữ, cứ nghe truyền khẩu mà nhớ nhập tâm. Nay các cụ bà còn kể hạnh bằng lời ca lục bát ấy. Giọng kể hạnh trầm trầm, kéo dài với dòng suối Yến, suối Tuyết có tiếng bơi chèo gõ nhịp cũng thành một điệu nhạc xưa cũ, quen thuộc của chùa Hương. Một bà cụ kể được đôi câu, một bà cụ khác lại đệm bằng một câu niệm cũng kéo dài: "A-di-đà-Phật, Nam mô A di đà Phật". Trong đám tang của những tín đồ nhà Phật, các bà vãi *rước cầu* cũng kể hạnh như vậy.

Tôi đã được chứng kiến một cảnh kể hạnh khá cảm động sau một ngày... đánh Mỹ trên đất Quảng Oai (nay thuộc huyện Ba Vì, Hà Tây). Hôm ấy máy bay Mỹ đến ném bom và bắn phá dữ dội. Chiến sĩ pháo thủ của ta chiến đấu rất dũng cảm. Một chiến sĩ bị hy sinh. Đêm hôm ấy, ngồi xung quanh di hài người chiến sĩ, các bà mẹ kể hạnh như để ru con vào giấc ngủ êm.

Nay chúng ta suy nghĩ và hành động khác xa lối *siêu thoát* không tưởng và tiêu cực của những *đáng xuất thế* ngày xưa. Tuy nhiên đứng về cái đức kiên trì và sẵn sàng hy sinh của một con người có lý tưởng, thì câu chuyện bà *Chúa Ba* cũng có phần

đáng trân trọng. Lời văn chất phác, giống nét vẽ dân gian. Đây là nhan sắc Chúa Ba:

*Đào trên mây, hạnh trên trời
Cổ cao ba ngón, miệng cười trăm hoa
Vẻ thanh trong ngọc trắng ngà
Trăng tròn nét mặt, núi xa rặng mây...*

Khi Bà ở chùa, làm lưng vất vả đến nỗi Ngọc Hoàng ở tí trên mây xanh cũng động lòng thương xót:

*Lệnh truyền Thần tướng, Thần vương
Giúp việc Công chúa, giữ giàng sớm khuya
Rồng thì tuôn nước đến kê
Hùm thì hái củi, chim thì nhặt rau
Thổ Địa thì quét trước sau
Lục Đinh, Thần tướng đứng hầu thiên hương...*

Nghe đoạn này có thể liên tưởng đến một số chi tiết trong chuyện Tấm, Cám: chim sà xuống nhặt thóc cho Tấm. Bụt hiện xuống hoá phép cho Tấm có quần áo đẹp và đôi hài đẹp để đi hội.

Khi lớn lên, nhiều lần bị vua cha bắt buộc phải lấy chồng, Chúa Ba ngỏ ý nếu *bất đắc dĩ* phải như vậy thì chỉ xin lấy một người thầy thuốc:

*Cha thương dù có ép lòng
Thì con xin lấy kẻ dòng lương y
Vua rằng: văn vũ thiếu gì!
Mình châu vóc ngọc sánh chi kẻ thường
Tâu rằng: kẻ ấy tuy thường
Có bề cứu thế, có đường độ dân...*

Về sau, đến cái đoạn vua giận quá, sai lực sĩ đem chém thì Ngọc Hoàng lại sai các thần đến cứu:

*Canh năm vừa mới sang trời
Lực sĩ áp diệp ra nơi pháp trường
Chúa Bà nhan sắc như thường
Nghĩ lòng lên được Thiên Đường từ đây
Quan quân, gươm giáo sắp đây
Bỗng đâu cơn gió thổi ngay ùng ùng
Tối tăm trời đất mịt mù
Hào quang sáng khắp cả trong trường hình.*

Một người có phẩm chất như thế nếu lấy việc chống giặc cứu nước làm lý tưởng đời mình - khi trong nước có giặc ngoại xâm thì hẳn sẵn sàng coi thường cái chết như các anh hùng xưa nay.

Phát huy ý nghĩ dũng mãnh, tinh tiến của nhà Phật, nhiều Phật tử trong lịch sử nước ta từ các đời

Lý, Trần đã *nhập thế*, hết sức giúp nước giúp đời. Một thí dụ rõ nhất là Trần Nhân Tông người sáng lập ra thiền phái Trúc Lâm, cũng đã từng là ông vua chiến thắng quân Nguyên.

Thời thuộc Pháp có Vương Quốc Chính là một nhà sư yêu nước, hoạt động ở Sơn Tây, Hà Đông cũ và nhiều nơi khác. Sau mấy lần tham gia phong trào chống Pháp thất bại, ông mặc áo tu hành, mượn cửa Phật làm nơi hội họp nghĩa sĩ, định đánh Pháp ở Hà Nội nhân dịp hội chợ tháng 12-1898, đồng thời đánh Pháp ở nhiều tỉnh khác nữa. Tuy không thành công nhưng cũng có ảnh hưởng tốt về tinh thần đối với đồng bào ta hồi ấy.

Hoà thượng Thanh Chân trụ trì ở chùa Hương hiện nay tuy tuổi đã cao, vẫn tham gia việc nước. Cụ là Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc kiêm Ủy viên Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tây. Hồi Kháng chiến chống Pháp, cụ sống với dân làng ở những nơi thung ngô, nương sắn, chế tạo phần viết cho học sinh ở những làng kháng chiến. Cụ đã cho năm sư ông và một sư bác đi bộ đội đánh Pháp. Mấy năm trước đây, cụ lại cho chú tiểu đáng mến nhất của cụ đi bộ đội đánh Mỹ. Trong số sư nữ trẻ tuổi có người xin *hoãn tục* xây dựng gia đình và đi học một ngành

chuyên môn, cụ cũng rộng lòng cho, mỗi khi chị ấy trở lại thăm chùa, cụ đối xử quý hoá lắm.

Hoà thượng Thanh Chân có tính ngay thật và ưa sự ngay thật. Cụ thường biểu dương những người tốt trong giới tăng ni như một vị sư nữ tên là Nguyệt, trong kỳ hội xuân 1973, khi đi rửa chân, thấy một chiếc hoa tai vàng dính vào dép của mình, đã đem trả tận tay người mất của.

Trong những lúc người Phật tử ở miền Bắc đang góp sức cùng toàn dân xây dựng xã hội chủ nghĩa và kê vai sát cánh với đồng bào miền Nam ruột thịt trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước thì "những người Phật tử ở miền Nam đứng trước một sự lựa chọn... Và đông đảo những người trí thức, sinh viên, học sinh Phật tử yêu nước trong các đô thị miền Nam tiếp tục những truyền thống yêu nước tốt đẹp của Phật giáo Việt Nam, đã có sự lựa chọn đúng đắn là đứng lên chống lại chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ được thi hành bằng cuộc chiến tranh diệt chủng tàn bạo nhất... Từ đầu tháng 5-1963, cuộc đấu tranh đòi tự do tín ngưỡng, tự do dân chủ của đồng bào theo đạo Phật đã lan rộng khắp miền Nam, trong quá trình đó đã xảy ra vụ tự thiêu "tử vì đạo" của Hoà thượng Thích Quảng Đức ngày 11-6-1963

ngay giữa một ngã tư đường phố Sài Gòn. Cuộc đấu tranh ngày càng quyết liệt của Phật giáo quả đã là một lực lượng khá quan trọng trong việc làm cho Diệm - Nhu bị lật đổ⁽¹⁾.

Hiện nay, Phật tử và tín đồ các tôn giáo khác cùng đa số nhân dân miền Nam hằng ngày xuống đường đấu tranh chống Nguyễn Văn Thiệu. Chắc hẳn tên này sẽ cùng chung số phận với bọn Diệm - Nhu⁽²⁾.

⁽¹⁾ Trích bài "Cuộc đấu tranh cách mạng của dân tộc và những người trí thức Phật tử yêu nước trong các đô thị miền Nam" của Nguyễn Ngọc Bích - Tạp chí Triết học 5-74.

⁽²⁾ Đoạn này cũng như toàn bộ sách này viết trước khi miền Nam hoàn toàn giải phóng.

NÉT XUÂN HỘI MỚI

Cũng cảnh hôm qua, cũng tình đất nước

Ta lại về đây: suối Yên, chùa Hương⁽¹⁾.

Ta lại về đây dự hội với người, với thiên nhiên. Người cũng đổi mới, thiên nhiên cũng đổi mới. Mùa xuân Hương Sơn là mùa của hội mơ, hội mơ kết quả. Thơ họ Cao:

Rừng mơ, hoa kết quả đầy cành.

Ta đi chùa Hương cũng như đi thăm rừng Cúc Phương, thăm rừng hoa ban Tây Bắc. Ta không mê mẩn vào một cõi *thoát trần* nào, vì tất cả công sức của chúng ta cũng là để thực hiện một *quả phúc viên mãn* ngay ở cõi trần. Ngôi chùa đẹp, pho tượng quý, câu chuyện huyền thoại hay cũng thêm chất thơ điểm tô cho cảnh thực. Vì ngay cảnh chùa chiền cũng đã được giải phóng khỏi những chuyện

⁽¹⁾ Trích thơ Xuân Hoàng: "Trẩy hội Chùa Hương"

eo xèo rắc rối đã từng xảy ra và kéo dài vào những thời đại trước vì sự *buôn thần bán Phật*. Giải phóng như vậy càng hợp với tinh thần: *từ bi, hỉ xả, bác ái, vị tha* của Phật chứ sao?

Đã xa lắm rồi cái chuyện *bán chùa lấy 80 quan tiền để theo kiện*, năm thứ 37 (1776) đời Cảnh Hưng nhà Lê. Cũng đã xa rồi cái việc kiện cáo năm thứ 5 (1911) đời Duy Tân nhà Nguyễn về vấn đề một nhà sư vì muốn chiếm đoạt hết quyền lợi đã xoá bỏ những cái gì nhắc đến công phu xây dựng của sư tổ họ Phạm...

Giữa thêm cao Thiên Trù vẫn tung bay một lá phướn dài và trên tam bảo vẫn hương lửa tôn nghiêm, nhưng đã lui về quá khứ những *tạp nghệ* thuộc về mê tín dị đoan: đồng bóng, bói toán, đoán thẻ.... Chính Hoà thượng Thanh Chân cũng không tán thành những kẻ dựa vào cửa Phật để làm nghề mê tín, dị đoan. Cụ rút trong giáo lý ra nhiều điều hay mà cụ cho là phù hợp với tinh thần tiến bộ. Thí dụ:

Thân mình trong sạch là chùa

Lòng mình sáng suốt là Phật.

Hoặc

Tinh tiến khởi lười biếng

Trí tuệ khỏi ngu si

Vì có những suy nghĩ đúng đắn nên vị sư già ấy không lánh đời và dễ hoà mình với những người mới của cuộc đời mới.

Khách vào thăm cảnh ngày nay, bên các cụ cao tuổi có nhiều người trẻ chưa từng hiểu những cái nhiều khê của xã hội cũ, nên họ thường thức cảnh đẹp một cách rất hồn nhiên, không vướng víu gì chuyện quá khứ. Họ đi với gia đình, đi thành từng nhóm bạn bè, đi với tập thể cơ quan hay nhà trường vào ngày chủ nhật hay ngày nghỉ phép năm. Trên đường núi họ cũng chào người già và chào nhau bằng câu *A di đà Phật* hiểu theo một cái nghĩa giống như *chào mạnh khoẻ*.

*Trẩy hội Chùa Hương: mùa xuân đã mới
Tiếng "nam mô" thêm đẹp nghĩa lời chào
Chào cặp công nhân đang dắt tay nhau
Nhảy thoăn thoắt trên những từng đá lượn
Chào chị nông dân, khăn hoa lý nhuộm
(Đội phó văn công, những vở chèo xuân)⁽¹⁾...*

Nhiều bạn nước ngoài yêu cảnh đẹp nước ta, vào đây, cũng cất tiếng chào như thế.

⁽¹⁾ Trích thơ Xuân Hoàng: "Trẩy hội Chùa Hương"

*Chào bạn chuyên gia, vừng vàng lối gập
Từ xa xôi về viếng cảnh quê tôi
Cũng "nam mô" thoải mái nụ cười
Cũng ngỡ ngẩn bên những sườn núi dựng...⁽¹⁾*

*

* *

Để bảo đảm tốt việc sửa sang, xây dựng thắng cảnh và việc tổ chức đón khách vãng cảnh thực hiện *phúc lợi của quần chúng*. Ban Quản trị khu thắng cảnh Hương Sơn đã được thành lập do quyết định của Ủy ban Hành chính tỉnh ngày 12-11-1961. Ban Quản trị bắt đầu hoạt động từ hội xuân 1962. Cán bộ và nhân viên trong Ban có người ở nơi khác đến, có người quê ở địa phương Hương Sơn trước đã từng là dân "sái trắng" hay dân chèo dò. Kể từ khi thành lập cho đến nay Ban Quản trị cũng đã làm nhiều việc *công đức*. Gặp Bác Am (họ Nguyễn) và bác Đình (họ Lưu) là những cán bộ phụ trách, chúng tôi có nói vui:

- Xưa, những ai góp *công đức* vào việc xây dựng chùa, thường được khắc tên vào bia nhà chùa hoặc ghi tên vào quyển thiên phả. Nay Ban Quản trị có đồng ý để chúng tôi nói với Hoà thượng cho

⁽¹⁾ Trích thơ Xuân Hoàng: "Trẩy hội Chùa Hương"

khắc tên các vị vào bia mới hoặc ghi tên các vị vào thiên phả mới của Chùa Hương chăng?

Hai vị đều cười khiêm tốn:

- Chả dám! Chúng tôi đã làm được gì đáng kể đâu! Và lại đây là công đức của khách mười phương, của tập thể.

Khách mười phương ngày nay đi hội không phải chi phí tốn kém như ngày xưa. Vì việc ăn, việc trọ đều có giá quy định cả. Tàu xe, đồ xuống cũng vậy. Lại không phải tiêu phí vào những việc mê tín, dị đoan. Còn việc đóng góp vào quỹ xây dựng thắng cảnh thì tự nguyện, không có những sở cầu dang lười khắp nơi như trong chùa xưa. Quỹ thắng cảnh hàng năm thu cũng khá nhưng chi cũng nhiều. Nếu tiền nóng phân mình mà thiếu để chi ngân sách Nhà nước cấp thêm. Xin giới thiệu vài con số (theo sổ tài vụ của Ban Quản trị):

- Năm 1961, Huyện cấp cho 20.000 đồng; Tỉnh cấp 40.000 đồng để xây dựng những cơ sở đầu tiên.

- Từ năm 1963 đến năm 1970 Lâm nghiệp cấp cho 29.000 đồng để trồng cây.

- Năm 1964, Tỉnh cấp cho 50.000 đồng để mua máy nổ, làm nhà máy điện.

Năm 1972, tỉnh cấp cho 18.000 đồng để mở hai bến mới của đường bộ vào Thiên Trù.

Năm 1973, Tỉnh cấp cho 67.000 đồng để làm nhà trọ, mở đường mở sân...

Hàng năm, trước kỳ hội, Ban Quản trị phải lo chuẩn bị việc đi lại, ăn ở cho khách; Trong kỳ hội, phục vụ khách về mọi mặt cần thiết. Sau kỳ hội từ đầu mùa hè đến cuối mùa đông, lại lo sửa sang, xây dựng. Giở xem, một cách tình cờ, trang sổ ghi việc:

...

Năm 1971: xây toàn bộ khu nhà ở của các vị sư có nhà tắm, nhà bếp và các nhà phụ khác. Xây một bể ngầm 17m³ trong động Hương Tích. Sửa toàn bộ đường và bậc trong động...

Năm 1972: xây ba gian nhà khách ở chùa Tuyết. Kê lại lối lên xuống ở động Tuyết. Đào sâu thêm động Tuyết 1m nữa. Mở đường mới Chùa Hương...

Đó chỉ là một vài thí dụ. Năm nào Ban quản trị cũng tiến hành công việc xây dựng. Đối với khách vào thăm quan, các mặt tiện nghi cũng chưa thật vừa ý, nhưng chắc chắn mỗi năm sẽ một khá hơn.

*

* *

Trật tự trị an được bảo đảm trong ngày hội đông vui... Về mặt này, các cơ quan có trách nhiệm từ tỉnh đến xã cử người vào có mặt thường xuyên

để đề phòng kẻ gian và cũng để phòng những hiện tượng không lành mạnh, có hại đến phong tục tốt đẹp của dân ta. Ngay trong những lúc đông người nhất cũng ít thấy xảy ra, những vụ trộm cắp, đánh cãi nhau, luyến ái bất chính ở trong thắng cảnh.

Cơ quan văn hoá cũng cử cán bộ vào phục vụ *Đài truyền thanh thắng cảnh* đặt ở Thiên Trù luôn luôn giới thiệu với khách những vấn đề về hành trình, về cảnh đẹp, về di tích lịch sử, nhắc nhở các hàng quán về trật tự, vệ sinh, khuyến khích mọi người theo nếp sống mới. Đêm khuya, vào lúc cái ồn ào của sân, bên Thiên Trù đã lắng xuống, giọng *oanh thỏ thẻ* của cô phát thanh viên nổi lên, đọc một truyện hay, hoặc bình lên một khúc ca dao biểu dương người tốt việc tốt hoặc phê nhẹ người chưa tốt, việc chưa tốt ngay trong khung cảnh ngày hội. Thí dụ về việc sư ni (sư nữ) tên là Nguyệt nhật được vàng, đem trả lại cho người mất của, đồng chí *văn hoá* ứng tác luôn mấy câu để cô phát thanh ngâm lên:

*Khen ai sáng tựa trăng rằm
Chẳng tham, chẳng tiếc, khi cầm vàng rơi
Của người trả lại cho người.
Lòng ai so với vàng mười quý hơn!*

Giới tăng ni vào *chấp tác* trong hội tuyệt đại đa số là các vị sư nữ đã đứng tuổi. Các vị cũng phối

hợp với ngành văn hoá làm công việc giới thiệu những cái hay cái đẹp với tinh thần kính Phật, yêu đất nước quê hương. Các vị cũng lấy *chính tín* khắc phục những tàn dư của mê tín, dị đoan.

*

* *

Dân Hương Sơn trong ngày xuân tháng hội không mất nhiều thì giờ vì hội hè như trước. Trừ một số bà con được hợp tác xã nông nghiệp cử vào phối hợp với Ban quản trị hoặc hỗ trợ Mậu dịch trong việc hàng quán, còn phần đông vẫn tiếp tục sản xuất. Nào làm cỏ, chăm bón lúa xuân, nào trồng hoa màu ở các thung, nào khai thác lâm sản. Những thửa ruộng *nhất đẳng điền* nay đã là của chung của hợp tác xã, ruộng hai bên suối không lo bị ngập nước ghen dòng nữa vì đã có máy bơm. Dân Yến Vĩ không kiếm tiền kiểu *ăn xối* như trước mà xây dựng kinh tế một cách vững chắc trên cơ sở ruộng đồng. Thế mà nhìn vào trong làng hầu khắp các nhà đều mái ngói, tường đá xây. Những vụ đốt nhà sau những kỳ hội đã trở thành câu chuyện cổ, nghe tưởng như không có thật.

Trong Kháng chiến chống Mỹ, dân Hương Sơn phát huy truyền thống anh dũng của địa phương mình từ những năm kháng chiến chống Pháp và từ

xa xưa hơn nữa. Hiện nay, xã Hương Sơn vẫn là một xã xuất sắc trong phong trào tòng quân bảo vệ Tổ quốc. Người trai Hương Sơn đã từ bé luyện rèn đôi chân của mình trên những quèn núi, dốc núi quê hương, khi leo dốc Trường Sơn không còn bỡ ngỡ. Mạnh Hưởng, một bạn trẻ ở địa phương, làm thơ về "Trai Hương Sơn"⁽¹⁾ đi bộ đội:

*... Đâu phải bây giờ, mà tự năm xưa
Cha ông đã vượt quèn leo núi
Những con đường đi trong đêm tối
Còn in dấu chân son
Đâu phải hôm nay họ mới lên đường
Bàn chân cứng, đạp gai từ thuở nhỏ
Những buổi "hành quân Trường Sơn" nắng gió
Hình Bóng chon von, Hương Tích quanh co...*

⁽¹⁾ Nhan đề bài thơ của Mạnh Hưởng trong tập "Hà Tây thơ" 1965 - 1972.

MƠ

Mơ là loài cây đặc sản gắn bó với đất núi chùa Hương đến mức độ cứ nói tới cảnh chùa Hương là người ta nghĩ tới mơ, và nói tới mơ là người ta nghĩ tới cảnh chùa Hương. Nói *mơ chùa Hương* cũng như nói *nhãn lồng Hưng Yên, chuối (ngự) thành Nam, cam Bố Hạ...*

Từ ngữ Hán Việt gọi mơ là *mai*. Tuy nhiên, có giống mai không hẳn là mơ, người ta trồng chỉ để chơi hoa, còn quả nó không có gì đáng kể. Lại có giống mai có quả khá to, nhưng quả mai không y như quả mơ. Về màu hoa mai, có giống mai hồng, có giống mai vàng, phần nhiều là mai trắng. Thôn Đông Mỹ, xã Đông Mỹ (ngoại thành Hà Nội) có ông cụ Nguyễn Ngọc Quỳnh (tức Mải) là người sành nghề trồng mai và mơ, phân biệt sự khác nhau về thân hình giữa cây mơ và cây mai. Thân mơ có vỏ ngoài tương đối nhẵn nhụi. Thân mai có vỏ sù sì, nứt nẻ. Cành mai cũng khúc khuỷu hơn cành mơ. Về mùa sương giá, cành mai tưởng khô chết, bất thần nảy vút lên chồi mới, trông khoẻ khoắn lắm.

Và hoa cũng bất thần nở tung. Đài xanh, cánh trắng, nhị vàng, hương bay thoang thoang.

Mơ - cũng họ nhà mai cả - cứ sau tiết đông chí là chuẩn bị vào mùa hoa. Mơ Hương Sơn vào mùa quả, đẹp một vẻ. Mơ Hương Sơn vào mùa hoa lại đẹp một vẻ khác. Trên núi, dưới thung, hoa trắng chỗ thưa, chỗ mau đọng lại từng đám nhẹ như mây và thả một mùi thơm nhẹ, chợt đến, chợt đi.

Thơ ca xưa nay tả cái đẹp của mai, của mơ đã nhiều vô kể. Riêng với mơ Hương Sơn, không mấy bài ca ngợi cảnh này mà không điểm xuyết một chút mơ. Chu Mạnh Trinh nghe thấy chim *thỏ thẻ rừng mai*. Vũ Phạm Hàm thấy cái *man mác ngẩn ngơ* của chiếc lá mơ vàng rơi xuống. Xuân Diệu nhìn hoa mơ như một chất thơ trong trắng.

Hoa bạch trong ngần vạn điểm thơ.

Nguyễn Xuân Sanh lại nhìn hoa mơ như một cái tin vui báo trước cả mùa xuân.

Xuân chưa về, núi chưa mưa

Nhưng bên ta đã rừng mơ nở rồi.

*

* *

Nhà thực vật học cho ta biết vì sao một loài cây có cánh hoa mỏng manh nhẹ nhàng, có thân

hình thanh gầy như Nguyễn Du đã tả *điều gầy như mai* mà có sức sống rất dai bền:

"Cây mơ nhờ có bộ rễ khoẻ ăn sâu vào đất, có thể len lỏi ở các góc ngách để hút chất màu, nên có thể mọc tốt trên các loại đất lẫn đá, nếu tầng đất lẫn đá dày và có những kẽ nứt. Mơ có khả năng chịu khô hạn giỏi, là một loại cây trồng đặc biệt thích hợp với các vùng đất đá vôi vì nó không bị bệnh vàng lá (chlorose). Điều này giải thích tại sao cây mơ đã phát triển tốt ở vùng đất đá vôi chùa Hương. Do vậy có thể dùng mơ làm gốc ghép cho một số loại cây cùng họ hàng như đào, mận để trồng trên đất nhiều vôi"⁽¹⁾.

Các cụ ở Hương Sơn ngày xưa do kinh nghiệm lâu đời, đã biết chọn những giống cây hợp với thổ ngơi đất núi quê mình, đặc biệt là giống mơ ngon nổi tiếng trong nước, ngoài nước, cùng trường tồn với cảnh đẹp Hương Sơn.

Xưa, dân làng cứ gặt xong vụ chiêm (mà phải gặt thật nhanh kéo nước lũ trên núi đổ về) là vào phát cây rừng để trồng mơ. Đối với nhiều gia đình nông dân nghèo không có ruộng, mơ là của cải duy

⁽¹⁾ Tài liệu của đồng chí Nguyễn Đăng Khôi, Kỹ sư thực vật học, công tác ở Ủy ban Khoa học Nhà nước.

nhất để lại truyền đời cho con cháu. Chăm sóc cây mơ không kém gì chăm sóc cây lúa. Làm ruộng lúc nào rồi rãi lại vào thung mơ. Chưa kể những nơi khuất nẻo, cứ hai bên đường núi từ chùa Trờ trở vào đã thấy toàn những mơ. Mơ đã bị bom đạn giặc Pháp bắn phá rất nhiều. Hợp tác xã đã khuyến khích xã viên trồng lại, trồng thêm.

Mơ xưa được trồng ở các *cật*, các *xênh*, các vườn trong thung. *Cật* là quèn núi, eo núi. *Xênh* là sườn núi đá có đất. Mơ núi, mơ thung *quả rừng mát hơi núi*, ăn thơm giòn hơn mơ trồng ở vườn đồng bằng.

Nói về việc trồng mơ thì khoảng tháng 9 và tháng 10 âm lịch, người ta gieo hạt, ươm hạt ở vườn nhà rồi một năm sau, đánh cây con lên, đem vào trồng trong núi. Cũng có thể trồng bằng cách chiết cành. Chiết cành thì chóng có quả hơn ươm hạt. Vườn thung, trước khi đón cây mơ vào trồng, người ta phát cây rừng rồi trồng sắn, chuối, đu đủ, trầu không, hoắc hương... *lấy ngắn nuôi dài*. Cây mơ trồng bảy năm thì *bói*, mười năm thì thực sự ra quả. Trồng mơ, phải làm cỏ luôn. Nếu chặm làm cỏ, cây mơ có thể bị sâu đục. Khi làm cỏ, không nên vun đất vào gốc, sợ mối đục cây. Người làm vườn mơ có khi phải ở trong thung hàng tuần. Trong ấy thường có những cái chòi hoặc nhà sàn hắt hoi. Người ta vào lễ tế hoặc cả gia đình cùng vào, mang

theo lương thực, thực phẩm đủ dùng. Mỗi khoảnh vườn thung trồng từ một trăm cây mơ trở lên, mỗi cây cách nhau 10 mét. Có những cây mơ già, gốc to bằng cái vạt. Thung Hột, thung Mây rộng, mỗi thung trồng tới 500 gốc mơ. Cây mơ có thể kéo dài tuổi thọ tới 50 năm. Năm nào cũng vậy, cứ đến tháng 11 âm lịch là ra hoa. Tết Nguyên đán, quả đã nhú, các bà, các chị thường lấy quả mơ non gội đầu để trừ chấy, xanh tóc.

Gỗ cây mơ già có mùi thơm mát, lấy từng thanh nhỏ lấu nước uống gọi là *nước lão mai*, màu đỏ hồng, uống vào lâng lâng một vị rừng núi Hương Sơn. Không những dùng làm *thiền trà*, gỗ cây mơ - theo Bác Nguyễn Văn Am cho biết - rất bền, rất tốt, còn có thể dùng làm bắp cày, chày giã gạo, cán mai, cán cuốc, hoặc chẻ ra làm dăm cũi xay. Hoa mơ là một loài hoa mà ông rất thích. Mật ong mơ có chất lượng cao.

Quả mơ, vào cuối tháng 2 sang đầu tháng 3 âm lịch thì chín rộ. Khi hái quả, phải bắc thang dài từ 15 đến 20 mét. Thang phải chống cho vững, đầu thang chỉ tựa hờ hờ vào cành, nếu tựa mạnh thì hại cây. Hái quả không được làm rụng lá, gãy cành. Vì việc khó khăn lại đòi hỏi sự cẩn thận như thế, nên người hái mơ được ăn công cao. Thường là đàn ông có sức mới được phân công làm việc ấy.

Tất nhiên, đàn bà con gái cũng leo thang hái mơ được, nhưng đâu phải việc chơi bời như nhà thơ tả trong những câu, những bài như *Cô hái mơ*.

Quả mơ Hương Sơn nói chung dày cùi, nhỏ hạt, chua mà không chát. Căn cứ vào hình dáng, màu sắc và chất lượng quả mơ, người ta phân biệt:

Mơ nứa, quả to tròn, nhiều nước, màu da hơi trắng. Cây thưa quả.

Mơ đào, quả to, đầu nhọn, hình hơi giống quả đào. Cây sai quả.

Mơ mép giải hay *chấm son*, quả không to lắm, có chấm đỏ. Cây sai quả.

Mơ bồ hóng, quả có chấm đen. Cứ có gió nồm là chỗ chấm đen dễ bị nẫu. Vì thế, giống mơ này, người ta ít trồng.

Ngoài ra, mới đây có giống *mơ song thọ* (quả mọc hai bên đối nhau). Mỗi quả to gần bằng một quả trứng gà nhưng chất lượng và hương vị không bằng mơ Hương Sơn. Mơ song thọ vốn ở vườn đồng bằng, bác Nguyễn Văn Vượng mua cành chiết ở đồng bằng đem vào trồng thử ở Hương Sơn cũng được.

Quả mơ là món quà quý của Hương Sơn. Những ngày đầu tháng ba âm lịch, chớm nắng mới, khách đi bộ, trèo núi mỗi chân khát nước mà

được quả mơ làm món giải khát thì khoan khoái, dễ chịu ngay. Chẳng những là món giải khát, mơ còn là vị thuốc hay.

Trong quyển sách thuốc *Nam dược thần hiệu* cụ lang Tuệ Tĩnh, sống vào cuối đời Trần, có giới thiệu: "Quả mơ muối, vị chua, tính hàn, không độc, trừ nhiệt, chỉ huyết, sinh tân dịch (nước bọt), lợi cuống họng, trị trúng phong, tiêu đờm, chữa lý" và "quả ô mai tính ấm, bình, giải phiền nhiệt, bổ phổi an tim, trừ tả lý, trị sốt rét, tiêu khát và đờm dãi"

Xi rô mơ và rượu mơ, nếu dùng đúng lúc và có mức độ cũng có tác dụng tốt.

Rượu mơ cũng có người làm một cách cầu kỳ, có người làm một cách đơn giản. Cách làm đơn giản như sau:

Một trăm quả mơ không chín lắm, không xanh lắm, rửa thật sạch, để cho ráo nước, sau đó ngâm vào cái bình to chứa ba lít rượu. Độ vài ba hôm sau, cho một kilô đường trắng. Một tháng sau, vớt quả ra phơi ăn, còn rượu để uống dần.

Mơ Hương Sơn hiện nay, mỗi năm thu hoạch chừng bốn mươi tấn quả. Với sự phát triển trồng mơ, con số ấy còn có thể tăng lên nhiều. Đó là một nguồn thu nhập đáng kể đối với các hợp tác xã và xã viên Hương Sơn.

RAU SẺNG VÀ CỦ MÀI

Đi chùa Hương đã nhớ đến mơ thì cũng không thể quên rau sắng, món đặc sản mà tên cũng gắn liền với danh tiếng của thắng cảnh.

Muốn ăn rau sắng chùa Hương...

Bài thơ *Rau sắng* của ông Ám Hiếu và gói rau sắng của người con gái gửi qua *nhà dây thép* từ Phủ Lý lên làm quà cho ông - rau kèm với thơ - đã từng là câu chuyện giai thoại trong làng văn.

Đường xa, rau vẫn còn xanh

Tấm lòng thơm thảo, bát canh ngọt ngào.

Câu thơ của người nhận quà cảm tạ người tặng quà cũng ngọt như... canh rau sắng. Ca dao cũ:

Ai đi trẩy hội chùa Hương

Làm ơn gặp khách thập phương hỏi giùm

Mơ rau sắng, quả mơ non

Mơ chua sắng ngọt, biết còn thương chăng?

Vị chua, vị ngọt của một môi tình nào đó, tuy chỉ lấy mơ và rau sắng làm cái cố, nhưng cũng chứng tỏ rau sắng - cũng như mơ - là vật gợi nhớ nhiều tình cảm đẹp.

Tên gọi là *rau*, nhưng cây sắng không phải là cây rau như rau cải, rau muống, rau răm, rau diếp.... Cây rau diếp thì không bao giờ có thể *làm đình* như cô gái xưa đã nêu một thời hạn oái oăm cho anh chàng mà cô không ưng ý, nhưng cây rau sắng thì có thể dùng để... đóng đồ gỗ được.

Rau sắng tiếng rằng đặc sản của chùa Hương, nhưng không phải chỉ ở chùa Hương mới có. Nhiều dãy núi đá vôi ở nước ta cũng có cây rau quý ấy. Núi Tây Bắc có cây *phắc ban pá* (rau ngót rừng) cũng là rau sắng đó thôi.

Cây rau sắng sinh ra và lớn lên trên núi đá vôi và chỉ ở núi đá vôi nó mới sống được. Đưa đi nơi khác, dù là núi đất ở đâu, dù là vườn rộng ngay trong vùng Hương Sơn, nó cũng không *hợp thủy thổ*. Mọc trên núi đá vôi mà hàm lượng về chất đạm trong lá nó cao lắm, cao gấp đôi hàm lượng đạm của lá cây khác. Đạm là *mì chính*. Vì thế rau sắng nấu canh không cần chất mỡ, chất thịt, cũng không cần cho thêm *mì chính*, chỉ nấu sông với chút mắm muối gia vị là đủ ngọt lắm rồi. Có thể coi cây rau sắng như *cây mì chính thiên nhiên*.

Thường đã là rau thì thuộc loài *thảo*, riêng cây rau sắng lại thuộc loại *mộc*. Thân nó to, cao. Muốn hái lá non của nó, có khi phải trèo lên cây mà hái. Lá non của nó trông óng ả, mỡ màng. Hoa nó, thường gọi là *rồng rồng*. lấm tấm như hoa ngâu, nấu canh ăn, còn ngọt hơn lá non. Quả nó tròn dài hình bầu dục, màu vàng lửa, ăn ngọt, hơi rất lười. Tháng 5, quả chín từng chùm như chùm sung. Lá nó, hái hết lớp này lại ra lớp khác. Mùa đông, cây rụng hết lá, mùa xuân lại nảy lộc. Cứ nảy lộc là ra *rồng rồng*. Lá non bán với *rồng rồng* càng có giá trị. Người ta hái lá sắng mỗi tháng một lần. Hái đến tháng sáu thì thôi. Người đi rừng đã quen *lối rau rắng*. Chỉ những người quen *lối rau* mới hái được nhiều, hái lá từ cây nọ sang cây kia.

Gỗ rau sắng màu vàng như ngà, thường dùng làm đũa cả, thước kẻ. Cây to, lâu năm, có thể dùng để tiện, đóng những đồ gỗ nhỏ nhẹ như cái khay, cái mâm...

Cây sắng quý như vậy nên địa phương đặt vấn đề bảo vệ, không những để người đi rừng chặt hạ bừa bãi.

*
* *

Canh chỉ nấu riêng với rau sắng đã ngon, có thêm củ mài càng ngon. Bát chè củ mài chùa

hương cũng là món quà thanh khiết mà khách thăm cảnh rất ưa. Củ mài ăn vừa mát vừa bổ. Sách thuốc gọi nó là *hoài sơn* hay *sơn dược*. Cụ Hải Thượng Lãn Ông, trong sách *Lĩnh Nam bản thảo* có nói về dược tính của nó:

*Sơn dược là tên chữ củ mài
Ngọt bình không độc, tính lành thay!
Bổ tim dưỡng thận, bồi tỳ vị
Nhuận gân, thêm khí, khoẻ hình hài.*

Củ mài thuộc loài cây dây leo, có họ với củ từ, lá nó hình quả tim, hơi giống lá cây củ từ. Những củ giống nhỏ xiu, nẩy trên dây leo, mùa đông lá khô, dây héo, những củ giống rụng xuống đất, chui sâu xuống, phát triển thành củ to và nẩy ra dây mới. Khi dây to bằng cái đũa là củ đã khá to. Củ mài có hình dẹt, có hình tròn nhưng nói chung là dài, có củ dài đến hơn một mét, mỗi dây một củ. Nó mọc ở chỗ đất lẫn đá trên núi. Đào củ mài khá công phu. Phải bẫy đá, bẫy đất mới đào được. Có khi bới hốc đá thấy ngay, có khi moi mãi không thấy. Phải dò gốc dây mà đào. Có khi đào đã sâu mới biết nó chui dưới tảng đá to, đành chịu, để đến lần khác. Có khi phải dùng búa phá đá mà lấy củ. Người đào củ phải ngồi, phải nằm, phải chui, phải bốc. Không

kiên nhẫn không đào được. Tưởng như đào của quý chôn dưới đất. Địa phương xưa có câu:

*Đánh củ, bắt cá, nuôi con
Trong ba việc ấy, ai khôn với trời.*

Thời trước, có lúc đói *bở hơi tai* mà phải đi *đánh củ* kiếm ăn. Nay không có sự thúc bách như vậy, việc đào củ mài cũng ung dung, tùy ý.

*
* *

Về các giống cây có củ, ở Hương Sơn còn có củ *gạo* do người trồng. Củ gạo to lắm. Có củ to bằng cái nồi ba. Dây nó, giống như dây củ từ nhưng có gai. Củ gạo ăn hơi giống mùi vị củ từ. Tuy không ngon bằng củ mài, nhưng nấu canh hay nấu chè ăn cũng tạm được.

CÂY HOA ĐẠI

Không phải chỉ ở Hương Sơn mới có cây hoa đại trên lối vào các chùa, các động. Ở nhiều nơi khác cũng có cây hoa đại làm cây cảnh. Nhưng sự có mặt và sự phát triển lâu đời của cây hoa đại chùa Hương cũng thêm phần chứng tỏ: dân ta vốn khéo chọn cây trồng cho hợp cảnh, thổ. Về vẻ đẹp của cây đại, ở những đoạn trên đã lác đác nói đến. Cây đại không chỉ đẹp ở hoa lá, mà còn đẹp ở cành, ở thân cây, thế cây. Nói cho đúng, cái đẹp chủ yếu của cây đại không phải là hoa lá. Gốc và thân nó sù sì, gân guốc. Cành nó nảy ra những nhánh động vui, bụ bẫm. Đại là một loài cây có thể sống qua nhiều thế kỷ. Ở Văn Miếu Hà Nội có cây đại sống đã hơn sáu trăm năm. Càng già càng đẹp. Trông cây đại lúc nó trụi hết hoa, lá mà đứng ở góc núi, nghiêng mình phô cả cành, nhánh, không mấy người không liên tưởng đến sừng hươu, sừng nai:

Hoa đại chưa mùa lá

Cành sừng nai xôn xao...⁽¹⁾

Cây đại quê chính ở Ấn Độ, được truyền giống sang trồng ở đất ta đã lâu. Vào đất Lào, nó được đặt tên là

⁽¹⁾ Thơ Phạm Hồ

Chăm Pa. Chúng ta, khi nghe hát bài *Hoa Chăm Pa* của dân tộc bạn, tưởng như đang trông thấy các cô gái Lào nhảy múa theo nhịp khèn. Trăng và suối đều ướp một mùi hoa đại tình tứ một cách kín đáo, ý nhị.

... *Hoa Chăm Pa* ơi!
Dân Lào nuôi hoa
Đã bao năm rồi
Gió đưa hương mùa...

Trở lại cây đại Hương Sơn. Nó sống trên núi đá vôi rất tốt vì nó có sức vượt mùa hanh khô ở một nơi thiếu nước rất giỏi. Về mùa đông nó rụng hết lá để chống bốc hơi, chống thoát nước. Trong khi nó chứa nhiều nhựa, tích lũy nhiều nước để sử dụng trong mùa đông giống như con gấu mùa hè tích lũy mỡ trong mình để mùa đông vào hang ngủ, không cần ăn.

Khác với cây rau sắng chỉ sống được ở núi đá vôi, cây hoa đại sống ở núi đá vôi cũng được, sống ở đất đồng bằng màu mỡ cũng tốt.

Đại cũng là một cây thuốc. Theo kinh nghiệm dân gian, hoa đại có thể dùng để chữa bệnh huyết áp. Vỏ cây đại có thể dùng để chữa đau răng, sưng mọng răng. Còn cái màng trong vỏ có thể dùng làm thuốc tẩy. Dùng thuốc như thế có công hiệu không và cách chế biến thế nào, xin hỏi các thầy thuốc Đông y, Tây y cho chắc chắn.

CÂY CỎ HƯƠNG SƠN

Bàn về màu xanh cây cỏ trên núi đá vôi, có bạn nói: "...Những khách du lịch hoặc các nhà nghiên cứu khoa học đã coi những quả núi đá vôi có một ít cây nhỏ bao phủ trong vịnh Ri-ô-dơ-Gia-nê-rô của Bra-xin là một kỳ quan thế giới về phong cảnh và hình thái thực vật. Dãy núi đá vôi có một ít cây lớn sinh sống lâu đời của đất nước Ni-zê-ri-a, trở nên khu vực bảo vệ thiên nhiên đặc biệt của quốc tế. Những ngọn núi đá vôi có cây xanh bao phủ trong vườn quốc gia In-đô-nê-xi-a, dãy núi đá có động âm nhạc của xứ Xcôt-lăng đều được xem như những hòn ngọc quý... Nhưng nếu đem so sánh với núi đá vôi của ta, thì những kỳ *quan* ấy chưa thấm vào đâu... Cái ưu thế của núi đá vôi ở đất nước ta là rừng cây trên núi đá vôi... Trên lớp đá vôi tưởng chừng không có một chút màu mỡ, để có nhiều loại cây sinh sôi được, mà (núi đá vôi) ở ta lại có hẳn cây lớn mọc thành rừng xanh tốt, quả là kỳ *quan*...

Trên núi đá có rừng cây thì bao giờ cũng có nhiều cây thuốc hiếm quý, lại có nhiều chim, thú sinh sống"⁽¹⁾.

Ý kiến trên là bạn nói chung về núi đá vôi ở nước ta. Riêng dãy núi Hương Sơn cũng vậy. Hương Sơn là núi đá vôi mà bao phủ một màu xanh, yếu tố quan trọng nhất của vẻ đẹp thắng cảnh. Sở dĩ Hương Sơn cũng như những núi đá vôi khác ở nước ta có rừng xanh như vậy là vì khí hậu nhiệt nhiều mà ẩm cũng nhiều, quá trình *phong hoá* đã tạo cho núi đá vôi một lớp đất màu khá dày, cây cỏ có thể mọc tốt được.

*

* *

Ở phía Bắc tỉnh Hà Tây có núi Ba Vì là một kho dược liệu, ở phía Nam tỉnh Hà Tây có dãy núi Hương Sơn cũng là một kho dược liệu. Cây thuốc ở Hương Sơn nhiều không kể xiết. Mơ, củ mài, cây đại là những cây thuốc. Các cây thuốc khác hoặc còn ở trạng thái thiên nhiên, hoặc đã được đưa về trồng trong vườn. Cụ Phạm Văn Thạch (tức Từ Thạch) ở chùa Tào Khê tham gia

⁽¹⁾ Trích bài "Núi đá vôi, vốn quý văn hoá và khoa học" của Võ Trí Chung (Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật tháng 8 - 1971).

công tác Đông y ở địa phương, có trồng một vườn thuốc ngay trước cửa chùa. Vườn thuốc Tào Khê có đến hàng trăm loại cây thuốc. Theo cụ Thạch, ta đi lên núi, vào rừng Hương Sơn, bước bước đều gặp cây thuốc mà vì không phải là nhà chuyên môn về y dược, ta không chú ý đầy thôi. Kìa những cây thái lai (sách thuốc gọi là *biển súc*) lá đẹp, dây bò lan, có thể trồng vào cái lẵng, treo làm cảnh. Riêng lá nó thường dùng làm thuốc chữa mất nhiệt, thông tiểu tiện. Nọ những cây kim ngân, dây leo, hoa vàng nhạt (sách thuốc gọi là *kim ngân hoa*, uống vào tiêu độc hay vô kê⁽¹⁾). Lại có cây lòng cu ly (tức cầu tích) chữa bệnh đau lưng, củ khúc khắc (tức thổ phục linh) có công dụng *đuôi thấp trừ phong*⁽²⁾, cây ô rỗng (tức cốt toái) có thể chữa *lành xương gãy*⁽³⁾, dây lạc tiên (rất nhiều) dùng làm thuốc an thần, chữa bệnh mất ngủ, cây sa nhân có hạt chữa lạnh bụng, đầy bụng... Thuốc bổ thì có giống *sâm bay*, hạt bay đến mọc ở ghềnh đá, có củ dùng uống bổ tì bổ vị. Đó là mới mở ra một vài thứ cây thuốc làm thí dụ thôi. Kể sao cho hết.

★

★ ★

(1), (2) (3) Theo Hải Thượng Lãn Ông (Sách "Lĩnh nam bản thảo" Nhà xuất bản Y học và Thể dục Thể thao).

Khách leo núi, nhất là các cụ, thường dùng gậy cho đỡ mỏi. Trong này có sẵn gậy lau và gậy lụi. Gậy lau lấy ở cây lau, thứ cây dễ thấy và dễ lấy. Cây lụi thì ở trên núi cao, mà lại hiếm, khó tìm. Nó mọc thành từng bụi. Cây hơi giống cây huyết dụ. Lá nó giống lá cọ nhỏ. Lá già rụng, để lại đốt như đốt của cây cau. Rễ nó cũng hơi giống rễ cau. Thân cây bụi nhỏ mà bền, để lâu lên màu vàng đỏ, nhẵn bóng. Khi làm gậy, người ta để một ít rễ, rồi tỉa tót thành hình đầu rồng. Cây gậy lụi *đầu rồng*, đem về làm quà cho người già thì quý lắm.

Sản phẩm Hương Sơn có một thứ mà các bà nội trợ thích mua về. Ấy là cái chổi dót vừa đẹp vừa bền, dùng để quét giường quét phàn. Gọi là chổi "dót" cũng chưa đúng lắm. Vì chổi đó làm bằng bông của một giống cây gọi là cây "bêm dao bầu" (là nó hình dao bầu). Bêm là giống cây "lách", cây "le" cũng có nhiều như cây lau ở rừng Hương Sơn. Còn cây "dót" thực ra là một thứ tre nhỏ tập dùng để làm mảnh, như kiểu mảnh cọ, mảnh trúc.

Cây rừng thiên nhiên ở Hương Sơn mà có hoa, có quả thì rất nhiều. Đặc biệt mùa hè có hoa *đầu máu* một thứ cây dây leo hoa trắng như hoa ban Tây Bắc, mùa thu có hoa *giã ngược* (thứ cây lá to

và dài như lá náng, hoa vàng trắng). Dầu máu và giá ngược ở núi nào trong Hương Sơn cũng thấy có.

Phong lan Hương Sơn có nhiều giống, thường ở chót vót gần đỉnh núi. Hay gặp là *lô hội*, hoa tựa như hoa lan đất; *cẩm tú* hoa trắng, bố cục như bông mầu đơn; *phi điệp*, giò hoa rủ xuống, cánh hoa như cánh bướm tím; *quế lan hương*, hiếm hơn, lá cũng đủ thơm như mùi quế, chưa nói đến hoa.

Cây to thì có cây sang, hoa phớt hồng, quả giống bồ kết, hạt to bằng hạt mít luộc ăn ngon; cây sộp (gỗ tốt hơn gỗ gang); cây dẻ gai và rất nhiều loại muông. Cây dây leo thì có đến hàng trăm thứ, phần nhiều là quạch, đã tạo thành *võng thiên nhiên* ở đền Cửa Võng. Có những thứ dây leo như dây mọi, dây dự dùng để buộc hay bó vật gì cũng bền.

Rừng Hương Sơn tuy ít cây gỗ quý, nhưng không thiếu những loại cây có thể làm cột nhà, kèo nhà, đóng đồ vật dùng trong gia đình. Củi thì đã đành là rất sẵn. Việc bảo vệ rừng và gây thêm rừng vẫn cần được tiến hành ở Hương Sơn.

CHIM, THÚ HƯƠNG SƠN

Trong núi chùa Hương có một loài chim gọi là chim gõ mõ. Về mùa xuân, nó cóc cóc suốt ngày đêm. Ban ngày, nhiều tiếng động, không ai chú ý mấy, nhưng ban đêm tĩnh mịch, chợt tỉnh giấc, nghe nó kêu cứ tưởng tiếng mõ vẳng từ một động chùa nào đó xa xa. Xưa người ta cho rằng ở *đất Phật*, chim cũng gõ mõ tụng kinh. Câu văn cổ:

Đêm quanh chùa, chim gõ mõ truyền kinh.

Chim gõ mõ ở trong rừng sâu, không mấy khi trông thấy. Có nhà nghiên cứu về các loài chim cho biết: chim gõ mõ là chim gõ kiến sống ở nhiều vùng rừng núi trên khắp thế giới, trừ châu Úc và đảo Ma-đa-gát-xca... Có con màu trắng đen xen lẫn. Có con toàn thân đen xanh trừ phía trên đầu có lông đỏ rực rỡ như một chiếc mũ nồi. Có con tựa như con quạ; lông màu cánh sen, ở gáy nó có túm lông đỏ vàng. Đặc biệt từ hai bên má xuống cổ, dài đến tận hai đầu cánh là những vệt lông trắng đều đặn,

cân đối làm cho nó có vẻ hấp dẫn lạ lùng... Gõ kiến có mỏ khỏe. Đặc biệt lưỡi nó nhỏ, dài, có nước bọt dính, bắt được kiến dễ dàng... Điều đáng chú ý là gõ kiến rất cần cù, chịu khó. Từ sớm đến tối, gõ kiến chuyển từ cành này sang cành khác và dùng mỏ mổ cọc, cọc, cọc vào thân cây, tìm tổ kiến và tổ mối để bắt mối⁽¹⁾.

Theo ông Nguyễn Văn Vương, người địa phương, thì chim gõ mỏ không phải là chim gõ kiến mà cũng không phải bất cứ một giống chim nào. Tiếng nó kêu khác tiếng chim gõ kiến. Nó là một giống nhái, chân dài, mình nhỏ, khi kêu, cổ nó phập phồng như cổ con cóc gọi mưa. Xin cứ nêu ý kiến trên đây để các nhà nghiên cứu tham khảo thêm.

Rừng Hương Sơn cũng như tất cả những khu rừng khác của nước ta, rất phong phú về chim. Ai cũng nghe thấy chim khướu véo von khắp rừng núi mùa xuân; tu hú, bìm bịp kêu náo động mùa hè. Nhưng người dân địa phương, nhất là dân thợ săn như cụ Nguyễn Văn Toàn, thì đã gặp từ thuở bé ở rừng núi quê mình nhiều giống chim, có cả những giống hiếm quý. Cụ Toàn cho biết ở đây có gà rừng, gà gô, gà lôi, chim vẹt và cả chim công nữa.

⁽¹⁾ Theo Hoàng Mạnh Trí và Bùi Đình Hội "Kể chuyện của loài chim" (Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội - 1974).

"Công là loài chim đẹp và quý ở nước ta. Công đực có bộ lông sặc sỡ. Lông đuôi dài thướt tha có hoa tròn hình mặt trăng. Khi công múa thì càng đẹp, nhất là bộ lông đuôi dựng đứng lên và xoè ra như những nan quạt rất rực rỡ... Công đực nhờ bộ mã đẹp của mình mà lôi cuốn được công mái. Đến mùa sinh đẻ, công đực thường múa quanh công mái và ghép đôi... Trước kia, ta có rất nhiều công. Nhưng đến nay công còn rất ít vì trước đây, nó bị săn bắn bừa bãi. Ngày nay, chúng ta phải có kế hoạch để bảo vệ loài chim quý này..."⁽¹⁾.

Chim xít và mòng, két là những loài chim phá lúa rất dữ. Sau vụ cấy lúa mùa, mòng, két thường bay từng đàn như những đám mây đen, sà xuống phá lúa. Xít thì làm tổ ở ruộng lúa và thường cắn ngang gốc lúa để ăn non. Vì thế, đánh lưới, đánh cạm bắt được chim xít và mòng két thì ta vừa có thêm món ăn ngon vừa trừ được loài chim có hại. Với cụ Toàn và những người cùng nghề, từ tháng mười đến rằm tháng giêng âm lịch là mùa đánh chim. Xít thì đánh bằng cạm, đón lồi mà đánh. Mòng, két thì đánh bằng lưới *díp* dăng ở quèn Đồng Bèo.

⁽¹⁾ Theo Hoàng Mạnh Trí và Bùi Đình Hội "Kể chuyện của loài chim" (Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội - 1974).



Núi Hương Sơn cùng một dải với núi Hoà Bình. Những loài muông thú ở rừng núi Hoà Bình có thể qua lại rừng núi Hương Sơn. Cọp Hoà Bình sang Hương Sơn chỉ mấy bước đường núi. Vì vậy ngày xưa *nền đất Trục lẫm hùm tinh* cũng không lấy gì làm lạ. Cụ Toàn kể chuyện: ở Thung Lá - lối Trán Song rẽ vào, giáp Nhượng Lão (Hoà Bình) núi cao, cây rậm lại có những *giát* đá phẳng, cọp hay lui tới. Ngày trước có con cọp nổi tiếng là dữ và to, mình nó (kể cả đuôi) dài đến 10 thước ta (4 mét). Chắc là có nói ngoa nhưng cũng để chứng tỏ con mãnh thú ấy to lắm. Lại kể: cách đây năm, sáu đời người có một ông tên gọi là Viêm vào trồng ngô ở đất chùa Giải Oan, vì ăn mất con dím vốn là mối của cọp bắt được để dành, nên bị cọp vồ để trả hờn. Chi tiết cọp *trả hờn* chắc là bịa nhưng chuyện ông Viêm bị cọp vồ có thể có thật. Gần đây, cọp ở Hương Sơn vẫn còn. Ông Vượng làm công tác trực tiếp theo dõi việc xây dựng trong thắng cảnh, có khi phải nằm liên miên nhiều đêm trong động Hương Tích vắng vẻ; đã nghe thấy tiếng cọp gầm và có đêm trông thấy cọp mon men xuống uống nước dưới động. Nói vậy, xin các vị vào thăm cảnh cứ yên tâm vì xưa nay chưa hề có chuyện người ở ngoài đến Hương Sơn hay người chính quê ở Hương

Sơn bị cọp vồ (trừ chuyện ông Viêm cách đây đã năm, sáu đời). Cọp là một giống thú có giá trị kinh tế lại sinh sản ít nên việc săn bắn nó cũng cần hạn chế. Báo (còn gọi là beo thì nhiều hơn cọp. Gần đây có xảy ra một trường hợp beo và bắt trộm lợn trong chuồng nhà nông dân trong xã. Trước kia ở rừng Hương Sơn đã có bò tốt. Cụ Toàn cho biết khi cụ còn nhỏ, bố mẹ đi rừng về, nói rằng: trông thấy bò tốt ở vườn tre Thung Cạm (trong Rừng Vài). Gấu lợn (đuôi cộc) và gấu ngựa (có bờm như bờm ngựa) thì chính cụ Toàn đã trông thấy khi đi rừng.

Ông Luận, con cả cụ Toàn đã thấy chó sói ở thung Cổ Bồng, lại một lần khác chứng kiến cảnh chó sói đuổi nai ở chỗ núi Chéo Cờ trông sang bên Trờ. Ông cũng đã thấy lợn lòi đi thành đàn về phía thung Ba Sao (thuộc Hà Nam).

Bố con cụ Toàn, ngoài công việc đồng áng, không mấy đêm là không xông xáo trên núi, trong rừng, nhất là vào mùa săn. Mấy bố con thuộc đường đi lối lại và thói quen của các loài thú (cũng như các loài chim. Họ đã bắt được cả thú dữ như beo. Còn sơn dương, hoẵng, nai, vượn, khỉ là những món họ thường kiếm được.

Mỗi năm, mấy bố con bắt được hàng chục con sơn dương (mỗi con nặng hàng tạ, xương nấu cao tốt, thịt ăn bổ). Sơn dương lông đen, sừng dài và

dựng cao hơn sừng hoẵng. Hoẵng, lông màu nâu vàng, tiếng kêu *oéc oéc*. Người ta bẫy sơn dương bằng cách đặt cái bẫy hình vòng kiềng trên lối nó đi và nhớ chu kỳ 21 ngày nó quay lại chỗ cũ ăn lá non. Con sơn dương khoẻ, có khi chân đã mắc bẫy còn mang cả cái bẫy đi theo một quãng xa. Cái bẫy bằng sắt va vào đá kêu choang choảng, trong khi con thú kêu *khoéc khoéc* âm ỹ cả đêm rừng vắng lặng. Có lần cụ Toàn dùng lưới dăng, lưới giật tóm được cả một đàn khỉ xuống phá lúa ở thung Đồng Bèo.

Cụ Toàn năm nay 74 tuổi mà còn rất khoẻ. Ban đêm, cứ vác hai vai hai cái bẫy sắt vào rừng, không cần đèn đóm gì cả. Cụ làm ruộng và đánh cá cũng giỏi như săn chim, săn thú.

THẮNG CẢNH, XUÂN MAI SAU

Nối tiếp truyền thống của ông cha ta vừa đánh giặc vừa dựng nước, Đảng và Nhà nước ta rất chú trọng đến việc giữ gìn, sửa sang những danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử, ngay giữa những lúc bận bịu trăm công nghìn việc. Sau khi đánh thắng giặc Pháp xâm lược, khi hòa bình lập lại chưa được bao lâu, chúng ta đã dựng lại chùa Một Cột ở Thủ đô, tái tạo đúng như công trình kiến trúc cũ đã bị Pháp phá hủy hoàn toàn: rồi dựng lại lầu chuông chùa Keo ở Thái Bình, một mẫu mực độc đáo của kiến trúc dân tộc, cũng đã từng bị Pháp phá hủy, chùa Tây Phương ở Hà Tây cũng được tu sửa lại. Giữa những ngày máy bay giặc Mỹ ném bom, bắn phá ác liệt nhất, những pho tượng Tây Phương, tiêu biểu cho nghệ thuật điêu khắc tài tình của ông cha ta, đã được đem đi sơ tán ở một nơi an toàn. Tạm thay thế vào đấy đã có những pho tượng phiên bản bằng thạch cao, chẳng khác gì nguyên bản.

Riêng thắng cảnh Hương Sơn, nổi tiếng *Đệ nhất động*, thì sự sửa sang xây dựng được tiến hành không ngừng, như đã nói ở một vài đoạn trên. Chỉ xin nói thêm vài việc chính trong năm ngoái (1973) và năm nay (1974):

- Bắc một cầu tre từ bến Đuôi Voi sang bến Trò dài 260m, qua cả chiều ngang suối Tuyết.

- Mở thêm một khúc đường đá dài 350m từ bến Trò lên cửa chùa Trò.

- Mở sân mới, ghép bằng đá, rộng $500m^2$, trước cửa chùa Trò.

- Đắp 1 héc - ta đất làm nền ở khu bến Yên, chuẩn bị làm nhà cho cán bộ công nhân viên.

- Kê đá mở, thêm một đường và chùa Tuyết. Đường rộng 2m. Nhiều chỗ phải bặt núi mở đường.

- Sau đôi làm thêm 6 nhà trọ (mỗi nhà $120m^2$ ở khu chùa Trò).

- ...

Trong mọi công việc xây dựng, Ban Quản trị thắng cảnh Hương Sơn, trực thuộc Ty Văn hoá Thông tin tỉnh, đều được sự hỗ trợ tích cực và nhiệt tình của Ty Kiến trúc (nay là Sở Xây dựng) Hà Tây và Bộ Kiến trúc (nay là Bộ Xây dựng). Mấy năm trước, chúng tôi đã gặp kiến trúc sư Nguyễn Cao

Luyện, một người lão thành trong nghề, cùng đi với ba cán bộ giảng dạy ngành kiến trúc và hai mươi kiến trúc sư, vào nghiên cứu thực địa. Tất cả đều do Bộ Kiến trúc cử về để chuẩn bị làm dự thảo thiết kế quy hoạch khu thắng cảnh. Chúng tôi cũng đã gặp những đoàn khảo sát địa chất gồm toàn cán bộ nam và nữ trẻ tuổi, đặt Hương Sơn vào một bộ phận trong chương trình khảo sát cả một khu sơn hệ rộng lớn. Một số nhà nghiên cứu sử và khảo cổ học cũng đã vào đây, và người nào, dù nhiều dù ít, cũng có những phát hiện đáng kể.

*

* *

Với tình hình khả quan như vậy, thắng cảnh Hương Sơn chắc hẳn mỗi ngày một tăng tiến về nhiều mặt.

Đất nước ta trong ngót ba mươi năm qua phải dành sức người sức của cho hai cuộc kháng chiến: chống Pháp và chống Mỹ. Hiện nay, phần lớn sức người sức của vẫn cần dành cho lao động sản xuất để xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa và làm nghĩa vụ thiêng liêng đối với miền Nam ruột thịt. Việc xây dựng thắng cảnh cũng phải đặt trong hoàn cảnh thực tế đó. Tuy nhiên, đứng trong cái đẹp của thắng cảnh ngày nay ta vẫn có thể hình

dung được thắng cảnh ngày mai trên cơ sở hiện thực của công việc xây dựng và những dự án, dự thảo đang được bàn bạc để thực hiện dần trong những kế hoạch nhiều năm tới.

Các nhà chuyên môn trong ngành kiến trúc tuy có nhiều ý kiến khác nhau về chi tiết, nhưng về yêu cầu chính của thiết kế quy hoạch đều bố trí rằng: "Trong việc xây dựng mới, tu bổ và hoàn thiện khu Hương Sơn, cần bảo vệ thiên nhiên, tô điểm thêm vẻ đẹp của thiên nhiên và di tích lịch sử cổ truyền"⁽¹⁾.

Có ý kiến đề xuất những điều rất mới, như: "Các tổ chức vui chơi giải trí, các công trình mới xây dựng như nhà trọ, quán ăn - giải khát... nên xây dựng ngoài phạm vi các di tích lịch sử và gần với thắng cảnh thiên nhiên, phù hợp với kiến trúc nơi danh lam. Các công trình sẽ xây dựng theo hai loại: loại cố định phục vụ khách thường xuyên và loại theo kiểu tháo lắp nhằm phục vụ số người đến vãng cảnh trong những ngày hội"⁽²⁾.

Người nêu ý kiến trên nghĩ rằng: sở dĩ các tổ chức giải trí, nhà trọ, quán ăn... nên xây dựng ngoài phạm vi các di tích lịch sử là để cho cảnh trí

⁽¹⁾, ⁽²⁾ Dự thảo thiết kế quy hoạch của ngành kiến trúc.

dỡ *tạp*, chỗ nào ra chỗ ấy, và di tích được bảo vệ tốt hơn. Còn việc nghĩ đến các công trình *phục vụ khách thường xuyên* là có tính đến thực tế sau đây:

Thắng cảnh Hương Sơn đã là một *kỳ viên*, một công viên lớn thì mùa nào, khách có thì giờ đến thăm cũng được, chẳng cứ gì ngày hội. Đã dành cảnh xuân là đẹp, nhưng Hương Sơn mỗi mùa có một vẻ đẹp riêng. Thầy giáo và học sinh được nghỉ hè có thể vào chơi trong dịp hè. Anh cán bộ, chị công nhân được nghỉ phép năm vào mùa hoa mơ nở có thể vào xem hoa mơ. Bà con nông dân nếu bận việc hợp tác vào những tháng xuân, có thể đợi khi thu hoạch xong sẽ đi vắng cảnh. Không nhất thiết phải tập trung quá đông vào ngày xuân tháng hội.

Về mặt kinh tế, cũng có ý kiến hay: "Tại vùng chùa Tuyết có nhiều bãi cỏ rộng, có khả năng chăn nuôi. Hiện nay trên núi cao, nhân dân đã thả dê nuôi. Nhìn chung, Hương Sơn có nhiều khả năng phát triển kinh tế, khai thác các nguồn lợi. Nên tiến hành toàn bộ quy hoạch thủy lợi, phát triển nuôi cá ở các suối, hồ. Nên trồng thêm dâu, mơ và gieo trồng rau sắng, chăn nuôi dê có quy mô trên các đồng cỏ và núi"⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Dự thảo thiết kế quy hoạch của ngành kiến .

Về việc trồng thêm cây, có ý kiến bàn nên trồng:

- Trên các sườn núi xa: cây gạo, cây phượng

- Trong khu vực chùa: ngọc lan, đại.

- Trên các tuyến đường: trúc ở đường núi, bưởi, dừa ở đường bằng.

- Ở bến Đục, bến Yến: long nhãn, các loại cây hoa, các loại cây ăn quả.

Về những công trình kiến trúc thì có thể xây dựng "những cái thật tiêu biểu cho nghệ thuật cổ truyền nơi danh lam"⁽¹⁾. Ngoài ra, có thể sẽ có những công trình trực tiếp phục vụ khách thăm cảnh. Thí dụ:

- Mở con đường nước từ Long Vân đến Tuyết Sơn trên tuyến đền Trình (Ngũ Nhạc) - Long Vân - Tuyết Sơn.

- Làm nhà cho thuê ngựa tại khu chùa Bảo Đài.

- Sửa chỗ cắm trại, leo núi ở Thung Lâu và Hình Bồng cho thanh thiếu niên.

- Mở rộng vườn hoa trước chùa Thiên Trù.

- Mở vườn trà tại núi Đuôi Voi.

⁽¹⁾ Dự thảo thiết kế quy hoạch của ngành kiến trúc.

- Đào hồ mới sau bến Trờ cũ (có đập tràn giữ nước).
Ở mé khuất gió, xây dựng nhà cho thuê thuyền⁽¹⁾.

Các nhà chuyên môn đề xuất những ý kiến trên đều có nghiên cứu suy nghĩ kỹ, đều nhằm đáp ứng yêu cầu "giải quyết từng điểm cảnh, nhưng phải chú trọng nhìn toàn cảnh"⁽²⁾. Đó là cái nhìn của những người biết thưởng thức cái đẹp của bức tranh lớn thiên nhiên.

Những ý kiến ấy phần nhiều là những dự kiến, còn có thể thay đổi trước khi trở thành những điểm cụ thể trong một bản quy hoạch chính thức. Song những vấn đề cơ bản như bảo vệ thiên nhiên và di tích lịch sử, tạo nên tiện nghi cho khách thăm cảnh, điểm tô thêm vẻ đẹp thắng cảnh theo khả năng hiện có, đều được chú ý từ lâu - nhất là từ khi có Ban quản trị thắng cảnh và được thực hiện dần từng tháng, từng năm. Cứ đà ấy, bức tranh tương lai của thắng cảnh hiện lên dần dần, mỗi năm một thêm rạng rỡ.

⁽¹⁾, ⁽²⁾ Dự thảo thiết kế quy hoạch của ngành kiến trúc.

VÀI LỜI CUỐI SÁCH

Khách trong nước và khách nước ngoài vào thăm thắng cảnh Hương Sơn - một nơi quen mà vẫn lạ, cũ mà vẫn mới, thoát tưởng *hư không* mà rất hữu tình, thoát ngõ *xa côi tục* mà rất gần cuộc sống, một bầu non nước không phải chỉ có cái đẹp bề ngoài mà còn chứa đựng nhiều vấn đề liên quan tới khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - ai chẳng yêu cầu những lời giới thiệu, những câu thuyết minh. Từ xưa tới nay, sự giới thiệu và thuyết minh về thắng cảnh Hương Sơn không phải là hiếm. Những bài thơ, những bản *hành trình* ngoài phần tả tình, tả cảnh hoặc trong phần tả tình, tả cảnh cũng có giới thiệu, thuyết minh nhiều ít vấn đề cụ thể. Đã nhiều năm nay, ngành Văn hoá tỉnh đã viết những bản thuyết minh đặt ngay ở những chỗ khách qua lại, ra vào; Ban Quản trị thắng cảnh cũng cử người trực tiếp thuyết minh bằng lời của những điểm cần thiết.

Tác giả sách này xin tự coi việc mình làm như một việc giới thiệu, thuyết minh. So với những bản thuyết minh văn tắt thì cuốn sách có thể kỹ càng

hơn, tỉ mỉ hơn một chút. Dù sao cũng không tránh khỏi những sơ sài, thiếu sót.

Tác giả ghi chép ở đây những điều mình trông, nghe, cảm, nghĩ về thắng cảnh Hương Sơn và cũng tập hợp sử dụng một số tài liệu do bản thân mình sưu tầm trong những chuyến đi công tác và do nguồn hỗ trợ của các cụ, các bạn ở xã Hương Sơn, của các đồng chí cùng công tác trong ngành văn hoá thông tin Hà Tây và các nhà học thuật ở các nơi khác.

Xin chân thành cảm ơn những tấm lòng đáng quý ấy. Tác giả không có tham vọng và cũng không có đủ khả năng đi sâu vào các vấn đề chuyên môn. Việc này xin dành cho các nhà nghiên cứu có học vấn uyên bác. Về những sơ sài, thiếu sót, mong các vị thông cảm và bổ sung, chỉ bảo cho.

Cuốn sách nhỏ này, với một niềm quý mến trân trọng.

Xin gửi tặng:

Khách mười phương đến thăm cảnh Hương Sơn

Trong việc tặng sách, người viết xin phép nghĩ tới mấy người thân trong gia đình là:

Bà và Mẹ, những người quá vãng, đã từng tha thiết với thắng cảnh Hương Sơn.

Mùa hoa mơ

1974

ĐÔI ĐIỀU TÂM NGUYỆN

Đứng trước Phật đài, thấp nén tâm hương, tôi Trần Lê Văn tác giả sách "Thung mơ Hương Tích" xin có đôi điều tâm nguyện kính gửi chư vị khách hành hương và khách du lịch từ mười phương đến lễ Phật, thăm thắng cảnh Hương Sơn, động - chùa Hương Tích; kính gửi chư vị trong tỉnh Hà Tây, huyện Mỹ Đức, xã Hương Sơn có trách nhiệm quản lý và bảo quản thắng cảnh:

Nơi đây đã được danh hiệu tôn vinh là "Nam thiên đệ nhất động", từ xưa đến nay đã là nơi thu hút hàng triệu người đến hành hương và du lịch, nhất là trong những ngày xuân tháng hội. Khách trong nước và nước ngoài đã ghi lại những cảm nghĩ của mình về nơi "Bầu trời cảnh Bụt". Một du khách người Pháp ký tên tắt là F.P.L. đã ghi trong sổ vàng của thắng cảnh: "Tôi lấy làm sung sướng được cầm cây gậy hành hương để thấy nước Việt Nam thần thoại trong lòng núi". Du khách nhiều nước khác cũng có những cảm nghĩ tốt đẹp như vậy.

Gần đây một số ít người đã vì chút lợi nhỏ mà nỡ làm những điều rất đáng tiếc. Nào là tạo ra chùa giả, động giả, câu đối giả... khiến cho khách thập phương nếu không tinh ý, dễ bị "vàng thau lẫn lộn" và bị bối rối trong cảm giác và tư duy.

Tôi mừng rằng những hiện tượng trên đây đã được thanh toán dứt điểm, trả lại sự toàn vẹn tốt đẹp cho thắng cảnh Hương Sơn và động - chùa Hương Tích.

Hà Nội vào thu Nhâm Ngọ (2002)

Chân thành kính gửi

Ký tên

Trần Lê Văn

MỤC LỤC

❖ Lời nói đầu	5
❖ Rừng núi Hương Sơn còn nhớ mãi.....	7
❖ Một bức tranh tình	13
❖ Tiếng nói chân tình của khách mười phương	20
❖ Ở một vùng sông Đáy	27
❖ Những chặng hành trình	36
❖ Theo dòng suối Yến.....	41
❖ Đền Trình - Ngũ Nhạc.....	49
❖ Cầu làng Hội.....	54
❖ Đường mới Chùa Hương	57
❖ Bếp trời	65
❖ Thăm hang "Trú Quân".....	76
❖ Núi Tiên, chùa Tiên.....	82
❖ Ao thiên nhiên, vũng thiên nhiên	87
❖ "Đệ nhất động"	91
❖ Hình Bồng.....	106
❖ Long Vân	111
❖ Tuyết Sơn	114

❖ Cờ nghĩa Tuyết Sơn	117
❖ Từ Cao Bá Quát, Cao Bá Nhạ đến Nguyễn Cao	132
❖ Hội xưa, làng cũ	140
❖ Ngọn cờ cứu nước trên núi Chùa Hương.....	159
❖ Du Kích Hương Sơn.....	167
❖ Từ Phật ngày xưa đến Phật tử ngày nay	176
❖ Nét xuân hội mới	185
❖ Mơ	194
❖ Rau sắng và củ mài	201
❖ Cây hoa đại.....	206
❖ Cây cỏ Hương Sơn.....	208
❖ Chim, thú Hương Sơn.....	213
❖ Thắng cảnh, xuân mai sau.....	219
❖ Vài lời cuối sách	226
❖ Đôi điều tâm nguyện	228

TRẦN LÊ VĂN

Thung m^ơ
**Thung m^ơ
Hương Tích**



THANH NIÊN

Giá : 25.000